



HƯƠNG TỐNG, THI SĨ BỊ
Ê NGỌC CHẤN RA LỆNH GIẾT



PHÙNG CUNG
GỬI RIÊNG KHỞI HÀNH



NGUYỄN SỸ TẾ
TRIẾT LÝ THỰC DỤNG



NGUYỄN HỮU HIỆU ĐI VÀO
THẾ GIỚI SIÊU LINH

Khởi Hành

TẠP CHÍ SÁNG TÁC SINH HOẠT VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

NĂM THỨ SÁU ■ SỐ 157 ■ Chủ Nhiệm kiêm Chủ Bút Sáng Lập: Anh Việt TRẦN VĂN TRỌNG
BỘ MỚI ■ SỐ 1 ■ Tổng Thư Ký Tòa Soạn: VIÊN LINH ■ Tháng 11/1996 ■ GIÁ 3.50 MK

ĐẠI KỶ TỬ HÀ NỘI



minh họa PHẠM HOẢN

Nén nhang

Phình phờ dê tiện
Bả bầy tù đầy
Máu chảy đầu rơi ngày tháng
Ngót thế kỷ bạo quyền

Không dập tắt nổi Nén nhang

PHÙNG CUNG

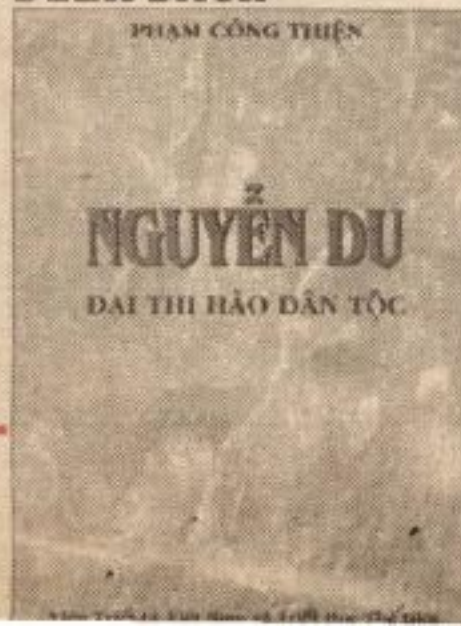
Phùng Cung

NGHE NHẠC



BÍCH
THU
VÂN

ĐIỂM SÁCH



COI PHIM



CONG LI

XEM HÌNH



NGÂN HÀ

KHÚC LAN

HÌNH NGÂN HÀ

Đại học Nghệ Thuật Academy of Art vừa phổ biến một bản tin thông báo kết quả cuộc thi Nhiếp Ảnh có chủ đề The California Dream do viện này tổ chức dưới sự bảo trợ của Mumm Cuvée Napa và hãng Canon. Cô Hồ Ngân Hà đoạt giải nhất với tấm hình Vườn Anh Đào Nở, hai người đoạt giải nhì đồng hạng là Sheng-Fa Lin và Jerry Doddrell. Giải nhất trị giá một năm học bổng (10.000 mỹ kim), tại Đại Học Academy of Art, hai ngàn mỹ kim và một máy Canon Z 70 Sureshot.

Tấm hình này hiện đang trưng bày tại Viện Mumm Cuvée Napa Gallery (cho đến ngày 1-1-1997), số 410 Bush St, San Francisco, CA.

Ngân Hà không xa lạ gì với nghệ thuật hình ảnh. Bà ngoại cô là một nữ họa sĩ cổ điển nổi tiếng tại Việt Nam từ thời thập niên 1950, đó là nữ họa sĩ Maria Mộng Hoa. Cha mẹ cô, ông bà Hồ Sĩ Hùng và Mộng Hoàn cũng như các anh chị em đều có máu nghệ sĩ.

Vườn Hoa Anh Đào Nở là một cảnh ở Saratoga, nơi cô học trước đây. Trung tâm tấm hình là một thiếu nữ khỏa thân, nằm giữa khoảng trống. (Cô nhờ một người bạn làm mẫu). Để nói về mình thêm một câu, Ngân Hà phát biểu: "Gia đình tôi tin vào Giáo Dục. Tôi tin vào Nhiệt tình, Sự Mê Say."



VN TÁI BẢN SÁCH TẠ TY

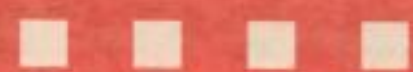
SÀI GÒN.- Theo các tin được đăng tải trên các báo Người Lao Động, Tuổi Trẻ...vừa qua, Nhà Xuất bản Hội Nhà Văn vừa cho tái bản cuốn sách "Mười khuôn mặt văn nghệ" của Tạ Ty. Cuốn sách đã được Nhà Xuất bản Lá Bối in và phát hành năm 1972 tại Sài Gòn.

Cũng theo báo Tuổi Trẻ, nhà xuất bản đã lược bớt khá nhiều

nhưng vẫn còn một số đoạn nói lên quan điểm chống Cộng của tác giả Tạ Ty. Bài báo đã trích dẫn một đoạn trong bài viết của Tạ Ty về Trịnh Công Sơn: "Trịnh Công Sơn đã chứng kiến cuộc tổng công kích của Việt Cộng hồi Tết Mậu Thân vào kinh đô Huế. Sơn đã nhìn cảnh chém giết hung tàn do cộng quân gây ra (Mười khuôn mặt văn nghệ, NXB Lá Bối, trang 35), trong sách mới của NXB Hội Nhà Văn, câu này là: "Trịnh Công Sơn, đã chứng kiến cuộc tổng công kích của Việt Cộng hồi Tết Mậu Thân vào kinh đô Huế. Sơn đã nhìn tận mắt cảnh hung tàn." Và một đoạn khác nữa thì được giữ nguyên văn trong sách tái bản: "Nhưng 25 năm đã trôi qua rồi đây và cảnh xương trắng thành non, đâu phải lỗi ở người miền Nam, lỗi ở một chế độ khát máu, mà thực ra là sự giằng co giữa hai thế lực vĩ đại quốc tế."

Theo các thông tin tổng hợp, cuốn sách nói trên có giấy phép xuất bản số 13/72/ Cục Xuất bản và theo quy định về xuất bản của CSVN thì các giấy phép này do Thứ trưởng phụ trách về xuất bản, sách báo ký. Cũng cần nhắc lại rằng Tổng thư ký hội Nhà Văn CSVN hiện nay là Nguyễn Khoa Điềm, Thứ trưởng thứ nhất của bộ Thông tin văn hóa CSVN, ủy viên trung ương đảng khóa 8, nhân vật mà theo các quan sát viên thời sự là sẽ làm bộ trưởng bộ Thông tin văn hóa CSVN thay thế Trần Hoàn. Các giấy phép xuất bản sách báo đều do Nguyễn Khoa Điềm ký. Trước khi làm thứ trưởng văn hóa thông tin, Điềm là phó bí thư tỉnh ủy Thừa Thiên, từng nắm quyền điều hành guồng máy chính quyền CSVN tại Thừa Thiên-Huế. Điềm là con trai của Hải Triều Nguyễn Khoa Văn, một lý thuyết gia của CSVN. Theo dư luận tại Sài Gòn, sự việc Nguyễn Khoa Điềm bật đèn xanh cho Nhà Xuất bản Hội Nhà Văn CSVN tái bản cuốn sách của Tạ Ty phải chăng là tín hiệu Hà Nội muốn "dần mặt" một số văn nghệ sĩ CSVN tại phía Nam mà lâu nay thường tự cho là công thần. Phải chăng vì thế mà hội nhà văn CSVN tại Sài Gòn và Nguyễn Quang Sáng đã có phản ứng mạnh mẽ.

thời sự văn nghệ



GIẢI TRUYỆN NGẮN

QUẬN CAM- Ủy Ban Văn Hóa Liên Hiệp Quốc lại một lần nữa nhờ trung tâm Văn Bút Anh đứng ra tổ chức Giải thưởng Truyện Ngắn Cho các nhà văn mà tiếng mẹ đẻ không phải là tiếng Anh. Giải này cứ hai năm trao một lần. Năm 1993 các tác giả đoạt giải là người Do Thái, Thái lan và Phi Luật Tân. Năm 1995, Thái Lan đoạt một lần nữa cùng với Algeria và Nga.

Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại vừa nhận được thư của Văn Bút Anh yêu cầu phổ biến các tin tức về giải này. Xin tóm tắt như sau:

—Các Trung tâm Văn Bút thuộc các quốc gia sẽ là nơi sơ tuyển các truyện dự thi, (những người dự thi không nhất thiết phải là hội viên Văn Bút). Mỗi trung tâm chọn và chỉ gửi đi ba truyện hay nhất. Văn Bút Anh sẽ thành lập Ban Giám Khảo chung kết.

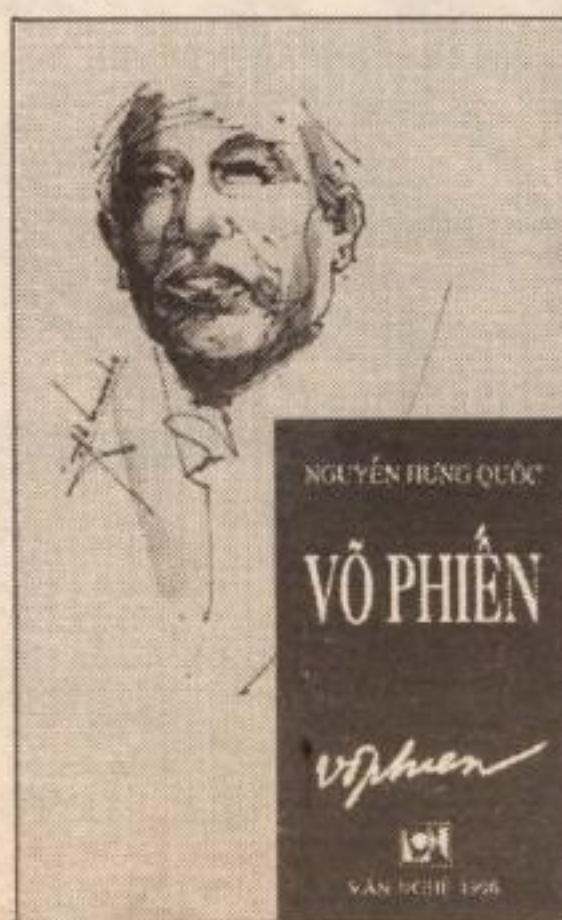
—Các giải có trị giá như sau: nhất 3.000, nhì 2.000 và ba 500 mỹ kim.

—Truyện viết bằng Anh ngữ bởi các tác giả mà tiếng mẹ đẻ không phải là tiếng Anh.

—Dài nhất 1500 chữ, đánh máy trên giấy khổ A 4 (21cm x 30cm).

—Các truyện đoạt giải sẽ được xuất bản bởi Trung tâm văn Bút Anh và Đài BBC. Truyện sẽ được đọc trên BBC. Bản quyền lần đầu thuộc Tạp chí Văn Bút Quốc Tế và Đài BBC.

Quý bạn nào muốn dự thi, xin gửi tác phẩm về trụ sở Văn Bút VNHN, 9306 Bolsa Ave, Westminster, CA. 92683. Hạn chót phải gửi qua Luân Đôn là 31-12-1996. Giải sẽ trao vào Ngày Văn Bút Quốc Tế tại Luân Đôn, trong tháng 3-1997.



"VÔ PHIẾN" ở đây là nhan đề một cuốn sách do nhà Văn Nghệ xuất bản, mà tác giả là Nguyễn Hưng Quốc. Theo Mục

lục, cuốn sách đề cập tới Võ Phiến dưới những khía cạnh như sau: Một phong cách (chương 1); Nhà lý luận văn học (chương 2); Nhà phê bình (chương 3); kế tiếp như vậy cho hết chương sáu là nhà tạp luận, nhà tùy bút và người viết truyện. Chương 7 là một chương đặc biệt: Một niềm trân trọng không nguôi.

Đây là cuốn sách thứ nhất trong loại của nhà xuất bản Văn Nghệ của ông Từ Mẫn Võ Thắng Tiết, người trước 1975 trông coi nhà xuất bản Lá Bối. Nhà xuất bản cũng như tác giả không đặt cho cuốn sách một cái tiêu đề nào, hay trong loại gì, người đọc chỉ tìm thấy điều ấy trong phần Dẫn Nhập: "...quyển sách này...nhắm đến việc phác thảo diện mạo văn chương của Võ Phiến. Chỉ là phác thảo. Và chỉ phác thảo diện mạo văn chương mà thôi". (trang 16).

Bảy chương sách chính chiếm từ trang 29 đến trang 171, trung bình 20 trang mỗi chương. Phần còn lại dành cho tiểu sử Võ Phiến, niên biểu Võ Phiến, dẫn nhập và tài liệu, hình ảnh, chân dung tác giả qua một số họa sĩ. Tổng cộng lên tới 218 trang.

Nguyễn Hưng Quốc không phải là một nhà phê bình của Miền Nam trước 1975. Ông chỉ được biết đến tại hải ngoại trong khoảng 10 năm hoặc hơn mười năm nay. Những nhận định của ông, trải dài với thời gian, đi từ bài thơ này đến bài thơ khác. Đó là những nhận định ngắn gọn, sáng sủa, cho người đọc thấy bài thơ, hay một vài nét của tác giả bài thơ, tuyệt nhiên không cho thấy người đang làm công việc nhận định. Với "Vô Phiến, điều ấy cũng được nhìn thấy rõ ràng.

Độc nhận định của Nguyễn Hưng Quốc, mà ông gọi là "phác thảo diện mạo văn chương", bằng một lối viết bình tĩnh, như một người từ ngoài nhìn vào người trong cuộc, từ bóng tối nhìn qua một cửa sổ vào một căn phòng sáng đèn, ông kể cho người đọc nghe những gì ông nhìn thấy bày biện trong căn phòng Võ Phiến. Sự quan sát của Nguyễn Hưng Quốc rất sắc bén, và bao quát. Nghe ông kể về "căn phòng Võ Phiến", người đọc dù đã thấy căn phòng đó rồi, cũng vẫn nhận ra có những thứ mình chưa nhìn thấy hết. Nguyễn Hưng Quốc đạt được điều đó nhờ ở sự phân tích bình tĩnh và tỉ mỉ và không làm văn trong khi phê bình văn.

Hiện nay tại hải ngoại chúng ta không có những lớp Quốc Văn, mà một tài liệu như "Vô Phiến" của Nguyễn Hưng Quốc rất cần thiết và thích hợp cho cả học sinh lẫn giáo sư hay những ai cần tài liệu. Và cho cả những độc giả yêu Võ Phiến.

"CUỐN THEO CHIỀU GIÓ" CỦA TRUNG HOA

Trong Đại Hội Phim Ảnh Nữ Ước, đạo diễn Chen Kaige đã mang tham dự cuốn phim mới nhất của ông, The Temptress Moon, với cô đào nổi tiếng quốc tế Gong Li, và Leslie Cheung. Phim này có thể xếp cùng loại với cuốn phim khiến danh tiếng ông nổi như cồn: Vĩnh Biệt Quý Phi.

Câu chuyện xảy ra vào khoảng những năm 1920 tại Trung Hoa sắc mùi thuốc phiện, trước giai đoạn Cộng Sản. Đây là Thượng Hải, một thành phố với gang tở, điếm, không thiếu các trò sa đọa hay những thủ đoạn giết người. Chen Kaige, giống như Farewell My Concubine, dựng lại một quá khứ Trung Hoa với lịch sử, cảnh sống xã hội thời đó. Ông huy động những chuyên gia phong tục, y phục, khiến người xem bị thuyết phục ngay với những hình ảnh đầu tiên rằng đây là một phim thời đại phong phú. Tuy nhiên, thời thế lại không phải chủ đề của cuốn phim; mà là một số con người thời đại đó, những giấc mộng tình, dục lạc, tâm lý, một Cuốn Theo Chiều Gió nhưng không có chiến tranh.

Vai chính, Scarlett và Rhett của Temptress Moon là Ruyi (Gong Li) và Zhonglian (Leslie Cheung), cả hai cùng lớn lên với nhau dưới bóng tòa nhà tổ tiên để lại của gia đình Pang. Ruyi mới hơn 10 tuổi thì cha chết vì thuốc phiện, do đó nàng trở thành người cầm đầu của gia đình này, vì người anh nàng không hiểu sao bệnh hoạn một cách bí mật. Cả hai anh em cùng nghiện thuốc phiện. Do một kẻ thù của gia đình xúi bẩy, hai anh em đường như bị bày đặt du đẩy vào tình trạng loạn luân. Sau này Zhonglian trở nên một tay anh

chị, một tên dấn gái. Theo lệnh bố già, y phải quyến rũ em gái mình để chiếm đoạt gia tài...

"LỜI NHẠC KHÚC LAN

Lời Khúc Lan đúng ra có nhan đề là Tuyển Tập Nhạc Khúc Lan, mà Lời Khúc Lan cũng là hầu hết những ca khúc lời Việt đặc biệt do Trung Tâm Bích Thu Văn sản xuất, nhất là 6 cuốn CD Rừng Thu, cả 10 bài đều do Khúc Lan đặt lời, ca sĩ Ngọc Hương hát. Đây là một cuốn CD bán chạy nhất



Khúc Lan

trong năm. Hay như CD Biết Yêu Lăn Đầu, trong 12 bài có 10 bài của Khúc Lan, đều do Ngọc Bích trình bày.

Với CD Tình Nữ Khóc Than cũng vậy. Và CD Thiên Đường Mang tên anh cũng thế. Phạm Long của Đài Little Saigon Radio nói: Soạn lời Việt cho nhạc Việt có Phạm Duy; soạn lời Việt cho nhạc ngoại quốc có Khúc Lan.

Trên bìa cuốn Tuyển Tập Nhạc Khúc Lan, Phạm Công Thiện viết: "Tâm hồn của Khúc Lan có một cái gì khác thường và một cái gì bằng lăng nhất mà tôi vẫn chưa có thể xác định được trong ngôn ngữ



Với các thân hữu tại Little Saigon. Từ trái: Viên Linh, họa sĩ và bà Thái Tuấn, Nhã Ca, Trần Dạ Từ, Khế Iêm, Phan Tấn Hải

PHÒNG TRANH THÁI TUẤN

Saigon 1958, phòng tranh đầu tiên của Thái Tuấn mở cửa tại trụ sở Alliance Francaise. Từ tiệm phở mang số 79 trên đường Võ Tánh tới phòng tranh khoảng cách đại khái cũng giống từ tiệm phở 79 của Little Saigon tới phòng tranh Thái Tuấn hôm nay, tại trụ sở VAALA (Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ), số 11022 Acacia Parkway, Garden Grove.

Hình như trong lịch sử hội họa Việt Nam cho tới nay, chưa hề có trường hợp Thái Tuấn thứ hai: một người tự học, ngay sau phòng tranh đầu tiên, lập tức được hai ba thế hệ nghệ thuật nhìn nhận là bậc thầy của hội họa Việt Nam.

Sự nhìn nhận mau chóng lan sang cả phía... nhà nước: từ 1958 cho tới ngày Saigon đổi chủ, Thái Tuấn là một giám khảo của mọi giải thưởng hội họa quốc gia Việt Nam Cộng Hòa. Chính sự hiện diện của ông trong những hội đồng giám khảo đã bảo đảm giá trị cho các giải thưởng mỹ thuật Việt Nam.

Và giám khảo Thái Tuấn,

thường tình hiện nay..." Không một ca sĩ trẻ nào hiện nay không hát lời Khúc Lan. Cô đã soạn trên bảy trăm lời ca. Những cuốn băng và CD do Bích Thu Văn sản xuất là những cuốn gồm nhiều lời ca truyền cảm đặc biệt của cô (xin xem thêm trên hai trang 28 và 29 số báo này).

SÁCH PHẠM CÔNG THIỆN

"Nguyễn Du, Đại Thi Hào Dân Tộc" là cuốn sách mới nhất của Phạm Công Thiện. Sách dày 446 trang chia làm 12 chương, không kể phần mở đầu và phần kết luận. Dưới nhan đề như trên, lại còn một dòng tựa nhỏ: Triết Lý Việt Nam về Chữ Lòng và Chữ Tơ. Đọc hết cuốn sách này bao nhiêu người đọc hết? - cũng như "đi cho hết một đêm hoang vu trên mặt đất". Tốt hơn chỉ nên đọc từng phần,

suốt bao nhiêu năm, trở thành người bạn tri kỷ của các họa sĩ trẻ thuộc những thế hệ kế tiếp, như Nguyễn Trung, Cù Nguyễn tại Việt Nam, Nghiêu Đề, Nguyễn Khai, Nguyễn Đồng... tại Hoa Kỳ.

Cao kều và gầy nhom, với nụ cười hiền hòa trên khuôn mặt đầy nếp nhăn, Thái Tuấn là hình ảnh thân thiết của hội họa Saigon. Tranh của ông cũng như người: tinh giản tới khô lạnh mà sao vẫn ấm áp, chững chạc tới nghiêm khắc mà sao vẫn thân thiện, đáng yêu, đáng nhớ.

Đầu thập niên 1960, tại số nhà 154 đường Tự Do, có "Câu Lạc Bộ Văn Hóa" ông Phạm Xuân Thái thành lập, là chỗ lui tới của giới văn nghệ Saigon. Câu lạc bộ này được thiết kế mỹ thuật bởi Thái Tuấn: trần nhà là một pa lét, loại bảng các họa sĩ cầm tay để pha màu. Trên mỗi mặt bàn đặt một gán tàn thuốc hình ống vố bằng sứ.

Từ sau 1975, Thái Tuấn ở lại Saigon một thời gian rồi sang định cư bên Pháp. Đây là lần đầu tiên, họa sĩ tới Little Saigon.

từng lúc, đọc phần nào trước cũng được, bởi vì Phạm Công Thiện không hẳn viết biên khảo, không hẳn viết tham luận, không hẳn viết nghiên cứu, mà cũng không hẳn viết phê bình. Phạm Công Thiện viết như một thi sĩ, viết như một tiểu luận gia, viết như một triết gia, và viết như một nhà tu không mặc áo nâu sòng; hơn là một người phủ y hoàng tảo mà không phải nhà tu.

Đọc Phạm Công Thiện cũng là sáng tạo cùng với Phạm Công Thiện. Có thể hiểu một khẳng định như một đề nghị, và một đề nghị như một từ chối. Không gì là nhất thiết.

Sách bán 18 mỹ kim, do Viện Triết Lý Việt Nam Và Triết Học Thế Giới xuất bản, do Văn Nghệ phát hành. Liên lạc về P.O. Box 2301, Westminster, CA. 92683.

Leslie Cheung và Gong Li trong Temptress Moon của Chen Kaige



Khởi Hành *Phong Vân*



Trước khi bắt tay vào làm Khởi Hành số 157 - tính theo thứ tự cũ - hay số 1 Bộ Mới - chúng tôi đã gửi tới một số bạn văn hai đợt câu hỏi.

Đợt I, gồm các câu hỏi như sau:

1.- Xin đánh giá theo thứ tự ba nhà xuất bản Việt ngữ nghiêm chỉnh nhất tại hải ngoại. (Chọn sách để xuất bản, lỗi chính tả, kỹ thuật in...).

2.- Anh chị thích nhất ba cuốn sách Việt ngữ nào trong mấy năm gần đây (kể cả sách dịch).

3.- Ba bài thơ, ba bản nhạc, ba họa sĩ Việt Nam anh chị thích nhất trong đời, dù xưa hay nay, ở trong nước hay hải ngoại, còn sống hay đã chết.

Đợt II, gồm các câu hỏi gợi ý bằng 3 câu thơ sau:

- 1/ Ta là Ai giữa mùa thay đổi ấy? (Thế Lữ)

- 2/ Sao đến bây giờ rách tả tơi? (Tản Đà)

- 3/ Phẩm đề, xin một vài lời thêm hoa (Nguyễn Du).

Dưới đây là các tác giả đã trả lời cuộc phỏng vấn của Khởi Hành.

■ BẢO VÂN BUI VĂN BẢO

Nhà giáo, Nhà thơ

1/ Ba nhà x.b Việt ngữ nghiêm chỉnh nhất tại Hải ngoại là:

- Văn Nghệ (Cali)

- Tân Văn (Nhật Bản) (chỉ ghi có 2)

2/ Trong mấy năm gần đây tôi thích

- Chơi Chữ của Lãng Nhân

- Tang Thương Chích Quái của Ng.Đông

Thành

3/ Ba bài thơ

- Giấy Phút Chạnh Lòng của Thế Lữ

- Xa Cách của Xuân Diệu

- Trá Ta Sông Núi của Vũ Hoàng Chương

Ba bản nhạc

- Thiên Thai của Văn Cao

- Bạch Đằng Giang của Lưu Hữu Phước

- Tiếng Nước Tôi của Phạm Duy

Ba họa sĩ

- Trần Bình Lộc (đã mất)

- Tô Ngọc Vân

- Nguyễn Gia Trí

■ ĐẶNG TRẦN HUÂN

Nhà văn

1/ Nhà xuất bản Văn Nghệ, Westminster, California, Hoa Kỳ (Giám đốc Võ Thắng Tiết)

- Nhà xuất bản Tân Văn, Đông Kinh, Nhật Bản, (Giám đốc Đỗ Thông Minh)

- Nhà xuất bản Thế Kỷ, Garden Grove, CA, Hoa Kỳ (Giám đốc ?)

2/ Rất khó trả lời vì câu hỏi quá tổng quát. Sách Việt ngữ? Vậy có phân biệt thể loại không? Vì một cuốn kinh, một tập thơ, một cuốn từ điển danh nhân hay một cuốn sưu tập diễn văn của tổng thống Ngô Đình Diệm mà viết bằng tiếng Việt thì cũng là sách tiếng Việt. Có kể những sách xuất bản trong nước không? Còn nếu nói riêng ở các nước hải ngoại trong mấy năm gần đây thì tôi cũng chỉ mới rời khỏi nước chưa lâu mà số sách Việt ngữ hải ngoại quá nhiều và được in ở hầu hết các quốc gia tự do khó lòng trông thấy hết chữ đừng nói đọc hết.

3/ Câu này hỏi về hai tác phẩm và một người. Cũng xin trả lời những điều mình đã được xem, được đọc và được biết.

Ba bài thơ:

- Có Bấy Nhiều Lời Tâm Huyết Ấy (Nguyễn Bính). Cũng có sách ghi tên bài thơ này là Oan Nghiệt.

- Một bài không nhớ tên (Đính kèm. Tự đặt tên là Cổ Nhân và cho là của Vũ Hoàng Chương) (LTS: chúng tôi cũng không rõ tác giả, song không phải của VHC).

- Tinh Thử Nhất (Xuân Diệu)

Ba bản nhạc:

- Ngày Xưa Hoàng Thị (Phạm Duy)

- Nhạc Sầu Tương Tư (Hoàng Trọng)

- Trương Chi (Văn Cao)

Ba họa sĩ Việt Nam

- Tô Ngọc Vân

- Trương Thị Thịnh

- Thuận Hồ

■ TRẦN VĂN NAM

Nhà thơ

1/ Về việc đánh giá các nhà xuất bản theo thứ tự:

- Đầu tiên là nhà xuất bản "Văn Nghệ". Các nhà xuất bản khác tôi chỉ có trong tay 1 hay 2 tác phẩm nên không thể có cái nhìn toàn bộ dứt khoát theo các điểm tạp chí Khởi Hành nêu ra để xét giá trị.

2/ Lý do thích ba cuốn sách Việt Ngữ gần đây nhất:

- Hồi Ký Thời Kháng Chiến của Phạm Duy: đọc để theo bước hành trình, biết lúc nào và ở đâu ông đã sáng tác các bài hát kháng chiến nổi tiếng.

- Nghĩ Về Thơ của Nguyễn Hưng Quốc: đọc để hiểu thêm về Thơ.

- Nguyễn Du, Đại Thi Hào Dân Tộc của Phạm Công Thiện: đọc để biết thêm về ngôn ngữ Việt Nam mà tác giả đã đào sâu.

3/ * Có khá nhiều bài thơ ở hải ngoại tôi thích, khá nhiều nghĩa là hơn 3 bài mà tạp chí Khởi Hành quy định, nhưng phần lớn là từng đoạn hoặc một số câu trong bài thơ. Tôi đang viết loạt sưu tầm: "Thi Ca Với Tài Liệu Xác Thực" để có dịp tới các câu thơ, đoạn thơ tôi thích đó.

* Ba nhạc phẩm tôi thích nhất:

- "Nghìn trùng xa cách" của Phạm Duy

- "Bến xuân xanh" của Dương Thiệu Tước

- "Tóc mây" của Phạm Thế Mỹ.

* Về hội họa, tôi ít biết nên không trả lời được câu hỏi của tạp chí Khởi Hành.

■ CAO TIÊU

Nhà thơ

Cảm Đề

Ta là ai

giữa mùa thay đổi ấy

nổi đau chung từ

đất nước chiến chinh

góp tiếng văn chương

làm lại cuộc Khởi hành

Bằng bút mực

thay cho súng đạn

gìn giữ tấm dư đồ

như nâng niu áo trận

sao đến bây giờ

rách tả tơi

Tác son còn để với đời

Phẩm đề xin một vài lời thêm hoa.

Ta là ai
giữa mùa thay đổi ấy
nổi đau chung từ
đất nước chiến chinh
góp tiếng văn chương
làm lại cuộc khởi hành
bằng bút mực
thay cho súng đạn
gìn giữ tấm dư đồ
như nâng niu áo trận
sao đến bây giờ
rách tả tơi
tác son còn để với đời
phẩm đề xin một
vài lời thêm hoa.

Ca
Tiêu

■ TRẦN HỒNG CHÂU

Nhà thơ

1/ Sau những biến cố long trời lở đất, với một bối cảnh thế giới, có mặt độ lịch sử cao như chưa từng bao giờ thấy, chúng ta ít nhiều mang tâm trạng "hậu chiến" như trường phái biểu hiện (expressionism) trong nghệ thuật đã mô tả: hoang mang, lạc lõng, kinh hoàng, đi tìm bản ngã trong tuyệt vọng và ít nhiều hướng về hư vô. Để sống còn, và tự thể hiện, chúng ta cần tích cực (positive) hơn, tỉnh táo, lạc quan hơn, khi sắp bước chân sang thiên niên kỷ thứ ba, chắc chắn là đầy hứa hẹn và cũng không ít thử thách...

2/ Ngày Khởi hành, chúng ta có sẵn có một "giang sơn gấm vóc", một khối óc thông minh và đôi bàn tay cần cù, khéo léo. Nhưng hôm nay, chúng ta đau buồn thấy đất nước tan hoang, con người đổ nát! Đó là kết quả của những hung thần mang tên U mê, Cuồng tín, Ác độc và Lòng tham không đáy. Những phương thuốc điều trị phải là cái Tâm Thiện, nếp sống Dân chủ và trên tất cả, sự tôn trọng những giá trị bất khả phương của con người cùng những truyền thống dân tộc đã tồn tại qua bao cuộc thử lửa của lịch sử.

Để bầu không khí văn nghệ được lành mạnh, sáng giá, điều quan trọng là phải có một thể hệ phê bình gia đứng với ý nghĩa của từ đó. (...) Cuối cùng xin nhắc lại điều mà anh em cầm bút thường tưởng đăc: Linh hồn Văn nghệ phải là tác phẩm. Ngoài ra tất cả đều là phù phiếm.

■ TRẦN LAM GIANG

Nhà thơ

Trả lời ba câu phỏng vấn:

1/ Hỏi: Ta là Ai giữa mùa thay đổi ấy (Thế Lữ)

Đáp: "Diệp lạc, hoa khai, nhân tiến sự
Tứ thời tâm kính tự như như" (Nguyễn Du)
"Lá rụng, hoa nở, việc trước mắt
Bốn mùa tâm kính vẫn y nhiên"
(Nguyễn Đăng Thục dịch)

2/ Hỏi: Sao đến bây giờ rách tả tơi? (Tản Đà)

Đáp: Nước bốn nghìn năm, hồn chưa tỉnh
Người hăm lăm triệu, giấc đang mê! (Phan Sào Nam)

(câu hỏi, trích câu 4 trong bài Vịnh Bức Dờ Đờ Rách của thi sĩ Tản Đà. Quốc sỹ Phan Bội Châu có hai bài họa.)

I

(Họa theo vần)
Thôi để rồi ta sẽ liệu bồi
Ta bồi cho chúng chị em coi
Giận cho con cháu đã hư thế
Nhớ đến ông cha dám bỏ hoài
Còn núi, còn sông, nhìn vẫn rõ
Có hồ có giấy vẽ như chơi
Vì chưng hồ giấy ta chưa có
Đành chịu ngồi trông rách tả tơi

II

(Họa không theo vần)
Hóa rách ra lành thế mới hay
Trời giăng giấy khắp đất hồ đầy
Non sông sẵn vóc thù hoa gấm
Gan góc ghe phen trở gió mây
Trắng ủa hồng tươi tùy thơ ý,
Bột rền keo giềng cốt thấy tay
Người đã mới mới ta nên mới
Bồi vá mà chi khéo khuấy rầy!

(Hai bài này có đăng ở báo Tiếng Dân, số ra ngày 23-11-1927. Ý Cụ Phan là phải thay

đổi toàn diện, đừng bồi vá tởn công). Khi ấy, được hỏi về cách mạng vô sản của cộng sản, cụ đáp:

"Về tổ chức xã hội, họ ngăn nắp chặt chẽ nhất xưa nay. Chỉ hiểm, họ xa với tính người".

3/ Hỏi: Phẩm đề, xin một vài lời thêm hoa (Ng Du)

Đáp: Nên câu tuyệt diệu, ngụ trong tính tình (Ng Du)

■ LUÂN HOÀN

Nhà thơ

1/

Là ai? Ta thật là ai?
cũng là người? Chẳng khác ai, ngoại trừ
tâm hoa, trí sóng: phù hư
phối đời hóng bụi nghìn thu đóng vào
ngôi, nằm, đi, đứng: chiêm bao
thở ra hương núi, hít vào hương sông
cộng trên lưng ngọn gió lồng
đạp mây đen kết hoa vòng tình em

2/

Bây giờ trời đất chênh vênh
nhá nhem thân thể, lem nhem tên người
phận tôi nhận lỗi phần tôi
soi gương rõ mặt khóc cười đủ đôi
đổ thừa chi, tội ông trời
ngàn thiên sử lịm trảm với xác buồn
tả tơi hồn rách mùi hương
sá chi linh thể giọt sương bênh bồng

3/

Có không, mặc kệ, có không
phận, quyền, sơn thạch, phù vân, cũng là...
sầu lòng, lột lại chiếu hoa
mời quanh thiên hạ, mời ta uống vùi
lâm ma, làm thánh, làm người
hình như cũng biết ngậm ngùi như nhau
thế thời thế, chẳng đến đâu
soi thời gian thấy tâm nhau, đã đời
lòng vòng nước chảy mây trôi
ta đi, ta đứng ta ngồi trong ta
yêu em mới thật gọi là
sống trong cái sống đậm đà sắc hương...

■ THẾ DŨNG

Nhà thơ

1/ Ta là Ai giữa mùa thay đổi ấy?

... Và tôi ném tôi biệt xứ

Em không kịp hứa câu nào

Chỉ có em trong hư ảo

Nên tôi điếm nhiên Ly Sào

Ngực ôm chân trời biển dịch

Một mình xô những tường cam

Vĩnh biệt nụ cười cam phận

Lá xanh trên tóc mưa thấm

(Thư - 1989)

2/ Sao đến bây giờ rách tả tơi?

vì:

Quái ngôn xảo ngữ mặc người

Riêng ta hồn chường một trời mưa thơ

Mặc ai tham vọng vô bờ

Riêng ta khao khát, không như người nào...

(Riêng ta - 1996)

cũng vì:

Cực lòng lấy lưỡi làm dao

Lời gươm giáo chỉ hư hao sinh tồn

Thả về vùng khuất vô ngôn

Với em và những nụ hôn động tình...

3/ Phẩm đề, xin một vài lời thêm hoa:

Tự họa 96

Thường ngồi sững một hư vô

Nghe Tâm nhiệt cháy, từ mờ khùng long

Tự thành một cõi trống không

Cho tam muội lửa, tương thông thất tình

Thường đơn lạng với Tâm Minh

Yêu im - Như trẻ sơ sinh không cười...

■ LÊ TRỌNG PHƯƠNG

Nhà thơ

thời thay ta đổi ai hay
đi ngày bất gió về ngày đầu mưa
bên đường thập nhị chân như
liệt trang mặc lão thanh hư mệnh đề.

■ DƯƠNG HUỆ ANH

Nhà thơ

1/ Văn Nghệ, Xuân Thu, Đại Nam

2/ — Tuyển Tập 20 Năm Văn Học Việt Nam Hải Ngoại do Văn Bút xuất bản, nội dung khá đầy đủ.

—Hồi Ký của Bùi Tín, có nhiều tài liệu tốt

—Bộ Đường Thi Tuyển Dịch của Đào Duy Từ

3/ —Nhớ Rừng của Thế Lữ

—Nghe Một Giọng Ngâm của Hà Thượng Nhân

—Ta Về của Tô Thùy Yên

—Con Thuyền Không Bến của Đặng Thế Phong; Chiều Trên Chiến Khu của Đỗ Nhuận; Tiếng Gọi Thanh Niên của Lưu Hữu Phước

—Ba họa sĩ Lương Xuân Nhị, Tạ Tỵ và Tô Ngọc Vân.

■ PHAN TẤN HẢI



Trước tiên, tôi xin gửi lời chúc mừng tạp chí Khởi Hành. Tôi tin rằng việc khai sinh thêm một tờ báo văn chương, trong mọi hoàn cảnh và đặc biệt là trong trường hợp hải ngoại nơi đang đòi hỏi quá nhiều hy sinh từ người cầm bút, luôn luôn là những điều tốt đẹp cho dân tộc.

Lòng tôi luôn luôn kính trọng những người cầm bút hải ngoại. Họ là những người chấp nhận một định mệnh nhiều bất trắc hơn là may mắn—tôi hiểu điều này rõ ràng vì tự mình cũng không cưỡng được cơn mê say này ngay cả những lúc quần bách, đói rách nhất trong đời.

Khi được nhà thơ Viên Linh cho biết anh sẽ ra lại tạp chí Khởi Hành. Tôi không kinh ngạc lắm, bởi vì biết rằng người từng một đời sống với chữ nghĩa như anh sẽ không bao giờ rời được thế giới sách vở. Tuy nhiên, chuyện làm báo vẫn khác với chuyện cầm bút làm thơ, viết truyện. Làm báo, đặc biệt là làm báo hải ngoại, vẫn là cái gì cực kỳ khó hiểu trên đời này. Đây là chuyện của nước mắt, mồ hôi, tim óc cũng như bao nhiêu nghề nghiệp khác. Nhưng điều làm cho nghề báo đứng riêng ra hẳn là vì không mấy người hải ngoại sống được nhờ nghề này. Anh Viên Linh hiểu điều này bằng chính cuộc đời anh, bởi vì anh đang làm việc cho một nhật báo tại Quận Cam.

Tôi được may mắn làm việc chung với anh trong tờ Việt Báo Kinh Tế từ vài năm nay. Khi cùng góp chung suy nghĩ vào để chăm chút cho những bản tin mỗi ngày, tôi không nghĩ rằng đây là cái gì lớn lao lắm gì bởi vì tuổi thọ của chữ mình viết thực sự chỉ được 24 giờ và ngay sau đó phải cầm bút lo cho bản tin ngày sắp tới, nhưng đây chính là cơ hội để học hỏi, trước nhất, và để hiểu được chính mình và cả những bạn văn cộng sự, sau nữa. Đây cũng là cơ hội để nhìn được những quan điểm khác với mình, và có thể cả chống nghịch với mình—như một số suy nghĩ dị biệt giữa anh Viên Linh và tôi—nhưng chính là nơi tốt nhất

để tập suy xét khách quan và tập tôn trọng cách suy nghĩ của người khác; đây là thái độ muốn đời nên có mà rất nhiều người đã quên.

Nhưng điều tôi phải cúi đầu chào cảm phục chính là khi anh cho biết sẽ ra lại tạp chí Khởi Hành. Những kỷ niệm tôi có với tờ này nơi quê nhà không nhiều, chỉ rải rác vài số đọc thời đi học. Tôi cũng không nghĩ đây sẽ là việc nối dài một tờ báo từ quá khứ, mặc dù việc dùng lại tên cũ có thể gây một số nhầm lẫn. Bao nhiêu chuyện trong đời đã xảy ra, cho cả một dân tộc và cả một thế giới, thì không thể có gì gọi là nối dài. Một điều quan trọng nữa, Viên Linh hôm nay không phải là Viên Linh của tuần trước, và hẳn nhiên lại càng không thể là một Viên Linh của hơn hai thập niên trước.

Nhưng Khởi Hành sẽ như thế nào, tôi tin chính nhà thơ Viên Linh cũng không hình dung hết được. Kinh nghiệm này tôi có nhờ đã từng may mắn góp mặt trong nhiều tạp chí văn chương khác. Vấn đề chỉ là cứ hăm hở lên đường, và chuẩn bị lòng mình cho mọi niềm vui và bất trắc. Chữ nghĩa tự nó đã là một tiếng gọi, và cứ để mặc cho nó vang lên. Và cứ để lịch sử gạn lọc.

Mặc dù được vinh dự đứng trong số những người tạp chí Khởi Hành gửi các câu phỏng vấn, tôi vẫn không tin là những câu trả lời của tôi có giá trị bao nhiêu. Hãy tin là tôi rất thiên vị, tôi thú thật điều này không xấu hổ. Và vì thiên vị, và vì không đọc nhiều, và vì không theo dõi nhiều, nên chỉ có thể gọi là đôi chút lời quê mộc mạc. Và trước tiên vẫn phải là cảm ơn tạp chí Khởi Hành đã có nhã ý phỏng vấn.

Ba nhà xuất bản Việt ngữ nghiêm chỉnh nhất tại hải ngoại?

Tôi không đọc nhiều để dám trả lời câu trên. Nếu đổi câu hỏi "thích nhất" thì dễ đáp hơn. Trong tình riêng, tôi thích nhất Thanh Văn và Văn Nghệ. Tại sao? Họ cũng có nhiều lỗi chính tả, đôi khi kỹ thuật in cũng dở, nhưng đa số sách đều được lựa chọn kỹ càng. Còn nhà xuất bản thứ ba thì chờ xem...

Thích nhất ba cuốn Việt ngữ nào trong mấy năm gần đây?

Câu này khó trả lời, vì không lẽ đáp rằng trong ba cuốn trên phải có một cuốn của mình. Xin đổi câu hỏi thành "thích nhất ba tờ báo văn chương nào" cho dễ hơn. Thưa rằng, tôi thích nhất tạp chí Thơ và Hợp Lưu. Tại sao? Bởi vì hai nhóm cầm bút này là những người của tương lai, và vì vậy khó thể hình dung được một biên giới có sẵn nào cho họ. Còn những người của quá khứ thì chúng ta có thể hình dung được họ có thể vượt tới đâu và có thể biết được cả giới hạn của họ.

Ba bài thơ, ba bản nhạc, ba họa sĩ Việt Nam nào thích nhất?

Tôi thích nhất bài thơ "Bưu Ảnh của Người Anh ở Mỹ" của nhà thơ Nguyễn Đăng Thường, đăng trong tạp chí Thơ số mùa thu 1996. Còn thì phải suy nghĩ khá lâu may ra mới biết hai bài tôi thích kế tiếp là bài nào—nghĩa là không thật sự thích nhất. Ba bản nhạc thì chịu, chắc cũng phải để nhiều thì giờ cân nhắc may ra trả lời xong xuôi nổi. Còn câu hỏi thích nhất ba họa sĩ nào thì dễ, vì tự trong đầu tôi hiện ra ngay ba người thân: Khánh Trường, Rừng, và vợ tôi (một họa sĩ vẽ không hay ho gì lắm, nhưng không thể không thích được). Như đã nói trước, lúc nào tôi cũng thiên vị cả đấy.

Cảm ơn các anh Khởi Hành và chúc tờ tạp chí mới mở thêm một chân trời mới cho văn chương.



PHÙNG CUNG

ĐẠI KỶ TƯ HÀ NỘI

Nén nhang

Tặng bạn Nguyễn Hữu Hiệu

PHÙNG CUNG

NGUYỄN HỮU HIỆU

Phùng Cung sinh năm 1929 ở Vinh Tường, Vinh Yên (nay là Vinh Lạc, Vinh Phúc). Quê tổ của Phùng Cung ở Đường Lâm, Sơn Tây, vốn dòng dõi Bồ Cối Đại Vương Phùng Hưng.

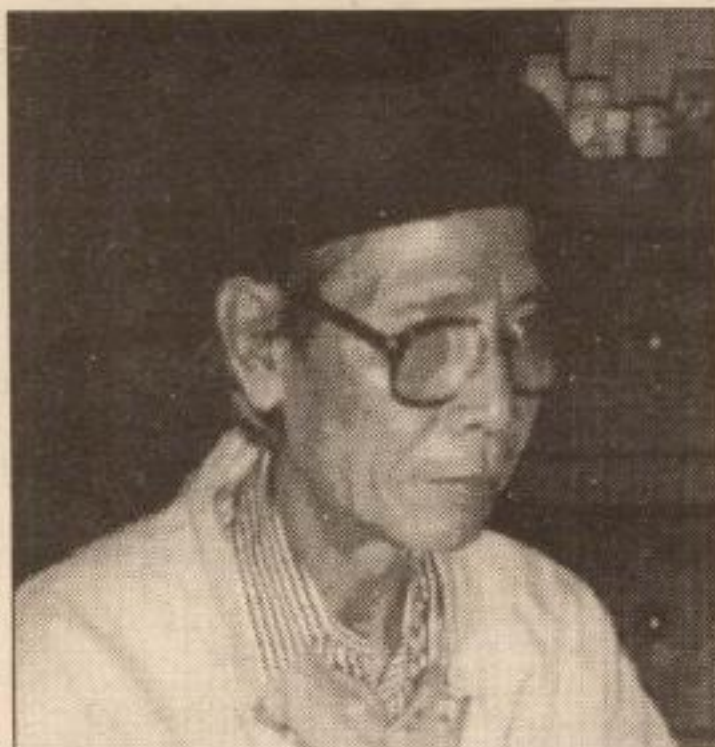
Cũng như bao nhiêu thanh niên yêu nước khác cùng thế hệ ông, Phùng Cung đã tham gia kháng chiến chống Pháp. Vì có khả năng văn nghệ, ông được điều lên chiến khu Việt Bắc, công tác tại Hội Văn Nghệ Trung-Ương và mắc kẹt tại đây. Năm 1954, sau hiệp định Genève chia đôi đất nước, Phùng Cung mới được theo cơ quan về Hà Nội. Khi còn ở chiến khu, và nhất là càng về sau này, Phùng Cung đã hằng ngày chứng kiến cảnh những đoàn cổ vấn Liên Xô, Trung Quốc, "nhất là Trung Quốc nhúng sâu bàn tay "Thái thú", "Công Sứ" vào mọi việc lớn nhỏ." Ông và một số trí thức trẻ hết sức bất bình, nhất là trước sự các cán bộ bợ đỡ, nịnh hót dè tiện, chen nhau đứng gác "cửa son" để được xoa đầu khen là phần tử tuyệt đối trung thành với Đảng, đoàn, lãnh tụ.

Khi Trung Quốc có phong trào "Trăm Hoa Đua Nở", số trí thức có tư cách, nhất là trí thức trẻ, coi đó là vận hội nhóm lên phong trào Nhân Văn Giai Phẩm nhằm chống tệ sùng bái cá nhân - một cái cớ - để tranh đấu cho Tự Do Dân Chủ thực sự. Phùng Cung là một trong số những trí thức trẻ tích cực, hăng hái nhất với "Con Ngựa Già của Chúa Trịnh" trên Nhân Văn số 4, 1956 đã gây xôn xao dư luận lúc đó. Trung Ương Đảng cấp tập thành lập đội ngũ mở chiến dịch "đẹp loạn" do hai Ủy viên bộ Chính trị Hoàng Văn Hoan, trưởng ban Nội chính và Tố Hữu, trưởng ban Tuyên giáo trực tiếp điều hành, quân sự hóa hàng ngũ lãnh đạo văn nghệ, cử Đại tá Võ Hồng Chương sang làm Bí thư Đảng ủy văn nghệ cùng một giàn ưu binh bên quân đội của Hà Minh Tuân, Chính Hữu, Vũ Tú Nam... Thấy thế vẫn chưa đủ, Trung Ương Đảng còn công an hóa tổ chức văn nghệ, công an hóa hàng ngũ văn nghệ sĩ, bắt văn nghệ sĩ rình mò lẫn nhau, đấu tay ném đá lẫn nhau, chuẩn bị cho giai đoạn đấm máu và nước mắt khủng khiếp nhất trong văn học, tiếp nối những buổi "bình minh họ" đã thủ tiêu Khái Hưng, Lan Khai... Các quan văn nghệ lần lượt đăng đài lên án, luận tội, hùng hổ nhất là anh em Đỗ Phồn (Bùi Huy Phồn, quân hàm Đại tá công an, 1913-1990), Huyền Kiều, Bảo Định Giang, Nguyễn Văn Bổng, Hoàng Trung Thông. Mọi tổ chức văn

nghệ, các ban, các phòng đều do Công an và quân đội nắm chặt.

Đợt học tập đấu đá rập khuôn "tẩy não" (brainwashing) của Trung Quốc ở Thái Hà áp (cơ ngơi của Bạch Thái Bưởi bị xung công), Đảng tuyên bố "toàn thắng": - tất cả đều đã bị đánh gục.

Quả thực, sau đợt học tập này, những anh em "Nhân Văn" hầu hết đều không dám qua lại nhà nhau, có chạm mặt ở cơ quan cũng không dám chào hỏi nhau, len lén cúi đầu sợ sệt. Riêng có bọn "chúng nó bốn thằng" là Phùng Cung, Hoàng Cầm, Trần Dần, Lê Đạt vẫn bất chấp, ngang nhiên quất quýt, trao đổi văn chương, chuyện trò rôm rả, nhất là khi gặp nhau tại trụ sở Hội Nhà Văn 84 Nguyễn Du.



Phùng Cung

Thái độ ngông nghênh này làm gai mắt lãnh đạo. Khi nào Công an chịu bỏ qua? Và ai có thể chống lại được Công an Việt Nam với trăm ngàn thủ đoạn đe dọa, mua chuộc, bới nhọ... thiện nghệ?

Theo lệ thường, mỗi năm, hội viên hội Nhà Văn phải viết bá cáo, tự thuật, tự đánh giá mình đọc trước lãnh đạo.

Trong đợt học tập cuối năm 1960, tổ học tập gồm bốn người cứng đầu kia bị trực tiếp đặt dưới quyền tổ trưởng Võ Hồng Chương. Trong đợt học tập này T. D. được lãnh đạo viết bản tố cáo dài gần 40 trang viết tay chữ nhỏ như kiến. Phùng Cung bị đấu hai buổi trước đông đảo văn nghệ sĩ tại trụ sở Hội

Nhà Văn; bị tố cáo là tên phản động ngoan cố nhất của "Nhân Văn Giai Phẩm".

Chế Lan Viên, cuối cùng, mới đứng lên đề nghị phải lập tức điều Công an đến khám nhà và bắt Phùng Cung.

Nỗi đau nhục bị phản bội chưa qua thì họa khám nhà đã đến. Ngày 19 tháng Chạp năm Canh Tí 1960, Công an vây kín ngõ, xông xộc vào nhà, lục soát, giấy xé lung tung, tịch thi toàn bộ bản thảo gồm trên ba chục truyện ngắn và rất nhiều thơ. Phùng Cung bị đưa vào Hỏa Lò Hà Nội.

Sau đó, ông bị đưa đi biệt giam qua các trại Bất Bạt (Sơn Tây), Yên Bình (Yên Bái), Bảo Thắng (Lào Kai) từ đầu 1961 đến cuối 1972. Suốt trong mười một năm bị biệt giam, Phùng Cung bị lao nặng và nhiều bệnh trầm kha khác. Khi được phóng thích ông vẫn bị quản chế rất chặt tại địa phương.

Khi làn sóng Dân chủ đích thực - giấc mơ đời của Phùng Cung - dâng lên đe dọa nhận chìm Liên Xô "Thành đồng của Cách Mạng" thì Phùng Cung không được làm "bất cứ việc gì liên quan đến chữ nghĩa" kể cả việc làm gia sư. Đều đặn hàng tuần Công an đến nhà thăm hỏi sức khỏe, ngồi ì trong nhà khiến không ai dám bén mảng tới. Đông Âu sụp đổ, hình thức quản chế cũng theo đà "đổi mới" theo, nghĩa là Công an vẫn đến thăm hỏi như xưa nhưng nhẹ nhàng và ít thường xuyên hơn.

Hiện Phùng Cung đang sống lầy lắt với gia đình tại một căn nhà âm u, lụp xụp tại vùng Quán Ngựa ngoại thành cũ.

Tuổi già và bệnh hoạn, kỷ niệm và những điều trông thấy, ước mơ và thực tế dầy vò tâm can sớm lại chiều... Tuy nhiên đói rét, nghèo bệnh chẳng phải là những cái mà Phùng Cung lo. Điều mà ông lo âu nhất là những ghi chép - bằng cái giá của tuổi thọ, sức khỏe và tự do - rất có thể bị đập vùi, bị hủy diệt bất cứ lúc nào.

Qua những năm dài bị cùm kẹp trong những biệt giam tối tăm, lạnh lẽo nơi rừng thiêng nước độc, Phùng Cung vẫn kiên quyết thà chết chứ không thay lòng đổi dạ; nơi gương các bậc cao hiền mà gìn vàng giữ ngọc, cam chịu thân dù tàn tạ quyết chẳng để nét vàng phai. Dù ho ra máu, dù lao động kiệt lực, dù đói rét thấu xương ông vẫn âm thầm, cắn răng ghi lại những vần thơ để nói lên cái tình thần bền bỉ liên tục chống bạo quyền của một kẻ sĩ bất khuất.

Vì ái mộ tài năng và nhất là tư cách Phùng Cung mà chúng tôi, trong hơn mười năm qua, đã thu góp được một số bài lọt kẻ tay Công an qua nhiều đợt chặn bắt. Lần lượt chúng tôi sẽ ấn hành để cùng phổ biến chứng tích của một thời ác mộng đã qua trên đất nước hầu chúng ta và con cháu mai sau có thể ngược mặt nhìn năm châu và tự hào rằng, ngay cả trong thời kỳ mà “Hà chính mãnh ư hổ” (1) có một không hai trong lịch sử loài người thế mà hồn thiêng sông núi vẫn hun đúc được những đấng Đại Trượng Phu lâm liệt “uy vũ bất năng khuất, bản tiện bất năng di.” (2)

Phùng Cung, cũng như Nguyễn Chí Thiện, bạn ông, xứng đáng được dành một chỗ đứng danh dự trong văn học sử và trong lòng dân tộc.

Học giả Hoàng Văn Chí đã rất tinh tế khi nhận định về truyện “Con Ngựa Già của Chúa Trịnh” của Phùng Cung như sau: “Ngụ ý của bài này là đã kích bọn văn sĩ trước kia có tài như Xuân Diệu, Hoài Thanh, Cù Huy Cận, chỉ vì ham miến đỉnh chung mà cam tâm làm tôi mọi cho chế độ và đời sống tôi mọi đã tiêu diệt hết tài năng trước kia của họ. Cứ xét thấy khả năng văn nghệ của mấy ông Xuân Diệu, Hoài Thanh, Cù Huy Cận, lâu nay gần như mất hẳn, chúng ta thấy lời phê bình của tác giả quả có đúng.” (3)

Người quân tử thanh sạch không không chịu nổi bọn tiểu nhân nịnh hót, nhất là khi bọn này uốn cong ngòi bút tô lục chuốt hồng cho chế độ phi nhân. Ngược lại bọn này cũng không buông tha người quân tử. Tại sao? Vì bậc chính nhân quân tử như cái gai trước mắt, tiếng cười bên tai, lời phán xét của lịch sử. Vì thế mà bọn tiểu nhân cũng không “tha thứ” được.

Hãy nghe Tô Hoài (4) nhà văn của chế độ lớn mặt Phùng Cung và nhóm “Nhân Văn Giai Phẩm”:

“Phùng Cung bị bắt khi “nhân văn, nhân võ” đã được dọn dẹp êm ả, đã tàn. Nghe nói Phùng Cung hay chén chú chén anh với Trần Dần, Lê Đạt, Hoàng Cầm, được phong là “tay truyện ngắn nhất Đông Dương”. Chắc là ở chiếu la đã với nhau, ăn nói càng gan nhau, ngổ ngáo, bạt mạng. Đường viết tập Dạ Ký đã nghe đồn là tài lắm, dữ lắm.

Tôi không thể tưởng tượng được một Phùng Cung thế nào, tôi không biết được. Tôi vẫn mơ màng chúng tôi, cây số ba, cây số bảy trên Tuyên (Tuyên Quang), phố Dơi, cà phê Pháp, anh chàng mặt xanh xám vỏ dưa hấu vẽ viết văn nặn chứng cá, cứ ngồi lừ lừ bên bàn đọc sách, có lúc gãi ghe hay lúi húi làm gì, con mắt đỏ đỏ mà tinh vật, như chú mèo vờ lù rù rình chuột. Về Hà Nội, đôi ba lần chúng tôi lảng vảng lên cà phê Phúc Châu phố trên. Hình như Phùng Cung quê ở Sơn Tây và nổi nhà địa chủ phú nông thế nào đấy, cũng không bao giờ nói và tôi cũng không hỏi.

Lại bao nhiêu năm sau. Chập tối, một người bước vào cửa. Dáng cù rù, mặt tái nhợt, không phải Phùng Cung mà là cái bóng Phùng Cung trên tờ giấy tẩy chì mờ mờ.

- Phùng Cung phải không?

- Tôi đây.

- Còn sống về được a?

- Cũng không hiểu tại sao, anh ạ.

Từ đấy, thỉnh thoảng có gặp lại. Trước kia tôi đã không biết, bây giờ chẳng muốn đụng



Phùng Quán (đã mất) Nguyễn Chí Thiện, Nguyễn Hữu Hiệu và Phùng Cung. Hình chụp tại nhà Phùng Cung tại Hà Nội.

đến vết đau. Lại bình thường. Có hôm Phùng Cung nói chuyện ở tù, cứ như chuyện ai, ở đâu. (...) Tết, Phùng Cung đem biếu chai rượu thuốc. Tôi mừng, cái thằng chớm lao ngày ấy - bệnh lao đã nặng lên trong tù, tuy không phải bệnh chết mấy nữa, nhưng vẫn là bệnh ho lao. Phùng Cung hỏi tôi:

- Anh có biết tôi phải tù bao nhiêu năm?

- Không biết.

- Vâng, tù biệt giam mười một năm.

Đã tù, lại biệt giam, lại bệnh lao, thế mà không chết rũ tù. Thế nào, người tù biệt giam mười một năm vẫn hiện được về. Lại lâu lắm không gặp. Ngỡ như Phùng Cung đã làm sao. Nhưng, một hôm, có người Sở Công an đến nhờ tôi ký chứng nhận quãng công tác ở cơ quan sau cùng Phùng Cung làm việc, trước khi phải tù. (...)

Gần đây, nghe Phùng Cung đã chuyển lên Quân Ngựa. (...) Lại thấy báo đương viết, viết hồi ký - hay tiếp tục Dạ Ký, sau hơn ba mươi năm, hả đời? (5)

Làm sao Tô Hoài và công ty có thể hiểu được? Rằng sau ba mươi năm hay lâu hơn thế nữa, nhà văn chân chính vẫn phải kiên trì làm công việc ghi chép Sự Thật của mình, với một quyết tâm sắt đá, cứng hơn sắt đá, như Phùng Quán có lần đã hạ:

“Sét nổ trên đầu không xô tôi ngã

Bút giấy tôi ai cướp giật đi

Tôi sẽ dùng dao viết văn lên đá.”

Và Tô Hoài và công ty lại càng không thể hiểu, đúng hơn là không muốn hiểu, không dám hiểu rằng chứng nhân sẽ sống mãi với Sự Thật mà họ can trường làm chứng, trong niềm kính trọng của mọi người. Trái lại những kẻ gian dối, cam tâm cúi đầu làm chó giữ nhà cho chế độ, làm nanh vuốt cho cường quyền, tuy tạm được phở phồn, nhưng chắc chắn chết đi trong ô nhục.

Nhớ chăng dư luận của người đời về Xuân Diệu? Sợ chăng những lời phê phán vạch trên mộ chí nhà thơ duy vật chết chẳng được yên? Phải chăng mỗi lần trong tiết Thanh Minh, hay trước những dịp tảo mộ khác người quản lý nghĩa trang lại vò đầu bứt tai, cuống cuồng bôi xóa những lời lên án hiểm ác như thế này và còn gì gì nữa?

Xuân Diệu xuân tình, Xuân Diệu lâu

Trái tim gào thét, trái tim la!

(Câu đầu nhái lại câu châm biếm, hình như của kịch tác gia Đoàn Phú Tứ, từ những năm xưa: “Xuân Diệu làm đoàn (douane- Sở quan thuế), Xuân Diệu lâu”. Câu sau nhắc tới tập thơ tôi tề cuối cùng, “Trái Tim Gào Thét”)

Cứ hỏi cháu cụ Ngô Tất Tố, người quản lý nghĩa trang Hà Nội thì còn biết thêm nhiều câu dao để khác nữa.

Trăm năm bia đá thì mòn

Ngàn năm bia miệng hãy còn trơ trơ.

Tô Hoài ghét và sợ Dạ Ký của Phùng Cung là phải. Đó là bản án muôn đời cho bọn phản quan đã chà đạp “nhân văn, nhân võ” và nhân phẩm người cầm bút chân chính. Đó cũng là cơ sở của ngàn năm bia miệng.

Chúng ta hãy vào Dạ Ký.

1. “Hà chính mãnh ư hổ”:

“Chính sách hà khắc khốc hại hơn là hổ báo” - Khổng Tử, Lễ Ký.

2. “Đắc chí, dữ dân do chi, bất đắc chí, độc hành kỳ đạo, phú quý bất năng dâm, bản tiện bất năng di, uy vũ bất năng khuất, thử chi vị đại trượng phu”: “Lúc đắc chí thì cùng với dân mà giữ đạo, không đắc chí thì hành đạo một mình, lúc giàu sang không mê đắm tử sắc, lúc nghèo hèn không dối dối tiết tháo, oai vũ cũng không khuất phục được, thế mới là bậc đại trượng phu vậy.” - Mạnh Tử, Sách Mạnh Tử: Đằng Văn Công Hạ.

3. Hoàng Văn Chí, Trăm Hoa Đưa Nở Trên Đất Bắc, Mặt Trận Bảo Vệ Tự Do Văn Hoá, Saigon 1959, tr. 149

4. Khi báo chí hải ngoại lầm lạc loan tin Phùng Quán bị bắt cùng với Tô Hoài vì tội lên gửi sáng tác ra nước ngoài, nhà thơ bất khuất, tác giả “Lời Mẹ Dặn” vội tách bạch: “nói đại nếu trời bắt anh đau nặng, thì chắc họ không bao giờ loan tin “cập đôi” với Tô Hoài, hai người đâu có thể đau nặng chung với nhau được?” Thư gửi NHH ngày 19-10-90

5. Tô Hoài, Cát Bụi Chân Ai, hồi ký, NXB Nhà Văn, in lần thứ hai, Hanoi, 7-1993, tr. 107-109

6. Phùng Quán, “Lời Mẹ Dặn”, Văn số 21, 27-9-1957

ĐẠ KỲ *truyện* PHÙNG CUNG

Thời tiết gì mà lạ vậy, trời đã vào thu mà đêm còn oi bức như nung, như thiêu - Thời tiết lạc hậu! Đêm lạc hậu! Hay đây là điềm thiên thời ra tay ủng hộ để cái nóng nần nả đời đốt cháy giai đoạn? Mở mắt to hơn nhìn thấy cái lợi lớn thì nóng thế này chứ nóng nữa, nóng hơn cả giữa mùa hè cũng khắc phục được hết. Trong số nhà 135 Mai Hắc Đế gồm bảy hộ - trong đó có gia đình tôi - thì sáu hộ có trẻ con ốm. Gia đình tôi chiếm một phòng trên gác, cả thầy bốn nhân khẩu: hai vợ chồng tôi và hai thằng cháu nhỏ. Với mười hai mét vuông, so với sáu hộ khác còn xênh xang hơn nhiều - "Ăn hết nhiều, ở hết bao nhiêu!" Câu đầu lưỡi đã được các cụ ta ngày xưa tổng kết đã, đang và sẽ còn giá trị!

Rủi ro thay! Gia đình tôi, hai cháu ốm cả hai; Mẹ chúng bị ba-dơ-đô vào nằm viện đã được hơn hai tuần.

Dưới nhà, chẳng biết hộ nào vụng trộm nhang khói cầu khẩn cho người ốm; mùi hương trầm thoảng đầy mê tín. Lại có tiếng cầu nhau vắng bầy từ số nhà bên cạnh chửi cái nóng, chửi lung tung. Phải khẳng định những người này chưa thấm nhuần tiến bộ văn minh, còn phải được học tập, còn phải được giáo dục nhiều. Những hành vi ấy đều là

bán công khai cũng đều rất ảnh hưởng xấu đến nhiều mặt. Tôi chẳng hương khói, chẳng vắng bầy, chẳng chửi; khó khăn phải khắc phục mà! - Khắc phục được hết; nó là khẩu hiệu tiên quyết thắng lợi mọi mặt - Có thể khẳng định một thủ đồ pha lê; một thành phố pha lê đã nằm trong tầm tay hoạch định của trên. Ai ai cũng nức lòng lạc quan - không phải lạc quan tếu - lạc quan cách mạng!...

Thình thoảng tôi vào xe đạp vào viện thăm vợ; vẫn phải nói với vợ bằng lời: "Yên trí! Tất cả đều tốt!" Cái lối động viên quen tai rất thời thượng - xuất xứ từ đâu? - Cửa miệng quái nào cũng có thể thốt ra được, ở bất luận trường hợp nào xét thấy cần thiết - nó khoanh trong cái vòng "người tốt, việc tốt". Đơn giản mà nghĩ, tôi thấy lời của mình nói với vợ là láo toét! là nói điều, là dối trá nhưng được hơn là thành thật. Trong cõi hệ lụy thiên định, nhân định này chỉ có những phù thủy dấu mặt, cao tay màu nhiệm "úm ba la" đổi trắng thành đen, đổi đen ra đỏ mà, văn hóa mới, văn minh mới chưa lòng chụp được - khiến số ít người còn bán tín, bán nghi, sợ sệt và coi khinh - Phù thủy thì khiếp lắm! Nó pháp thuật, người thành ma, ma thành người. Dân thường làm gì mà biết được.

Mình là người dân, là công dân, chỉ nên nói đến chuyện trong phạm vi công dân - Vinh dự cầm chặt trong tay thẻ cử tri, phiếu bầu cử là đủ tự hào quyền làm chủ! Nhất thiết phải có nghĩa vụ vinh quang! Sự dãi ngộ, hưởng thụ cũng rất khoa học, phải có tiêu chuẩn rõ ràng, không có lộn xộn như xa xưa; cái gì cũng "... giai do tiền định" - đừng hòng! - Phải thời đại hóa "Nhất ẩm nhất trác giai do tiêu chuẩn!" - Bản thân tôi, một mình phải đương đầu, đánh vật với miếng ăn, miếng uống; đánh vật với bệnh tật của vợ con; đánh vật với đủ mọi thứ rủi ro: nhòm ngó, nghe ngóng - mình đâu phải là Quan Âm Phật Bà ngàn mắt ngàn tay mà lường hết được; - đánh vật với chính mình: thâu ngày, thâu đêm còn đâu hơi sức để tỉnh táo, để định thần, để khôn ngoan, để phớt cảnh vươn lên tiêu chuẩn cao hơn - không ai cấm đoán; còn khuyến khích động viên nữa là khác.

Hai cháu, thằng anh bốn tuổi, hơn thằng em hai tuổi; cộng cả hai là sáu tuổi - đang trong vòng "tuổi mù" - nói như thời xưa là chúng đang được bàn tay bà mẹ che chở cho đến tuổi mười hai. Bây giờ thì chẳng có mẹ mắt gì, ai dám cả gan tin; lên tiếng thử xem?



Tất nhiên tôi cũng chẳng dám tin, đại gì chuốc vạ vào thân! Hai đứa cứ như thi đua lên cơn sốt, đã bốn ngày, năm đêm, kể cả đêm nay.

Từ đêm chúng vắng mẹ, đêm nào tôi cũng phải nằm dang hai tay ra hai bên như một cây thánh giá; mỗi cánh tay làm gối đầu cho một đứa. Chúng đều nóng hầm hập; ngày sốt ít, đêm sốt nhiều; chừng như chúng lên sởi. Cả hai đều rên khe khẽ, nghe rất tội nghiệp! Hai cháu ngoan, biết nằm im, rồi ngủ thiếp đi khiến tôi đỡ bối rối. Nằm giữa chúng, tôi lơ mơ ngủ, lơ mơ thức; có thể nói là ngủ trong thức, thức trong ngủ. Tôi cứ nằm trong cái thế "chịu tử nạn!", ê ăm hai cánh tay, không dám cử, chỉ mong chút im lặng để chợp mắt.

Đêm lặng, hơi có gió nhưng là gió nóng; có lẽ gió từ dưới đất lên. Tôi cảm thấy hai mắt đang được băng lại bằng lụa mỏng - một thứ lụa chuyên dùng của thần ru ngủ? Tại tôi vẫn còn thức, nhờ gió nhận được những âm thanh của đêm thu. Âm thanh cũng đứt, nối, nối, chìm, to, nhỏ, gió ý thức điều chỉnh? "...Thế phan thây, uống máu... cùng tiến lên!..." thì ra trong tôi cơ hồ bị thất thoát khái niệm thời gian. Những bài ca cách mạng hùng tráng; xa, gần, các giới, đoàn thể đang tập luyện để long trọng đón kỷ niệm ngày đại lễ của đất nước - Cách mạng Tháng Tám, ngàn thu ghi nhớ: Âm thanh ấy đang dẫn dắt tôi, hoặc tôi níu lấy nó để đưa mình vào cõi chập chờn...

... Một không gian đỏ, xanh, vàng, tím bao la quay cuồng biến ảo; bỗng tối bùng lấy mắt, rồi lại thay bằng một thứ ánh sáng dịu dịu của đêm trăng, rồi ngả sang màu ánh sáng của bình minh ảo - không gian phù thịnh. Tôi đang thông thả bước trên một đường phố - trước kia rải nhựa nay đầy những vết xe tăng để lại nhăm nhở. Tôi mất phương hướng, mất cả lập trường, lại không phải nhà quân sự nên không nhận rõ đây là dấu tích tàn phá của chiến tranh vệ quốc hay xâm lược. Tôi tiếc con đường nên nghĩ đồng dài thô thiển: Tất cả chỉ là sự bày đặt, buôn bán máu xương của ma vương quỷ dữ!... Bỗng một bàn tay đập vào vai tôi, tôi giật mình! Tôi chỉ nghĩ chữ đầu đã nói ra, nên tôi lại định thần quay lại. Ai nhỉ? Một người mà tôi thường hàng ngày chạm mặt. Về mặt dễ mến này hẳn tôi đã lưu giữ trong tiềm thức nhưng vẫn không sao nhớ được tên - Nói theo tiếng xưng hô - hóm hỉnh - mỡ nạc - vui tính - hàng ngày của nhà văn Kim Lân, là "người anh em". Tôi hỏi "Người anh em đi đâu?" Người này chỉ cười, không trả lời; càng cười càng tỏ vẻ dễ dãi. Trong chuỗi cười, nói lên cả một lời khuyên nhủ "Đồng hành!". Tôi vốn có thói quen trực giác cảm thấy đáng tin là tôi sẵn sàng thả lã sự giao tiếp ngay; không chút đắn đo, ngần ngại. Anh ta đi trước, giữa tôi và anh ta có mấy thước khoảng cách; khoảng cách tuổi tác, tôi kém anh ta ít cũng ba trăm sáu trăm năm ngày nhân bốn hoặc nhân năm; khoảng cách chức vị xã hội thì dài lắm, bởi tôi chẳng là cái gì; khoảng cách bước đi vừa bằng chiều dài một con chó. Kể trước, người sau đều bước, tôi vẫn bản khoán, không sao nhớ được tên. Đi là đi, tôi cũng chưa kịp hỏi là đi đâu, bởi tôi tin theo sau anh là vô hại, nếu chưa nghĩ đến lợi lộc. Đi được một quãng, anh ta nói với tôi bằng cái giọng quuyến rũ, tiếng to, tiếng nhỏ, tôi nghe câu được câu chăng: "đường vinh quang" hay "đài vinh quang!"... gì đó. Tôi bụng bảo dạ: "Hay rồi!" Anh ta cứ nói, tôi cứ nghe. Xem chừng đã mỏi chân, khát nước, muốn tìm chỗ nghỉ để rồi lại đi. Thành linh tôi quay lại, không thấy anh ta đâu, rõ ràng tiếng nói của

anh ta còn bám trên vành tai tôi. Tôi lấy làm lạ, nhìn đông, nhìn tây không thấy. Anh ta đi đâu nhỉ? - rẽ lối nào? - để làm gì? - Tại sao mình lại không biết? Tất nhiên tôi chẳng mất mát gì; chẳng có gì để mất mát. Ấn hiện kiểu này chỉ là thần hoặc ma, tôi đâm ra lo sợ. Giữa thanh thiên bạch nhật lại xảy ra chuyện kỳ lạ nhường này: Tôi vừa đi vừa nghĩ, cứ rả lại trong kho lưu trữ của mình để ghép dựng lại con người anh ta. Tôi tiến hành theo cái kiểu làm dôi lợn, được đoạn nào buộc đoạn đó - biết mình đầu óc kém khoa học, kém tổng kết, hay để xống ý nghĩ - dễ xáo trộn lung tung. Trước hết tôi lần nhớ dáng đi của anh ta, lon ton, lon ton - lối vận hành của quan hoạn - À! nhớ ra rồi! Kho nhớ của tôi về anh ta như ổ khóa mở đúng chìa; thậm chí tôi có thể biết cả sơ yếu lý lịch của anh ta* - Con trai thứ của một viên chức loại thường ở thành phố cảng, nhà lại có cửa hàng cửa hiệu; học vấn đã qua tú tài, và đã qua vài năm trường luật - nhờ tham gia cách mạng từ thời Nhật thuộc - trình độ văn hóa - giữa lúc mà bác mình đang kêu gọi diệt giặc đốt - thì anh ta thuộc loại có hạng. Bởi vậy anh ta được giao công tác "tuổi trẻ chức cao". Hình hài xếp loại đẹp giai, trông rất đàn ông, da ngăm ngăm, mũi cao, mày rậm, mắt sáng, râu quai nón - lúc nào cũng cạo nhẵn - khi chưa kịp cạo, râu hơi lờm xờm càng đẹp vẻ mày râu.



- Anh ta được trên sủng ái; cái giọng nói to nhỏ từ miệng khuôn ra toàn đạo đức; mới nghe ngọt sớt - nhưng ngẫm nghĩ thì nó lộ nguyên hình mỹ-ký. Chả biết anh ta học ai mà nhuần nhuyễn bài bản mỹ-ký đến thế: chẳng lẽ bẩm sinh? - Hẹp hòi, ích kỷ, thù vật, đầy người - kể cũng được việc lắm! Văn, thơ, kịch, nhạc, triết, triết, anh ta tự hào "thập bát ban võ nghệ tinh thông!" Nhờ tài hoa ấy mà đời anh ta thông bèn luồng lạch! Ngóc ngách công tác cũng như riêng tư. Tôi được biết nhiều phụ nữ từ quan hệ công tác - môi trường tạo gần gũi, nguy trang - chị em phái yếu nhà mình không ít nhẹ dạ, nhẹ như sàng - như thùng sàng. Anh ta rất nhạy bén đánh hơi khi thùng sàng hở nút, hoặc dò rỉ, quẹt diêm đúng lúc - Dầu đội quân cứu hỏa nhà trời cũng dừng hồng dập tắt ngay được! Hậu quả chị em đã bị anh ta làm cho khốn khổ; chị em đã có chồng con không siêu nhà nát cửa, cũng mang hận suốt đời! Kiêng nể cách mạng nên phụ nữ không dám lên án anh ta là tên "sở Khanh cách mạng" mà chỉ nhỏ hơi nặng bãi nước bọt! Anh em trong ngành văn nghệ đã phong tặng anh ta danh hiệu "con chó dái đầu bằng!"

Con người như thế phải là như thế. Khi vợ anh ta bị bệnh lao phổi, chết tại Việt Bắc. Biền đau thương thành hành động; anh ta lao vào công tác vừa phản rãnh thân kiếm bạn

đời, rãnh cẳng lỏng lỏng...

Chẳng hay, cấp trên trực tiếp, gián tiếp có biết đầy đủ về con người anh ta hay không? - Sáng suốt nhường ấy thì chắc chắn phải biết. Có phải vì văn thơ kịch cột của anh ta hợp khẩu vị - mà trên làm ngơ, hoặc đang có tác dụng, này nọ; cân nhắc thấy những "nhược điểm nhỏ" của anh ta không ảnh hưởng gì đến nền đạo đức cách mạng, chỉ là cá tính vô hại. - Anh ta cũng đã mấy lần lầm lỡ - giờ què - hợm mình - nâng giá! lên voi xuống chó, những lúc ấy trông anh ta thâm nảo, ai cũng động lòng - người trong ngành nhận định chỉ là sự "giơ cao đánh khẽ" để vào khuôn phép, kỷ cương! - Nhận định như vậy hình như đúng - Trên đường hoạn lộ anh ta vẫn được đàn anh dấm dúi thập toàn đại bổ. "Nhược điểm nhỏ" anh ta cũng có phải trả giá - giá chợ chiều!

Tóm lại đầu vẫn hoàn đầu; vẫn lỏng lỏng leo thang; công tác vẫn ngon lành. Thế mới biết con người ta đều có số phận cả!

Biết rõ anh ta là ai rồi nhưng tôi vẫn thắc mắc về sự ẩn hiện của anh. Theo truyền ngôn, nước ta chỉ có "Tứ bất tử", các vị này đều dày công tu luyện đạo gì đó. Vậy chẳng lẽ anh ta đã bỏ xung vào hàng ngũ đó sao? Chẳng lẽ học thuyết Mác-Lênin cũng là đạo sao? Vô thần cơ mà! - Ủ thì cứ cho là đạo vô thần đi - Đạo vô thần mà lại lăm phép lạ đến thế thì khiếp thật! Và đương nhiên anh ta phải là bậc chân tu chính đạo! Tôi tự thấy mình hóa thành kẻ đa sự nên vội trụt ý nghĩ lại. Từ lúc trong đầu bận tập trung suy nghĩ về anh ta, quen chân, đều bước cũng chẳng biết mình đi được bao xa và đi đến đâu. Chỉ thấy chân mỏi nhừ, khát nước bỏng cổ họng. Tôi trở lại cái thói quen thiên cận những điều gì không tự giải đáp nổi, cho quên bồng đi, là thượng sách...

Trời đã ngả chiều, từ trên cao chợt có tiếng "qua nổ pháp miêng" - Tiếng của làng quê tôi như thế - Tôi nhìn lên ngọn cây chồi mới kể bên cổng một ngôi đền cổ kính. Không am tường ngôn ngữ chim muông nhưng tôi đoán đó là một đạo khúc bản Sê-rê-nát-quạ. Con quạ khoang vươn cổ réo lên đủ bảy tiếng chiều - vấp nhíp - bốc cánh bay đi; vừa bay vừa ỉa thản nhiên. Tôi muốn ghé nơi cảnh vắng này để độ chân, luôn thể ăn mày ngậm nước. Tôi vừa bước khỏi cổng, bỗng thấy khác lạ: rõ ràng vừa rồi là một cổng đền, nay lại biến thành một tam quan đẹp - Chùa hay đền? - Tôi chẳng hiểu gì về kiến trúc, chẳng phải tín đồ, con hương, đệ tử. Tôi chẳng có cương vị quan tâm. Tôi bước thêm dăm bước. Chợt tiếng "đậu phụ chùa" sửa dứ dẩn. Tôi để mắt tìm chẳng biết con vật ấy ở đâu. Tiếng sửa từ bốn phía giáp công giòn giã đan vầy. Tôi biết làm gì đây để thanh minh mình không phải là kẻ gian phi. Tôi cố gắng nhìn ngó muốn tìm đến chủ của chúng dù là nhà sư hay là ông từ để nói lên cái yêu cầu không nhỏ của mình. Rất tiếc, tôi chẳng thấy bóng một ai! Chẳng biết sức gì lôi cuốn, khiến tôi tò mò ngon bước. Vào đến thềm đại bái, tôi chợt nghe tiếng lịch kịch bên trong như tiếng thu dọn đồ đạc. Tôi bước hẳn vào bên trong, nhìn lên tam bảo uy nghi. Cái mắt tò mò chuộng lạ của tôi dè dặt tôn kính từ ba vị tam thế, đến hai bên hành lang, đủ loạt: tượng phật, tượng thánh gỗ hay đất chẳng biết, đều sơn son thiếp vàng lộng lẫy. Trời! Tôi bỗng rùn cả người! Các tượng tĩnh tọa ở cái thế thiên thu bất biến, nhất loạt chăm chăm nhìn tôi. Tôi rẽ sang hành lang bên tả, các vị cũng nhất loạt đánh mắt sang tả lườm tôi. Tôi rẽ sang hành lang bên hữu các vị cũng nhất loạt đánh mắt sang hữu - Còn nhanh hơn - lườm

tôi! Sự hoạt động của nhân tượng nhay bèn tựa cái vô-lăng ô-tô quanh trái, quanh phải trên con đường chữ chì, ổ gà, do một tay lái tốt bậc điều khiển. Tôi cảm thấy lạnh toát người; tôi cố trấn tĩnh làm nhanh bản tự thuật trong đầu. Tôi vẫn biết đã là tự thuật thì thành khẩn tự nhận tội lỗi là cốt lõi của vấn đề. Tôi tự nhủ có lẽ con mắt của thần, phật; chỉ con mắt thần phật mới nhìn thấu hết. Hẳn kiếp trước mình là kẻ bất lương, bất hảo! ...

Tôi khép nép đi lùi theo lối cận thân sau khi vào bệ kiến đức vua mà tôi đã có nhiều dịp chứng kiến trên các chiếu hát chèo. Lùi đến khi gót chân va vào bậc cửa tôi mới dám cúi đầu quay ngang và bước hẳn xuống thềm.

Khát quá! Nhìn thấy một bể nước kê sát tường, tôi vội nghĩ: thôi thì dầu sao mình cũng đã bị kiểm kim ấn ba kiếp thì liễu thành tâm ăn mày trộm ngậm thanh thủy! Rủi thay! Tôi nhìn vào bể chẳng còn lấy một giọt nước, đáy bể đã chớm rêu. Góc bể phía trong, một con cá đã chết từ bao giờ trong môi trường thiên định, chỉ còn nguyên bộ xương trắng màu gạo hẩm! Chờ ăn vạ, hay đợi thời gian mãi dũa để siêu thoát, hay chờ bàn tay mầu nhiệm cho tái sinh? Duyên kiếp người cũng như ngư điệu, đều may ít rủi nhiều, cứ nằm đấy mà chờ đợi! Tôi trộm nghĩ lồm bồm lời Phật tử: "Nước bốn đái dương đồn chứa chứa bằng nước mắt chúng sinh trong thế giới ba ngàn!" Nếu được xét tái sinh hẳn con cá này sẽ được thăng ưu ái trong nước mắt mệnh mông vô tận - Coi chừng, kéo uống phí kiếp tái sinh!

Bộ xương cá đòi bằng được chỗ đứng trong kho lưu trữ dầu tôi, làm tôi nao nao; cá đã chết rũ xương trong môi trường thì còn biết thế nào mà lường được! Môi trường đang là cái lò sát sinh được nguy trang chăng?

Tôi vừa đi vừa nghĩ bỗng cơn mưa ập đến, nghe tiếng mưa rào rào, tôi nhìn xa gần để tìm nơi trú. Nhưng lạ thay, mưa mà quần áo tôi không ướt. Mới ở chùa ra, có lẽ mưa tưởng tôi là người nhà phật, hay ít cũng vương mùi phật nên kiêng nể chăng? Lại thỉnh linh một mũi giày đá vào mông tôi. Đá khá mạnh nhưng không đau. Tôi lại giật mình quay lại. Chẳng phải ai xa lạ, ông bạn cao tuổi, nhà thơ giả thiếu số** - Tôi hơi bất bằng cái lối mở đầu sự gặp gỡ kiểu này, nhưng không tiện tỏ thái độ, chưa hẳn sợ anh mà là ngại anh thì đúng hơn. Anh đá tôi bằng giày vải của quân đội nước bạn Trung Hoa viện trợ - Trong giày nó có sức điều tiết lúc êm, lúc đau - phật đá hữu nghị giao hảo thì nghe êm; ngược lại thì gấp ngàn vạn lần giày xăng-đá của lính Lê-dương. Anh hất hàm hỏi tôi: "Đã thật thành khẩn chưa?" Tôi chưa kịp trả lời mà nghĩ nhanh: sao anh ta lại hỏi đột ngột thế nhỉ? Anh ta có ở trong đầu mình đâu mà biết được bản tự thuật lúc này mình chỉ mới nghĩ, chứ có viết hoặc nói ra đâu. Lạ thật! Chẳng lẽ tiếng lịch kịch khi tôi nghe thấy lúc còn đứng ở thềm đại bái lại là tiếng do anh ta tạo nên. Có lẽ anh ta nấp đâu ở trong chùa mà tôi không biết. Cái khoa "phật vận" của anh làm tôi phục anh sát đất. Cũng có thể do anh ta quen tin lấy tiếng chó làm chuẩn để cân đong đánh giá sự gian ngay chăng? - Như người bị bắt quả tang, tôi cứ ngỡ ra: Chút bình tĩnh dần dần được hồi phục, vì mình không khuất tất, không trộm cắp gì. Vả lại nhà tôi cũng có nuôi chó. Người lạ đến nhà là nó sủa, bất kể là ai. Nhiều con khôn còn biết sủa lập công phò chủ. Tôi ít nhiều bị chúng hiểu lầm nhưng chẳng đáng để ý. Anh nhà thơ lên mặt giáo dục tôi: "Chưa thật thành khẩn, phải đào sâu suy nghĩ, còn phải bộc lộ!..." Tôi nghĩ đây đâu

phải là đang cuộc chinh huấn. Nếu là chinh huấn tôi cũng chẳng tiếc gì vài cái gãi đầu dấm ngực, lên án mình - dù thật hay vờ, miễn học ủy gặt đầu chấp nhận... Anh nhà thơ lại hạ giọng: "Cũng tạm được, cũng đã có ít nhiều chuyển biến!..." Nói xong anh quay đi, đi rào bước cho kịp một người bạn đồng hành của anh. Tôi được giải thoát, tôi thở phào nhìn theo hai người. Quái lạ! Anh nhà thơ, lúc này tôi có thấy anh ta cầm cái gì đâu. Bây giờ lại thấy tay phải cầm ngang một chiếc côn gỗ đầu đen, đầu đỏ - Nếu là côn đầu trắng đầu đỏ thì tôi đã biết nó là côn công sai - Côn thủy hỏa! Nhưng loại côn này thì tôi chịu. Người cùng đi với anh, không nhìn mặt tôi cũng biết. Vóc dáng cao lớn, gầy, đen, tứ thời húi đầu móng lử, tứ thời bận đồ nâu - kể cả khi bận com-ple cũng nâu - na ná một ông sư cao niên - đó là một nhà văn, nhà lý luận - lối lập luận thời thượng nhất - vừa mũi nhất - Anh em trong ngành văn học nghệ thuật nói vụng với nhau là: "Tên đầu bếp vụng, nhưng được kẻ ăn khen ngon!..."***

Nhà lý luận một tay bá cổ nhà thơ, một tay cũng một cái côn, giữa sơn vàng, hai đầu đỏ; màu sắc tất nhiên khác hẳn côn của nhà thơ - Nó tượng trưng cho cái gì thì tôi cũng xin chịu - Côn nào cũng có tính năng của nó - không phải chuyên trang trí, tạo dáng.

Một lúc sau, không biết hai người đã rẽ lối nào, tôi chẳng quan tâm, ngả ba ngả tư thiếu gì. Đến một ngã ba, thấy lối rẽ bên phải đường nhấn cát pha, tôi liền rẽ theo ngã này. Ôi! Vô phúc thế nào lại dẫn thân vào nơi cấm địa; lầu son, gác tía dựng ngay trước mặt. Tại sao mắt tôi không nhìn thấy từ xa nhỉ. Tôi dừng chân nhìn một hóa hai, hai hóa ba, ba hóa bốn, hóa năm, liên khu lâu đài, biệt thự - như trời hóa phép vậy! Tôi tưởng đây chỉ là ảo giác. Tôi xoa mắt, định thần. Tôi đứng bên ngoài hàng rào cấm nhìn lên thấy một tấm biển màu đỏ, chữ vàng, chứa lòa nhòa tôi không đọc rõ - treo ngay ngắn trước một biệt thự chính giữa. Hai hàng người quần áo đồng màu cấp côn đỏ, xếp thứ tự nghiêm chỉnh từ dưới chín cấp lên tận cửa son. Đứng đầu hàng bên tả là người nào tôi không biết; đầu hàng bên hữu là ông anh đẹp giai tôi gặp lần đầu - ông ta rất chừng mực, rất điệu có vẻ điều luyện nhất: Hẳn ông anh đang giữ chức chỉ huy, bên cửa son. Cặp mắt hau háu, trai lơ, xung mãn! Lúc này tôi mới chợt nghĩ lại mấy tiếng "vinh quang" mà tôi đã được nghe anh nói; hẳn là chốn này đây! Chẳng có công việc gì mà cứ luẩn quẩn nhìn ngó để bị soi đòn nên tôi liền lảng nhanh. Tôi đang nghĩ tiếng "vinh quang" hẳn là anh đó khoe mình đang vinh quang, hoặc chỉ nhủ tôi đi xem "vinh quang" mà thôi. Như vậy là tôi đã được biết cái vô vinh quang, còn tất cả bên trong là như thế nào, ngữ tôi làm gì được biết. Tôi nghĩ: "Đi một ngày đàng học một sàng khôn". Học cái gì, khôn cái gì? toàn là những điều không thực dụng, vô bổ.

Khát cứ khát, đói cứ đói, chân cứ đòi bước như thể tự mình dẫn độ mình trong vô định. Đang đi trong lối đi của thành phố, trong đầu cứ băng đi một cái lại gặp một sự lạ. Đường phố rõ ràng thoát biến thành lối đi đèo dốc miền thượng du. Hai bên rừng rậm rạp, tiếng chim hót đủ loại, nhiều nhất là vẹt và khướu bách thanh, hai loại này tay có nghề mà kiếm được vài cặp nuôi dạy làm mồi thì tuyệt vời!

Tôi chợt nghe giọng âm ồm ngâm câu thơ... "Mai Châu mùa em thơm nếp xôi...". Tôi nghĩ ai đó đang ngâm nga câu thơ của Quang Dũng thì thấy đúng Quang Dũng xuất



Nguyễn Đạt

NGUYỄN ĐẠT

CHẤT NGẮT RỪNG ĐẠI NINH

Rừng thông Đại Ninh xanh sốt rét
Co ro cùng tôi bên chân cầu
Nước thác thượng nguồn nào ai biết
Tan cùng vờ vụn giữa lòng sâu
Tan cùng hồn thi sỹ nghiêm sâu
Cơn đau lòng đá nước đồn dập
Núi vỡ lên rừng thông chất ngất
Tôi về co cúm bên chân cầu
Tôi về ai biết bởi vì đâu
Bởi đâu rừng Đại Ninh sốt rét
Một đêm liêu vãng lưng chừng đồi
Người góa phụ bí mật bốn hai
Và rừng Đại Ninh thông sốt rét
Và núi Đại Ninh đau thấp khớp
Buốt rên chỉ có một mình tôi
Một mình tôi một mình tôi thôi
Với giấc phù du với mộng ảo
Những tầng mây và những đỉnh trời
Cao ngất như Đại Ninh sốt rét
Co ro người thi sỹ ai hay
Cho dầu người góa phụ bốn hai
Mở cửa liêu vãng nhìn huyền hoặc
Bởi đâu rừng Đại Ninh chất ngất

DƯ ÂM TỊCH MỊCH

Một mặt trời lúi thủi ra đi
Sau tiếng kêu rơi vô thốt nhiên
Một hoàng hôn trang phục màu chì
Bước vào dạ hội rất bình yên

Một vì sao tím xăm xa xăm
Qua cửa ngõ thăm tối của rừng
Chiếu sáng chàng nơi một trái tim
Ở đấy hiển hiện dung nhan nàng

Tất cả đều thấy chàng tới đó
Dù sao hoài mong chỉ hoài mong
Tất cả đều nghe chàng bày tỏ
Một lần khi dạ hội ngừng im

Một lần khởi đầu và kết thúc
Mặc tình dạ hội tràn âm thanh
Duy một tiếng cười không ai biết
Dư âm tịch mịch dài qua đêm



THẾ DŨNG TỪ TÂM

1
...ngun ngút nẻo đêm đặng ngát
Dáng ong than lửa dập dềnh

2
Từ Tâm
...ngân ngát lối ngày hun hút
Em cười nửa nụ lênh dềnh

3
Từ Tâm
...nực rỡ cơn mưa tuổi ngọt
Sững sờ nhan sắc lưu vong!

4
Từ Tâm
...huyết lệ thư hùng tiềm ẩn
Cho tôi xóa mặt đời nhàu?

5
Từ Tâm
...cực mê- cực tỉnh?
Như điên, như dại, như khờ?
Tim Bão dâng đầy Kinh - Lực
Khóc cười những giọt lệ Thơ!

6
Bão Tâm thổi từ tiền kiếp?
Tan thân! - Giông Tố ru hồn...
Quá nửa đời ôm ngực vỡ:
Nén hồng tất giọng ho khan...!

7
Từ Tâm...
...soi vào Nhân Phận
Mong manh nét tóc trắng tròn
Từ Tâm ...
...khóc cười thăng giáng?
Mỗi ngày một cuộc hồi Xuân!

27. 01. 96

hiện. Tôi cảm thấy may mắn, gặp anh. Tôi vội hỏi anh đi đâu đến chốn này. Anh cười vẻ buồn buồn: "Ồ Tây tiến về! Hôm nay sinh nhật mình, mình đang muốn tìm bạn dự sinh nhật!" Tôi nghĩ bụng: "Thế thì đúng lúc, mình đang đói, khát, lại có bạn rủ đi sinh nhật thì còn gì bằng!" Tôi ngó lời chấp thuận. Thế là anh ta kéo tôi ngồi xuống gốc cây bên cạnh giỏ trong bọc ra mấy củ khoai lang luộc, và tháo từ nách ra một bi đông - bi đông nhôm hơi méo đựng nước chè xanh. Hai thằng cùng ăn khoai, cùng uống nước - Anh ta giới thiệu: "Khoai quê mình đây, chè thì ở Gót cũng gần quê mình - Ta lấy khoai làm bánh kẹo, lấy nước chè làm rượu - Anh vừa nói vừa cười, hỏi tôi: "Cậu chúc gì mình nào?" Tôi đáp: "Chúc ông làm nhiều thơ hay!" Anh ta lắc đầu, im lặng. Tôi thấy sinh nhật một nhà thơ sơ sài quá! đơn giản quá! Nhưng tôi lấy nội

dung làm chính. Anh ta lại nói: "Khoai lang ăn nó dễ đi ỉa, nhuận tràng; chè xanh mát ruột!" Tôi cũng miễn cưỡng cho là phải và đang nhìn mơ hồ lên bầu trời cao xanh. Bỗng tôi thấy anh lấy từ trong túi đựng khoai ra một con dao dài chừng một gang tay, chuôi đồng, lưỡi dao sáng loáng, anh vừa nhỏ nước bọt vào gan bàn chân, vừa liếc dao, vừa khóc! Nước mắt lăn rơi đầy mặt! Liếc dao xong, anh ta đứng phắt dậy, mắt gườm gườm nhìn tôi. Tôi sững sờ không hiểu nổi cái gì sẽ xảy ra đây? Tôi cũng đứng dậy. Anh ta cầm lăm lăm con dao sắc trong tay: "Tao thiên mày!" Tôi hoảng sợ nhưng vẫn nghĩ là anh đùa: "Đừng đùa đại thế anh!" - Anh nhẩy bước tới tôi. Tôi lùi nhanh. Anh nói: "Đùa à! Tao thương mày, mày có muốn làm quan hoạn không?" Tôi nghĩ: "Thằng này phát điên hay sao đây mà lại quái gở thế này?" - Anh ta nói liên liên: "Tao thương mày! Tao thương mày! Cùng quê nhau cả, tao giành cho mày mọi sự ưu ái!" Nhấp nhóm anh có ý rình miếng chụp gọn lấy tôi. Tôi vừa sợ, vừa nghĩ: "Anh ta phát điên hẳn rồi! Ưu ái - quan hoạn - lộn xộn chẳng còn biết ra thế nào!" Tôi lùi một bước, anh ta tiến một bước, tôi lùi hai bước, anh ta tiến hai bước. Anh ta một tay múa dao, một tay chuẩn bị chụp hạ bộ tôi. Chạy là thượng sách! Tôi phá chạy, anh ta huỳnh huých đuổi theo sau. Rõ ràng tôi cảm cố gắng sức mà vẫn như chạy tại chỗ. Anh ta cũng không đuổi kịp được tôi. Chạy được một lúc, tôi ngoái nhanh cổ nhìn lại, không phải Quang Dũng mà là một nữ du kích; đầu chít khăn đen kiểu mỏ quạ, áo cánh nâu, quần đen có chít ống, trông cũng xinh xinh. Tôi vừa chạy vừa nghĩ chẳng lẽ Quang Dũng tàng hình hay cô du kích tàng hình. Tôi cứ chạy lối chữ chi như để tránh luồng đạn. Chạy mệt quá! Đứt hơi rồi! Tôi đành nhắm mắt gửi thân cho số phận! Ngồi thụp xuống thở. Và cũng chẳng thấy ai đuổi mình. Người ấy biến đi đâu? Thế là thoát! Tôi ngồi nghỉ lấy lại sức, nhờ có vài củ khoai và ngụm chè xanh sinh nhật, cái đói khát cũng đã tạm ổn.

Trên đường toàn những khách văn chương, thời thịnh văn chương! Cũng như người ta nói: "Ra ngõ gặp anh hùng," là rất có sở sở, rất có lý. Ngay nơi gia đình tôi đang ở, cũng hàng chục Hùng - Hùng Sơn, Hùng Việt, Hùng anh, anh Hùng, thậm chí có cả Hùng nhèm, Hùng rẻ rách v.v... Cũng là thời thịnh anh Hùng nên người ta ngưỡng mộ cái danh hiệu cao sang ấy mà đặt tên không ngoài sự khuyến khích "hưởng hùng". Nhà thơ tôi may mắn gặp đây - sau một phen hết hồn bị thiên trượt - là Hoàng Cẩm: Một người bạn vong niên kể tuổi đời, tuổi văn thơ cũng xứng đáng là bậc "liên anh" của tôi. Anh có dáng thư sinh nho nhã - nghe nói cũng có đôi người phái đẹp chê anh là ẻo uột! Với tư thế một sĩ quan văn học trong đoàn quân bách chiến, trời phú trong cổ họng có cái còi mạ vàng; nhờ đó anh xống giọng vàng mười sang sảng khi ngâm thơ - Có người đổ kị bảo thơ anh đầy vẻ lấp lánh trang kim hàng mã - Cũng vẫn lối đổ kị có vẻ khen anh nổi tiếng nhờ ngâm thơ chứ không phải vì thơ hay. Cứ cho là đúng; cứ cho là không đúng đi - Tất cả đều là phù phiếm có giới hạn - Nhờ tài hoa, duyên phận, anh đã "cuốn" được một phụ nữ nà dòng "đờ-luých" - đó là lời đùa quá chớn của bạn anh - chẳng thấy cần phải nêu tên; nhưng thôi, tôi cứ nêu bég tên ra để khỏi mập mờ - đó là Tử Phác. Tôi biết Tử Phác với Hoàng Cẩm có thể nói là đôi bạn nối khố nhưng, cũng không ít lời cay độc ngay trong lúc trò chuyện với nhau. Hình như Tử Phác ta

cũng ít nhiều có sự ghen tị với Hoàng Cẩm về đường phu thê? Tử Phác độc quyền chăm chọc Hoàng Cẩm, ai khác cũng nói lời của Tử Phác như vậy; tức thì Tử Phác bênh bạn chăm cháp: "Ồi chà! nà dòng loại chúa như thế còn gấp triệu lần loại vấy đụp lên ngòi - loại vấy đụp đã lên ngòi thì khiếp lắm!... - được thôi mà!..." Đương nhiên cái lối nói này lạc hậu tầm cỡ quốc tế! Nên chỉ là nói vụng.

Thật là đẹp đôi! Thật là trai tài gái sắc! Cái đất Hà Thành này, cái đất quanh vùng hoàn kiếm này, - theo tôi - nếu không muốn nói là hiếm thì cũng không nhiều - trong mâm ăn hàng ngày chắc có cơm tám chả chim!

Hoàng Cẩm nắm vai tôi hỏn hển: "Mình đang nghĩ giải lao, đang bận tập, nếu không thì mời cậu về nhà mình chơi". Tôi vội hỏi: "Tập tành gì?" Hoàng Cẩm quay sau lưng, lấy tay chỉ chỗ. Tôi nhìn theo tay anh, thấy một bãi tập rộng, cỏ mọc xanh rờn xung quanh đều có hàng rào thép gai cao chừng hai tầm đầu người lớn. Hai bên phía bãi tập là mấy ngòi biệt thự mới: cái thì mái cong như mái chùa; cái thì mái vòm, trên nóc có hình củ tỏi. Bỗng một hồi chuông vang lên, Hoàng Cẩm định bắt tay tôi để vào bãi. Nhưng anh lại dừng ngay và nói với tôi: "Chưa đến đợt bọn mình!". Tôi lại hỏi anh: "Tập tành gì vậy - và nơi đây là gì?". Anh trả lời tôi: "Cứ đứng đây nhìn sẽ biết!"

Tôi nhìn vào trong đã thấy sáu bảy hàng người, mỗi hàng chừng vài chục. Có hai người đang đứng trước những hàng người, nói gì tôi không nghe rõ. Một người cao đen, mà trong anh em văn nghệ mệnh danh là đầu bếp vụng; người kia là nhà thơ giả thiếu số. - Theo Hoàng Cẩm cho biết người cao đen là giáo sư viện trưởng qua đào luyện theo hệ Nam hải. Người nhà thơ là giáo sư viện phó, qua đào luyện theo hệ Đông phương. Cả hai tôi đều biết, nhưng tôi thắc mắc: Nam hải gì? Đông phương gì? sao anh lại nói mập mờ khó hiểu vậy - tôi không tiện hỏi. Sau mấy tiếng hò hét của hai vị giáo sư - Giáo sư viện trưởng, vươn ra một cái lưỡi đỏ, dài hàng trượng và hơn thế nữa. Cái lưỡi cứ ngoằn ngoèo lượn như xiếc Trung hoa múa lụa vậy. Mấy hàng học viên do giáo sư này chỉ huy cũng phóng lưỡi đỏ, cũng ngoằn ngoèo nhưng còn ngắn hơn giáo sư nhiều - Còn vị phó giáo sư thì phóng một loại lưỡi khác thẳng đơ như dùi cui cao su, bẻ dài cũng hàng trượng, có kém cũng không đáng kể - Cái lưỡi của vị phó giáo sư không múa liềm mà cứ đập lên đập xuống, cái lối dẻo cứng. Theo tôi đúng là một trăm phần trăm cao su nhân tạo hay thiên nhiên thì không biết - Mấy hàng học viên dưới sự huấn luyện của vị này cũng phóng lưỡi ra, cũng đập lên đập xuống, tất nhiên so với phó giáo sư còn kém nhiều! Tôi nhìn thấy cũng ngạc nhiên, cũng lại sợ. Tôi chưa được ai nghe nói về sự việc này - Nay đột nhiên được thấy tận mắt mới biết mình còn ngờ nghệch nhiều trong cuộc sống! Đột nhiên tôi thấy một người nhỏ thó, mắt hơi lé, nói giọng kim từ đâu vừa đến****. Viện trưởng, viện phó cung kính cúi nửa người - Hẳn có laptop bản lề trong lưng. Rồi lại thẳng người vươn lưỡi lẳng qua, lẳng lại - nghi thức lễ tân của học viện chào thượng cấp. Tôi hỏi Hoàng Cẩm xem ai đó. Hoàng Cẩm nói nhỏ: "Thì hào, viện trưởng danh dự của viện!" Tôi cố hỏi Hoàng Cẩm: "Học viện gì và làm sao anh lại được vào theo học?". Hoàng Cẩm khẽ trả lời: "Học viện múa lưỡi đấy!".

MA HIỆN

GUY DE MAUPASSANT

CHUYỆN MA DO CÁC VĂN HÀO KỂ

Nhân nói về một vụ án mới đây, người ta bàn về sự giam cầm. Đó là vào cuối một buổi họp mặt thân mật, ở đường Grenelle, trong một tư thất cổ kính, và mỗi người đều có một câu chuyện riêng, một chuyện mà người ta quả quyết là có thực.

Cuối cùng lão Hầu tước de la Tour-Samuel, tuổi đã tám mươi hai, mới đứng dậy và tôi dựa vào bệ lò sưởi. Lão nói bằng một giọng run run:

- "Tôi cũng vậy, tôi cũng biết một chuyện lạ, rất quái lạ lùng đến nỗi nó đã ám ảnh tôi suốt cả một đời. Chuyện đó xảy ra với tôi cách đây đã năm mươi sáu năm rồi thế mà không có tháng nào tôi không nằm mơ thấy nó. Từ ngày ấy đến nay nó đã trở thành một vết hằn sâu, một dấu khắc của kinh hoàng trên tâm trí tôi, quý vị có hiểu không? Vâng, tôi đã bị thất đảm kinh hồn trong mười mười phút đồng hồ, khủng khiếp đến cái độ mà từ phút đó trở đi, một nỗi sợ hãi thường trực ẩn náu trong tâm hồn tôi không rời. Tiếng động bất ngờ cũng đủ làm tôi giật thót lên đến nhói tim; những vật lơ mơ không nhìn rõ trong bóng tối cũng làm tôi phát cuồng lên muốn vùng tháo chạy. Rốt cục, tôi đâm ra sợ bóng đêm.

"Ồ, thế nhưng tôi đã không thú nhận điều đó trước khi đến gần nay tuổi đầu đầu nhé! Bây giờ thì tôi đã có thể nói về tất cả mọi sự rồi. Khi người ta đã tám mươi hai tuổi đầu thì thiết tưởng người ta được phép không cần phải dưng cảm trước những hiểm nguy tưởng tượng nữa. Còn trước những nỗi nguy nan thực, thì tôi chưa hề lùi bước đâu, thưa quý bà.

"Chuyện này đã hoàn toàn làm đảo lộn tâm trí tôi, đã gieo vào trong tôi một sự hỗn loạn sâu xa, bí ẩn, khủng khiếp tới mức tôi chưa hề dám kể lại cho ai nghe. Tôi đã giữ kín trong đáy lòng, trong cõi sâu thẳm nơi người ta chôn dấu những bí ẩn đau lòng, những bí ẩn xấu xa, tất cả những yếu đuối chẳng thể thú nhận mà chúng ta mang nặng trong đời.

"Cuộc phiêu lưu như thế nào thì tôi sẽ kể với quý vị như thế ấy mà không tìm cách giải thích gì cả. Chắc chắn là chuyện đó có thể giải thích được miễn là lúc ấy tôi đã có phút điên của tôi. Nhưng không, tôi đã không điên, và tôi sẽ cho quý vị bằng chứng. Quý vị muốn tưởng tượng thế nào thì tưởng tượng. Sau đây chỉ là những sự kiện thuần túy.

"Đó là vào năm 1827, nhằm tháng bảy. Lúc đó tôi đang đồn trú ở Rouen.

"Một hôm, trong khi đang đi dạo trên bến tàu, tôi bỗng gặp một người mà tôi nghĩ mình nhận ra là chỗ quen biết tuy không nhớ đích xác là ai cả. Tự nhiên, tôi làm một cử chỉ để dừng lại. Người lạ nhận thấy cử chỉ ấy, ngó xững tôi rồi ôm chầm lấy tôi.

"Đó là một người bạn thời trai trẻ mà tôi vô cùng yêu mến. Mười năm nay không

Nhà văn Guy de Maupassant, bậc thầy của trường phái tự nhiên, ra đời tại lâu đài Miromesnil năm 1850, là một người Normand chính cống, trong mọi nghĩa. Lúc nhỏ chơi đùa với con cái của nông dân; lớn lên vẫn đi lại; ưa làm việc, thích tiền bạc, mê ăn ngon, khoái rượu, hay khôi hài và thường kể những chuyện ly kỳ. Lúc Pháp lâm chiến với Phổ, ông 20 tuổi, bị động viên, phục vụ ở Vincennes và Ba Lê, sau làm việc trong Hải quân. Ông ít đến sở, luôn luôn có mặt trong các hội quán văn chương. Nhờ Gustave Flaubert ông biết thế nào là văn phong, quen Zola, Daudet và Goncourt. Truyện Boule de Suif khiến ông nổi tiếng ngay. Bỏ việc để chuyên vào viết lách, chỉ trong 10 năm ông sản xuất tới 290 chuyện kể và 7 cuốn tiểu thuyết nổi tiếng không những ở Pháp mà khắp Âu Châu.

Làm việc tận lực cũng như hưởng thụ tận lực, Guy de Maupassant lóe sáng thật nhanh, và tàn thật sớm. Ông bị tê liệt, rồi điên, và từ già cõi đời vào năm 1893, vừa đúng 43 tuổi. Ma Hiện, Apparition), (bản Anh ngữ là The Specter) được ông viết vào ngày 4-4-1883, là bản dịch chúng tôi dựa vào cuốn Contes fantastiques complets do nhà Maribout, Ba Lê, xuất bản năm 1988.

gặp nhau thế mà trông hán ta dường như đã già đi dễ có đến nửa thế kỷ. Tóc hán bạc trắng cả; hán đi lom khom, như thể kiệt lực. Hán hiểu nỗi ngạc nhiên của tôi và kể cho tôi nghe chuyện đời hán. Một nỗi bất hạnh* khủng khiếp đã làm tan nát tâm hồn hán.

"Yêu điên cuồng một thiếu nữ, hán đã cưới nàng trong một trạng thái hạnh phúc xuất thần. Sau một năm hạnh phúc siêu phàm và đam mê khôn nguôi, nàng đã đột ngột từ trần bởi một tâm bệnh, chết bởi chính tình

yêu, hán thế.

"Hán đã rời bỏ lâu đài ngay hôm chôn cất nàng và tới sống tại trang viên của hán tại Rouen. Hán đã sống ở đó, cô đơn và tuyệt vọng, bị gặm nhấm bởi nỗi đau thương, vô cùng thâm đến nỗi hán chỉ nghĩ đến việc tự sát mà thôi.

"- May quá hôm nay gặp anh ở đây," hán nói, "tôi sẽ xin anh giúp cho một việc quan trọng, đó là tới nhà tôi, vào bàn giấy trong phòng tôi, phòng của chúng tôi, tìm giùm một số giấy tờ mà tôi đang cần gấp lắm. Tôi chẳng thể giao phó việc này cho một thuộc hạ hay một biện sự bởi tôi cần một sự kín đáo và im lặng tuyệt đối. Còn về phần tôi, không có gì trên đời khiến tôi có thể trở lại căn nhà đó được.

"Tôi sẽ trao cho anh chìa khóa căn phòng đó mà chính tay tôi đã khóa khi ra đi, và chìa khóa bàn giấy của tôi. Ngoài ra anh sẽ chuyển một vài dòng của tôi cho lão thợ coi vườn của tôi bảo hán mở cửa lâu đài cho anh.

"Nhưng ngày mai anh hãy tới dùng điểm tâm với tôi đã và chúng ta sẽ nói về việc đó."

"Tôi hứa sẽ giúp hán ta công việc nhẹ nhàng đó. Vả lại đối với tôi thì đó chỉ là một cuộc đi dạo mà thôi, lâu đài của hán chỉ cách Rouen khoảng độ năm dặm chứ mấy. Tôi chỉ cần đi ngựa chừng một giờ.

"Mười giờ sáng hôm sau tôi tới hán. Chúng tôi ngồi ăn sáng mặt đối mặt; nhưng hán không nói quá đôi mươi câu. Hán xin tôi thứ lỗi; ý nghĩ về cuộc thăm viếng mà tôi sắp làm trong căn phòng đó, nơi yên nghỉ của niềm hạnh phúc của hán, làm hán điên đảo tâm thần, hán nói vậy. Quả thực tôi thấy hán đặc biệt bị giao động, xao xuyến, tư tưởng như thể một cuộc giao tranh âm thầm đang diễn ra nơi tâm hồn hán.

"Cuối cùng hán giải thích cho tôi việc tôi sắp phải làm. Cũng giản dị thôi. Tôi phải lấy hai xấp thư và một cuộn giấy tờ cất trong ngăn kéo thứ nhất phía tay mặt của bàn giấy mà tôi đã có chìa khóa. Hán nói thêm:

"- Tôi thấy chẳng cần phải xin anh đừng để mắt tới những giấy tờ này."

"Tôi gần như bị xúc phạm bởi lời nói ấy và tôi nói thẳng cho hán biết thế một cách hơi gay gắt. Hán ấp úng:

"- Xin lỗi anh, tôi đau khổ quá."

"Và hán bắt đầu khóc.

"Tôi từ già hẳn khoảng một giờ sau để thi hành nhiệm vụ của mình.

"Trời hôm ấy rạng rỡ, và tôi phi nước kiệu qua những cánh đồng, tai lắng nghe chim sơn ca hát véo von và tiếng thanh gươm gõ nhịp trên giấy ống.

"Rồi tôi đi vào rừng và lỏng buông tay khẩu cho ngựa đi bước nhỏ. Hoa lá cạnh vuốt ve mặt tôi; và thỉnh thoảng tôi lại lấy răng rút một phiến lá và nhai nhồm nhoàm, trong một trong những niềm vui sống tràn ngập lòng ta, người ta không hiểu tại sao, của một nỗi hạnh phúc hỗn loạn và dường như không thể nắm bắt được, một thứ men say nhựa sống, ngắt ngây sinh lực.

"Trong khi tiến tới gần lâu đài, tôi lần tìm trong túi lá thư mà tôi mang theo cho người làm vườn, và tôi ngạc nhiên thấy nó được niêm phong. Tôi lưỡng lự và bực bội tới độ chỉ suýt nữa là tôi quay phắt lại không thêm làm tròn việc ủy thác cho mình nữa. Nhưng rồi tôi lại nghĩ lại rằng làm thế là tôi sẽ biểu lộ một khí độ miễn cảm từ tiểu tâm thường quá. Và lại bạn tôi rất có thể đã dán kín phong thư mà nào hẳn có để ý gì đâu, trong trạng thái đầu óc lộn xộn như thế ấy mà.

"Trang viên có lẽ đã bị bỏ hoang từ hai mươi năm nay. Cửa mở trống tuênh trống toang, sét rỉ, thế mà không hiểu tại sao mà vẫn đứng được. Cỏ mọc đầy các lối đi; không thể phân biệt được những luống hoa và bồn cỏ nữa.

"Tiếng động mà tôi gây ra bằng cách lấy chân đạp rầm rầm vào cánh cửa bức bàn khiến một lão già từ cửa hông chạy ra và lão có vẻ kinh sợ khi trông thấy tôi. Tôi nhảy xuống đất và chìa bức thư ra. Lão đọc tới, đọc lui, lật phải, lật trái, ngó tôi từ đầu tới chân, bỏ phong thư vào túi đoạn lên tiếng:

"- Được rồi! thế Ngài muốn gì ạ?"

"Tôi trả lời một cách cộc cằn:

"- Lão tất phải biết cái đó chứ, vì lão đã nhận được lệnh của ông chủ lâu đài trong thư mà; ta muốn vào trong lâu đài này."

"Lão già dường như sửng sốt lắm. Lão kêu lên:

"- Vậy là, ngài sẽ vào... vào trong phòng của bà ấy?"

"Tôi bắt đầu mất bình tĩnh.

"- Trời đất! Lão định cật vấn ta chẳng hả?"

"Lão lắp bắp:

"- Không ạ... Thưa Ngài... nhưng vì... vì phòng đó chưa hề được mở ra từ khi... từ khi bà... mất. Xin Ngài vui lòng chờ cho năm phút, con sẽ đi... đi coi xem nếu..."

"Tôi tức giận ngắt lời lão:

"- À! này, lão có xéo đi để mặc ta không thì bảo? Lão không thể vào được, vì chìa khóa đây!"

"Lão không còn biết nói vào đâu nữa.

"- Vậy thì, thưa Ngài, con sẽ dẫn lối cho Ngài."

"- Chỉ cầu thang cho ta và để mặc ta! Ta sẽ tìm được lối không cần đến lão."

"- Nhưng... thưa Ngài... tuy vậy..."

Lần này thì tôi phát khùng lên hoàn toàn:

"- Bây giờ thì lão câm đi, được không? Bằng không lão sẽ có chuyện với ta."

"Tôi hùng hổ gạt mạnh lão ra và xăm xăm đi vào trong nhà.

"Trước hết tôi băng qua nhà bếp, kế đó hai gian phòng nhỏ mà lão già này ở cùng vợ lão. Kế đó tôi vượt qua một phòng tiền đình rộng lớn, tôi leo lên cầu thang và tôi nhận ra cái cửa mà bạn tôi đã chỉ cho tôi.

"Tôi mở cửa không khó khăn gì và bước vào.

"Căn phòng thật tối đến nỗi thoát đầu tôi không phân biệt được vật gì cả. Tôi khựng lại, thẳng thối bởi cái mùi rêu mốc và nhạt tanh của những căn phòng không có người ở và bị phế thải - những căn phòng chết. Thế rồi, dần dần, mắt tôi quen với bóng tối, và tôi nhìn thấy khá rõ nét một căn phòng rộng bệ bốn, với một cái giường không khăn trải giường, nhưng hãy còn giữ được chân gối mà một chiếc gối hãy còn mang dấu in sâu của một cái khuỷu tay hoặc một cái đầu như thể người ta vừa nằm nghỉ trên đó.

"Những chiếc ghế có vẻ nằm chổng trơ lạc chỗ. Tôi nhận thấy một cánh cửa, chắc là cửa tủ, chỉ khép hờ.

"Trước hết tôi tới bên cửa sổ định mở cho một chút dương quang lọt vào nhưng những thanh sắt của chấn song đã han rỉ đến nỗi tôi không tài nào khiến chúng nhúc nhích nổi.

"Tôi còn định chặt đứt những thanh sắt này bằng kiếm nhưng cũng chẳng ăn thua gì. Một phần cấu kình vì những cố gắng vô ích của mình cũng có, và một phần vì mất tôi cuối cùng cũng hoàn toàn quen dần với bóng tối cũng có, tôi bỏ hy vọng nhìn rõ hơn và đi tới bàn giấy.

"Tôi ngồi xuống cái ghế bành, hạ mặt bàn xuống, tôi mở các ngăn kéo đã được chỉ định. Ngăn kéo đẩy áp tới tận mép. Tôi chỉ cần có ba cái gói thôi và tôi đã biết cách nào nhận ra chúng nên tôi bắt đầu tìm kiếm.

"Trong khi đang mở to mắt để cố đọc cho ra những ghi chú trên các phong bao thì bỗng tôi có cảm tưởng là mình nghe thấy hay đúng hơn cảm thấy một cái gì chờn vờn sau lưng.

Tôi không quan tâm, cho rằng có lẽ một hơi gió lọt nào đó đã làm những tấm màn cửa lật lay. Nhưng, chỉ độ một phút sau, một cử động khác, hầu như mơ hồ, khiến da tôi hơi rợn ớn lên một cách đặc biệt khó chịu. Thật là tối, mới có thể thôi mà đã run lên, dù chỉ hơi hơi, lòng ngượng ngùng cho chính mình, đã ngăn tôi quay lại. Lúc đó tôi mới vừa tìm thấy tập giấy thứ hai mà tôi phải tìm; và đúng lúc tôi vừa tìm thấy tập thứ ba thì một tiếng thở dài nào nuốt, rõ mồn một, thổi vào vai tôi, khiến tôi nhảy bắn lên như một thằng điên cách đó hai thước. Trong khi nhảy tôi đã ngoái lại, tay đặt lên đốc kiếm, và chắc chắn, nếu tôi không cảm thấy nó bên mình, hẳn tôi đã cầm đầu chạy thục mạng như một thằng hèn.

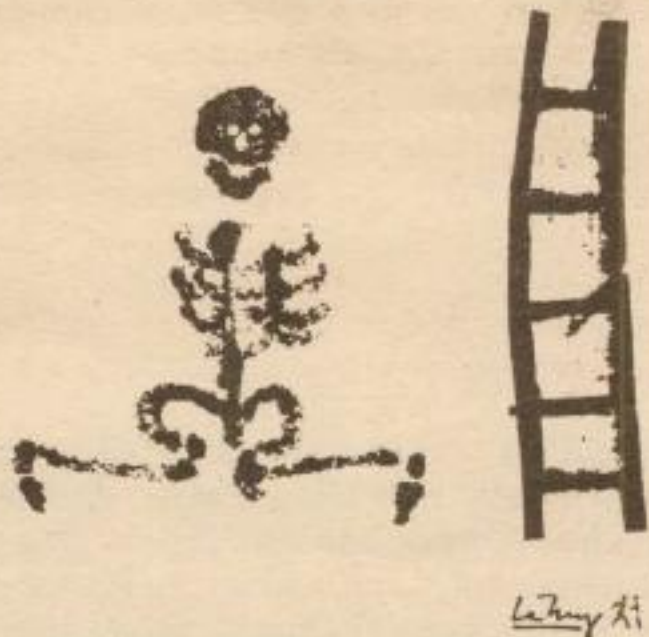
"Một thiếu phụ cao lớn mặc đồ trắng toát, đứng ngay sau lưng cái ghế bành mà mới chỉ một giây trước thôi tôi đã ngồi trong đó. Nàng lặng lẽ nhìn tôi.

"Một cơn chấn động chạy suốt qua châu thân tôi mãnh liệt đến độ tôi suýt té ngã! Ôi! không ai có thể hiểu thấu, trừ phi đã kinh qua, những nỗi kinh hoàng ghê khủng và kinh ngạc này. Tâm trí tiêu tan ra nước; người ta không còn cảm thấy trái tim mình đâu nữa; toàn thân trở thành mềm xèo như một miếng bọt biển, cả nội tạng dường như tiêu tán hết.

"Tôi không tin có ma; thế mà, hỡi ôi! tôi đã thất thần táng khí trong nỗi sợ hãi gồm guốc người chết, và tôi đã thất đảm kinh hồn, vâng, thất đảm kinh hồn trong chỉ có bấy nhiêu giây phút thôi mà hơn cả tất cả cuộc đời còn lại của tôi cộng lại, trong niềm run sợ không thể chống cưỡng được trước những kinh dị siêu nhiên.



MAI VI PHÚC THỜI ĐẠI ÁM



ánh sáng lang thang thời đại ám
màu tro ú xám cõi hừng đông
đêm viết âm u đêm nguyệt hăm
phù sinh lạng đặng bóng như sương

vườn hoang thêm ẩm niêm bia mộ
tên người qua cổ chữ rêu phong
chờ đầu tam bạch dư niên hậu
đã phụ nhau từ thuở hưởng đương

đã lạc nhau từ xanh chớm tóc
ngày khô thống nước lá vàng gieo
xác con thuyền giấy tàn như cát
cát loãng khe tay nồn một chiều

chiều nao trang sử không người chép
không nét đoái hoài kẻ trận vong
tầng lớp đàn quân tan tác rã
vùi cơn binh lửa trận cuồng phong

gió cuồng thổi loạn hồn điên đảo
tiệc máu xương gác đũa ngậm ngùi
khuất cuối chân trời chìm góc bể
người trôi tựa bèo giạt người trôi

bằng hoang như bầm tinh cầu lạ
anh bỗng thêm lâm chiếc lá xưa
lá mục mai kia về cõi rê
đời anh thi thể bốn nơi đâu

da thịt khoác thân người tôi lữ
hao gầy cho phận nhỏ ngu ngơ
tình như chiếc bách đêm sóng dữ
sóng gọi hồn em lạc bến bờ

hãy ngủ ngoan em mồ đáy biển
biển còn khi lặng lúc phong ba
hồn anh em chờ neo hình ảnh
bảo tố trong anh từng sát na

từng giọt u hoài cơn máu lệ
anh sống như người thọ tử thương
ánh rạng chớm ngày chiều đã xế
một thân phù thế mấy tang thương

năm tháng vị vong tình trái mỏng
trên muôn phù phiếm vạn thờ ơ
nấu nung phiền nhớ niêm cô tịch
bốc cháy thổi sâu nền lụn khuya

thơ viết lấy gì đâu để viết
mực nhòa trang giấy lệ nhòa mi
bút cùn nhưng nỗi người không tận
biết viết gì đây biết viết gì

người xưa trên sông chiều khói sóng
quê nhà cách trở buồn nên thơ
anh gợn nghìn sau giòng lệ mỏng
sóng lòng hiu hắt khói tiêu sơ

"Nếu nàng không nói thì có lẽ tôi đã chết cứng! Nhưng nàng đã nói; nàng nói bằng một giọng dịu dàng và đau đớn khiến thần kinh tôi run lên bần bật. Tôi không dám nói rằng tôi lại tự chủ được và tìm lại lý trí của mình. Không. Tôi đã sợ mất mặt đến cái độ mà tôi không còn biết mình đã làm gì; nhưng niềm kiêu hãnh thâm kín trong tôi, thêm một chút hãnh diện nghề nghiệp nữa, đã khiến cho tôi, dẫu sao, cũng giữ được một bề ngoài khả kính. Tôi làm bộ bình tĩnh vì tôi, và chắc vì cả nàng nữa, hẳn thế, vì nàng, dù nàng là ai, đàn bà hay ma quỷ. Nhưng tôi chỉ kết đoán điều đó là sau này kia, chứ còn lúc xảy ra sự hiện hình thì, tôi xin cam đoan với quý vị rằng, tôi không nghĩ ngợi gì cả. Tôi sợ.

"Nàng nói:

"- Ôi! Thưa Ngài, Ngài có thể giúp tôi một việc rất lớn!"

"Tôi muốn đáp, nhưng tôi không thể thốt ra được một lời. Một âm thanh ú ớ phát ra từ cổ họng tôi.

"Nàng lại tiếp:

"- Có được không ạ? Ngài có thể cứu tôi, chữa cho tôi. Tôi đau đớn dữ dội. Tôi đau quá, ôi, tôi đau quá!"

"Và nàng khẽ ngồi xuống cái ghế bành của tôi. Nàng chăm chăm nhìn tôi.

"- Có được không ạ?"

"Tôi gật đầu "Được!" trong khi tiếng nói của tôi hãy còn bị tê liệt.

"Thế rồi nàng chìa ra cho tôi một chiếc lược bằng đồi mồi và khẽ nói:

"- Chải đầu cho tôi, ồ, chải đầu cho tôi; cái đó sẽ làm tôi khỏi, người ta phải chải đầu cho tôi. Ngài nhìn đầu tôi này... Tôi đau đớn xiết bao; tóc tôi làm tôi đau xiết bao!"

"Mái tóc nàng xõ ra, rất dài, rất đen, dường như phủ qua lưng ghế và chấm đất.

"Tại sao tôi lại làm việc đó? Tại sao tôi lại vừa nhận cái lược vừa run như thế, và tại sao tôi lại cầm lấy mớ tóc dài của nàng, mớ tóc mang lại cho tôi một cảm giác lạnh buốt tựa

như tôi cầm những con rắn? Tôi không hiểu gì cả.

"Cảm giác đó vương vấn mãi trong mấy ngón tay và tôi vẫn còn run mỗi khi nghĩ tới.

"Tôi chải đầu cho nàng. Tôi mẩn mê, tôi không biết cách nào, mớ tóc giá băng đó. Tôi vận, tôi quẩn rồi lại cời; tôi tết tóc như người ta tết bờm ngựa vậy. Nàng thở dài, cúi đầu, có vẻ sung sướng.

"Thốt nhiên nàng vừa nói: "Cám ơn!", vừa giật cái lược trong tay tôi và chạy biến mất qua cái cửa mà tôi đã nhận thấy chỉ khép hờ lúc trước.

"Còn lại một mình, trong vài giây, tôi đã có cái cảm giác bối rối hãi hùng của một người tỉnh dậy sau một cơn ác mộng. Rồi cuối cùng tôi lấy lại được sự sáng suốt; tôi chạy ra cửa sổ và tôi điên tiết đẩy tung những cái chấn song ra.

"Một luồng ánh sáng ban ngày ủa vào. Tôi lao tới cái cửa mà qua đó kẻ kia đã đi ra. Tôi thấy cánh cửa đóng chặt cứng, không lay chuyển nổi.

"Thế rồi cuồng vọng chạy trốn trùm phủ lấy tôi, một nỗi hoảng hốt, một nỗi hoảng hốt đích thực trước đầu mũi tên hòn đạn chốn trận tiền. Tôi vồ lấy ba cái gói đựng thư từ trên bàn viết mở ngo; tôi chạy vụt qua căn phòng, nhảy xuống cầu thang bốn bậc một, và không biết bằng cách nào, tôi thấy mình đã ở ngoài sân, rồi, nhác thấy con ngựa của tôi đang đứng cách đó khoảng mười bước, tôi nhảy thót lên yên và rập mình phi nước đại.

"Tôi chỉ dừng lại khi đã về tới Rouen, trước lối quán của tôi. Sau khi ném giấy cương cho tên lính hầu, tôi lĩnh vào phòng, khép kín để suy nghĩ.

"Đoạn, trong khoảng một tiếng đồng hồ, tôi lo âu tự hỏi không biết có phải mình là nạn nhân của một ảo giác hay không. Chắc chắn tôi đã có một trong những sự lung lay thần kinh khó hiểu, một trong những sự điên loạn của óc não chuyên sản sinh ra phép lạ, cái mà

Siêu Nhiên vay mượn sức thần.

"Và khi tôi sắp sửa tin rằng tất cả những cái mà tôi đã nhìn thấy chẳng qua chỉ là một ảo ảnh, một sự nhầm lẫn của các giác quan mình thì tôi đi tới gần cửa sổ. Mất tôi, tình cờ, hạ xuống ngực. Quấn xung quanh những chiếc nút đồng của cái áo chèn vô quan của tôi là những sợi tóc đàn bà dài đen nhánh!

"Tôi gỡ dần từng sợi một và ném ra ngoài bằng những ngón tay run.

"Kế đó tôi gọi tên lính hầu. Tôi cảm thấy quá xúc động, quá bối rối, không thể tới chỗ bạn tôi ngay ngày hôm ấy được. Và lại tôi muốn suy nghĩ thật chín chắn về những điều mà tôi sắp phải nói với hắn.

"Tôi sai lính mang giấy má, thư từ của hắn lại cho hắn và hắn trao cho người lính một tờ biên nhận. Hắn hỏi thăm về tôi rất nhiều. Người ta cho hắn biết rằng tôi đau, rằng tôi trứng nắng, tôi cũng chẳng hiểu tại sao. Hắn tỏ ra lo âu.

"Tôi tới chỗ hắn ngày hôm sau, từ lúc sáng sớm, quả quyết sẽ nói với hắn sự thật. Hắn đã đi khỏi từ chiều hôm trước và chưa về. Trong ngày hôm đó tôi trở lại, người ta vẫn chưa thấy hắn đâu. Tôi chờ một tuần lễ. Hắn vẫn chưa tái xuất hiện. Thế là tôi báo nhà chức trách. Người ta sục sạo tìm hắn khắp nơi mà không thấy một dấu vết nào cho thấy con đường hắn đi hay chỗ quy ẩn.

"Một cuộc thăm dò tỉ mỉ được diễn ra tại tòa lâu đài hoang phế. Người ta không khám phá thấy cái gì đáng khả nghi cả.

"Không có một dấu hiệu nào chứng tỏ có một người đàn bà được giấu tại đây.

"Cuộc điều tra không dẫn tới đâu cả, những cuộc tìm kiếm bỗng bị bỏ dở.

"Và, năm mươi sáu năm qua, tôi không được biết gì thêm. Tôi không hiểu gì thêm."

(4 tháng Tư, 1883)

Apparition (Contes fantastique complets),
Éd. Maribout, Paris, 1988

NOBEL: XUNG ĐỘT TẠI HÀN LÂM VIỆN

Mùa Thu là mùa Nobel tại thủ đô Stockholm của Thụy Điển, nơi vào mỗi chiều thứ năm trong tháng chín, một nhóm người vừa đàn ông đàn bà gặp nhau trong một đại sảnh kiến trúc tỉ mỉ kiểu thế kỷ thứ XVIII để thảo luận xem ai sẽ là người được trao tặng giải Văn chương cao quý nhất của thế giới.

Không ai bàn về trị giá của giải thưởng, năm nay lên tới 1.1 triệu mỹ kim. Thông thường trong danh sách chung kết 5 người, tên 4 người bị loại được giữ kín trong 50 năm. Còn về những điều thảo luận, nhiều khi sôi nổi gay gắt với ngôn ngữ chớ buồn ngứa, những người tham dự đã có lời thể sẽ chỉ mang xuống mồ. Hãy bỏ chuyện tác phẩm nào ăn khách nhất cho các ông bá tước xuất bản ở Luân Đôn hay Nữ Ước. Hãy bỏ chuyện cuốn sách nào sẽ trở thành phim hốt bạc cho Hollywood; việc của các thành viên Viện Hàn Lâm Văn Chương Thụy Điển là quyết định tác phẩm nào là tác phẩm vĩ đại nhất trong Văn Chương Thế Giới.

Nhưng đột nhiên một trái bom nổ vào giữa truyền thống ấy mà người ném lại là một khuôn mặt lớn của Thụy Điển, một thành viên Hàn Lâm Viện: ông Knut Ahnlund. Ông tuyên bố không tham dự những phiên họp chiều thứ năm nữa, và chỉ đích danh vị Thư ký Thường trực Sture Allen là "kẻ độc đoán". Ông cho biết thêm ông chỉ trở lại khi Sture Allen ra đi.

Cuộc xung đột làm xúc động Thụy Điển, nhất là khi Knut Allen vẫn được coi là nhà phê bình am tường nhất. Không những thông thạo văn chương các nước dùng Pháp ngữ, Tây ban Nha và Anh ngữ, ông còn đọc tiếng Ba Lan, tiếng Nga và phục vụ 26 năm qua trong Hàn Lâm Viện. Sự ra đi của ông càng thêm ý nghĩa bởi vì vài năm trước cũng đã có 3 nhân vật danh vọng ra đi trong số 18 viện sĩ Viện Hàn Lâm. Đó là nhà văn nhà phê bình và giáo sư khoa cơ cấu phân tích Lars Gyllensten; nhà văn của tội ác Kerstin Ekman năm 1989 đã từ chức để phản đối Viện đã từ chối ủng hộ nhà văn Anh quốc Salman Rushdie lúc đó phải sống ẩn lánh vì lệnh tử hình của Ba Tư. Người thứ ba nhân dịp này từ chức là nhà văn Werner Aspenstroem, nhưng ông nói không từ chức vì vụ Rushdie mà vì không muốn ở trong Ủy Ban nữa.

Các cuộc từ chức này đã ném Viện Hàn Lâm vào ánh sáng: Viện sĩ như các nhà tu,

thật ra không được bỏ tu viện, và theo cách giải thích cấu trúc chặt chẽ của tổ chức, Viện không nhìn nhận sự từ chức. Do đó, người ta cũng không thể thay thế những người không đi họp. Cho nên chỉ còn 14 người trong Viện-Ủy Ban Văn Chương- và điều lệ đòi hỏi mọi quyết định phải có ít ra 12 phiếu túc số. Ngoài một vị năm nay 91 tuổi cho biết ông không còn gì để cống hiến, các vị còn lại trung bình đã 70 tuổi. Tờ Expressen của Thụy Điển cảnh cáo: Giải Nobel Bị Đe Dọa. Bài tham luận của báo này kêu gọi một cái nhìn độc lập để sửa đổi điều lệ hầu diễn vào 4 ghế trống, cũng như giải quyết cuộc tranh chấp quyền lực bên trong.



Winston Churchill

Sture Allen, người ở giữa trận bão này, là một nhà ngôn ngữ học. Ông nói rằng những rắc rối xảy ra không phải do vụ Rushdie hay gì khác, mà ở việc rạn nứt giữa các thành phần của Viện: các nhà phê bình văn học, các sử gia, các luật sư, các nhà ngôn ngữ học. Ông cho biết rằng khi một Viện sĩ từ trần, những người còn lại sẽ họp tìm người diễn khuyết, và thường thì tìm những người ở lãnh vực chuyên môn còn thiếu. Nếu thiếu một sử gia thì diễn vào bằng một sử gia, cứ như vậy. Thành viên được chọn chỉ trở thành thực thụ nếu được vua Thụy Điển chấp thuận.

Allen nổi tiếng ở Thụy Điển không phải vì ngành ngôn ngữ của ông, mà vì là người tiên phong đã đem khoa học vi tính vào lãnh vực nghiên cứu ngôn ngữ.

Khi một phóng viên Mỹ phỏng vấn ông về vụ Ahnlund từ chức, thái độ lạnh lẽo của ông

cho người ta cái cảm tưởng có kẻ đã lợi dụng đến gần được Đức Giáo Hoàng, vận động ngài cho phép các linh mục lấy vợ. Ông lấy một miếng giấy, viết xuống câu trả lời như sau: "Giải Nobel Văn Chương không hề có gì gọi là gặp nguy hiểm. Tin đồn đến là do những tin tức loan truyền vô căn cứ. Việc làm của Hàn Lâm Viện rất dân chủ, như thường lệ." Ông đẩy miếng giấy qua mặt bàn với vẻ đã xong chuyện. Ông nói: "CÓ một quan niệm về nhân cách. Và đôi khi, có một giới hạn đã được đẩy tới tận cùng".

Alfred Nobel là một thi sĩ, nhưng cũng là người sáng chế ra chất nổ. Ông muốn dùng tài sản vĩ đại của mình để hàng năm dương danh một tác giả có tác phẩm nổi bật nhất nói đến những điều lý tưởng. Giải này theo ý ông, nên để cho Viện Hàn Lâm Thụy Điển tuyển chọn. Viện này do Vua Gustav III lập nên với một chủ trương là bảo tồn và phát triển ngôn ngữ Thụy Điển, một việc làm tương tự như Hàn Lâm Viện Pháp đối với ngôn ngữ Pháp. Giải đầu tiên được trao năm 1901, lúc đó ông Carl David Wirsén là Thư ký Thường trực. Và ngay từ giải đầu tiên này, Nobel Văn Chương đã sút mẻ: Ban tuyển chọn đã loại bỏ Leo Tolstoy, tác giả Chiến Tranh và Hòa Bình, để trao cho thi sĩ Pháp Rene Sully-Prudhomme. Bốn mươi hai nhà văn Thụy Điển đã nổi giận, ra tuyên ngôn không muốn dính dáng gì đến giải Nobel, và mặt khác, dương danh nhà văn Nga bị loại.

Những chuyện như trên còn tiếp tục xảy ra nữa. Nhà văn Phần Lan Frans Eemil Sillanpää là một người ít ai biết, tại sao được trao giải Nobel Văn Chương 1939? Phải chăng vì năm đó nhà văn Phần Lan này, như các đồng hương của ông, đã kịch liệt phản đối đề nghị của Nga là vẽ lại biên giới hai nước Nga, Phần Lan? Năm 1923, có phải thi sĩ Ái Nhĩ Lan William Butler Yeats đoạt giải vì nước ông đã chấp nhận sự phân chia ranh giới với Anh quốc? Năm 1953, vì lý do gì một ông không phải là nhà văn lại đoạt Giải Văn Chương Nobel, dù ông đó là Winston Churchill? Và có phải vì sự chiến thắng của ông mà làm hại cơ hội của một nhà văn-chính trị gia tầm tiếng khác là André Malraux?

Nếu phong trào nổi dậy ở xưởng đóng tàu Gdansk năm 1980 không xảy ra, liệu người ta có trao Giải Nobel cho nhà văn Ba Lan



Wislawa Szymborska

Czeslaw Milosz hay chăng? Một người luôn luôn được dự đoán sẽ đoạt giải Nobel là nhà văn Nam Mỹ Jorge Luis Borges mà bị đẩy lui hoài phải chăng vì ông không kịch liệt lên án nhà độc tài Chí Lợi Augusto Pinochet?

Cuộc xung đột hiện nay thật sự bắt đầu từ bao giờ? Người có câu trả lời là cựu Thư ký Thường trực Lars Gyllensten, một trong 4 người đã từ chức. Ông nói sự rạn vỡ xảy ra giữa các viện sĩ Hàn Lâm khi Viện trao giải cho kịch tác gia Wole Soyinka, một người xứ Nigeria. Nhiều người không đồng ý bài diễn văn trao giải là diễn văn chính thức của Viện - song ông Sture Allen không màng sửa lại. Năm sau, sự việc lại xảy ra tương tự, nhiều người đề nghị để cho ai khác đọc bài diễn văn trao giải cho thi sĩ Nga Joseph Brodsky, Sture Allen đã phản ứng như một thuyền trưởng trước một cuộc nổi loạn của thủy thủ đoàn. Cuối cùng thì người đọc vẫn là ông ta, mặc dù theo Gyllensten và cả Knut Ahnlund, viện sĩ Thư ký thường trực thiếu am tường trên lãnh vực văn chương!

Có thể không chỉ một mình ông ta trong Hàn Lâm Viện Thụy Điển thiếu am tường về lãnh vực Văn Chương. Một quốc gia như Trung Hoa, với nền thi ca, và văn học, với hàng ngàn năm lịch sử, chưa bao giờ đoạt giải Nobel Văn Chương, từ Lâm Ngữ Đường xưa kia tới Bắc Đảo hiện nay, mặc dù không phải là không có đề cử, thậm chí đã nhiều lần vào danh sách chung kết (năm người chết). Qua nhiều lần, quyết định văn chương của Stockholm đã bị chính trị những lạm.

LÊ TRỌNG PHƯƠNG NOBEL, CHO THƠ

Wislawa Szymborska

CHỖN KHÔNG TƯỜNG

Hòn đảo, nơi tất cả đều minh bạch.

Đất của mình chứng là nơi đây.

Không một lối nào khác ngoài lối vào.

Những bụi cây đây trêu trả lời.

Ở đây có cây tên gọi Dự Đoán Đúng
vươn ra những cành mãi mãi không vướng nhau.

Có cây Tri Thức đơn sơ và rực rỡ
bên ngọn nguồn tên gọi Ầ - Thế - Ầ.

Càng sâu vào rừng, càng rộng
Thung Lũng Thực.

Nếu lộ Hoài Nghi, gió sẽ cuốn đi ngay.

Tiếng Vang tự mình lên tiếng
giải thích mọi bí ẩn của thế gian.

Bên phải là hang động chứa Ý Nghĩa.

Bên trái là hồ của Lòng Tin Thâm Sâu
Sự Thật thoát đi từ đáy hồ, trời lên mặt nước.

Khắp thung lũng, sự Xác Thực mang mang trời đây
Từ đỉnh cao này Bản Thể Vạn Vật trùng trùng.

Dấu cảm dỗ khắp nơi, hòn đảo vẫn vắng người,
và những dấu chân li ti trên bờ cát
đều hướng về và mất hút vào biển khơi.

Như thể chỉ có đi và đi khỏi nơi đây
Chỉ có lặn mất vào nghìn trùng sâu thẳm, không trở lại.

Vào cõi đời vào nơi không thể tưởng.

Dolina Czystości.

Im dalej w las, tymi szerszej się otwiera

przy źródle, co się zwie Ach Wiele To Tak.

Chłaniając proste drzewo Zrozumienia

o rozwiklanych odwiecznie gałęziach.

Kosmic tu drzewo Szusznego Domyślu.

Krzaki aż uginają się od odpowiedzi.

Nie ma dróg innych oprócz drogi doświadczenia.

Tu można stanąć na gruncie dowodów.

Wyspa, na której wszystko się wyjaśnia.

UTOPIA

WISLAWA SZYMBORSKA

Utopia

Sau Joseph Brodsky, nhà thơ của tâm thức lưu vong, năm 1987; Derek Walcott, nhà thơ của tâm thức hoàn cầu, xóa bỏ mọi biên giới văn hóa, năm 1992; và Seamus Heaney, nhà thơ trí thức gắn bó với quê hương và chữ nghĩa, năm ngoái; giải Nobel văn chương năm nay được trao cho nhà thơ nữ Ba Lan Wislawa Szymborska, nhà thơ của ý thức từ tâm hiện đại. Bà chia sẻ với ba nhà thơ trên sự uyên bác cả về trí thức lẫn tình cảm, cái mẫu số chung cho thế giới thơ của họ.

Sinh năm 1923 tại Bnin, gần thành phố Posen, Wislawa Szymborska từ lâu đã được xem là nhà thơ sáng giá nhất của thế hệ nối tiếp thế hệ hậu chiến trong văn hóa Ba Lan. Bà sống gần như ở ẩn tại thành phố Krakau, có tiếng là thủ đô văn hóa của Ba Lan, từ năm 1931. Từ 1953 đến 1981, bà là biên tập viên của tờ *Zycie Literackie* (Đời sống văn học). Bài thơ đầu tiên của bà được đăng báo khi chiến tranh chưa dứt, tháng ba 1945, với tựa đề "Tôi tìm kiếm ngôn từ". Phong cách rất phê phán (đối với cả chính mình) của bà đã bắt đầu từ dạo đó. Khi nghe tin được giải Nobel, nhà thơ chỉ bảo: "Tôi vui sướng lắm, nhưng cũng có phần hoảng hốt. Không, tôi không ăn mừng ngay bây giờ đâu. Tối nay tôi chỉ đi ngủ thôi." Bà muốn quyên tặng số tiền đồ sộ của giải thưởng cho những công tác xã hội. Tác phẩm của bà gồm cả thấy 800 trang thơ, trong 16 cuốn sách. Những giải văn học quan trọng ở châu Âu đã được trao cho bà như giải Herder (Áo, 1995) và giải Goethe (Đức, 1991) là những công nhận rất trân trọng và xứng đáng cho thi nghiệp của Wislawa Szymborska.

Trong nền thi ca hiện đại của Ba Lan khó mà trực tiếp so sánh bà với những nhà thơ cùng thế hệ như Czeslaw Milosz (giải Nobel 1980), Zbigniew Seifert, Tadeusz Rózewicz và vv... Điểm nổi bật trong thơ của Wislawa Szymborska là hiện tượng không - thể - lập - lại ở một nơi khác, do bà không dùng đến công thức, mẫu mực có sẵn, và những tập quán của ngôn ngữ văn bị xào đi nấu lại thì rất hiếm. Thơ của bà là những bức họa giây phút cảm qua, với màu sắc của thi tính, và những cảm giác đã thành thơ đó lại được bà khoác vào bộ áo châm biếm bằng một ngôn ngữ chuyện trò. Thơ Wislawa Szymborska có thể được ví như những mẫu chuyện ngắn, êm đềm mà sâu sắc. Những suy ngẫm vừa thâm trầm, vừa rần rở về các sự kiện của đời sống thường đến với người đọc như sử liệu về loài người: kết hợp những công trình gần như khảo cổ, sinh vật học, vũ trụ học... của nhà thơ, cho đến những nhận định về đời sống hiện tại. Bà cung

ứng cho người đọc một góc độ thưởng thức các nghệ thuật nhạc, họa, phim... khác với cái nhìn ta vẫn quen thấy ở các nhà phê bình, nhà chuyên môn. Khích động sự hoài nghi nhưng vẫn để người đọc còn nguyên vẹn niềm vui khám phá cái đẹp, cái đáng sống của cuộc đời. Đây là sở trường của Wislawa Szymborska.



Wislawa Szymborska

JOANNA HELANDER

Goethe thường nói tới ý của ông về thơ hay (trong một câu chuyện trao đổi với ông bạn tâm tình Ackermann): "Tôi ưa thích nhất những bài thơ truyền đạt được cả quan điểm lẫn cảm xúc". Và ở một chỗ khác, ông cũng đưa ra nhận xét về mặt trái của quan niệm này: "Sự thiếu thốn tư cách của những người làm việc nghiên cứu và viết văn là cái nguồn sinh ra những cái tệ hại trong nền văn học mới nhất của ta." Đọc thơ Wislawa Szymborska, người ta có thể nghiệm thấy được nguyên tắc này của Goethe, như Karl Dedecius, chuyên gia về văn học Ba Lan và đã có công dịch thơ bà sang tiếng Đức, nhận xét: "Khi là quan điểm, thơ của bà trung thực, được nâng niu bằng một cảm xúc không hề có tính vô can hoặc giả vờ, và cả quan điểm lẫn cảm xúc đều được vun đắp bằng một tư cách rất mực chính trực." Một nhà phê bình khác thì lại thấy: "...[đọc thơ bà...], người ta nhận ra ngay cái *esprit polonais* thuộc nữ tính". Với Joseph Brodsky, thi ca là một ngôn ngữ toàn cầu, song đứng ở một vị trí cao nhất, thơ của ông - bên cạnh những áng văn được liệt vào hạng tuyệt tác - cho thấy đây là một bậc thầy về dạng thức theo quan niệm cổ điển, một nhà ảo thuật của ẩn dụ bất chấp qui củ và một tấm gương về nhân cách cương trực bộc lộ trong thi tài.

Qua bộ trường ca *Omeros*, viết bằng thể thơ cổ điển Terzine của Dante, Boccaccio và Petrarca, Derek Walcott, nhà thơ da đen xứ Carabean với kiến thức thâm thúy này rõ ràng là một hậu thân của Dante. Từ những chuỗi tỷ giáo ở Homer và kỹ thuật dùng từ dẫn ý của Sophokles cho đến ký ức mùi vị của Proust, các tầng lớp ý thức ở Joyce, ông đan thành một bức họa của "địa ngục trong thiên đàng" (hell in paradise) tức cái địa đàng trong trí-tưởng con người. Mà thật ra, ông muốn nhắn nhủ rằng: "hãy quên thần thánh đi..." để biết là còn có thể tin vào tình yêu. Còn Seamus Heaney? Ông theo đuổi việc "khôi phục của thi ca" (The redress of poetry). Thi ca cũng phải, cũng nên đảm nhận việc khôi phục lại cõi thực và tạo nên một cõi thực đối lại. Và việc làm của nhà thơ là tiến tới cõi đối lại này ở ngay đối tượng, dù mỏng manh tới đâu, của thi cảm, ở cái "heart of ordinary". Khôi phục cũng có nghĩa là tạo dựng lại tư thế đích thực cho ai hoặc cho cái gì. Bởi thế, Seamus Heaney sống thi ca như là một công cụ của phạm trù xã hội chứ không chỉ là một việc riêng tư. Với cái tâm thức vong thân (tâm hồn Ái Nhĩ Lan sự nghiệp ở Anh), ông đào bới ra những gì ẩn đằng sau, chôn ở dưới, để nhắc nhở: hình ảnh thực của con người ở trong thơ chỉ có được khi lúc nào nhà thơ cũng giữ lấy trong tầm mắt mình con người cụ thể trong khốn khó và trầm luân. Wislawa Szymborska làm việc thi ca bằng mọi phương tiện của đầu óc và con tim. Cõi thơ của bà là một tấm gương soi trung thực về đời sống của con người hiện đại. Bà là một mẫu mực cho tâm trạng của một nhà trí thức dùng khí giới sắc bén nhất là tài châm biếm của bà để không rơi vào bi quan. Bà ghi nhận với từ tâm những thiếu sót, những sự bất nhẫn của tha nhân, của cả chính mình: cái yếu ớt cũng là một tính chất rất người. Song, thay vì than thở hay tuyệt vọng, tốt nhất vẫn là đối đầu với đời bằng phong cách phê phán và tự phê phán, châm biếm để nuôi dưỡng khả năng chống chọi.

Dường như trong đời sống hiện nay, thời của truyền thông, của vận tốc, chỉ còn những hệ lụy, những giằng mắc mới được để ý tới và ghi chép lại - nhan nhản trong sách, trong phim, mua vui... Giải văn chương được trao cho ai, không là vấn đề chính. Nhưng tố sự trọng vọng đối với thế giới thơ của những Brodsky, Walcott, Heaney và Szymborska... chắc hẳn nói lên một điều: người phương tây nội chung, giới văn học nói riêng, đang nhận ra rằng những bí ẩn đúng nghĩa nhất, còn đem lại lòng tin nào đó, chất chứa cảm xúc chân thật nào đó, có lẽ chỉ còn tìm được trong thi ca thôi...!

TRIẾT LÝ THỰC DỤNG

NGUYÊN LÝ TẾ

Gửi các bạn Sinh viên Việt Nam tại Hoa kỳ

Bên lề Đại hội 8 của đảng cộng sản Việt Nam, hồi tháng 6 vừa qua tại Hà nội, Võ Nguyên Giáp, trong một cuộc phỏng vấn dành cho một hãng thông tấn Tây phương, có nói một câu mang ẩn ý tinh khôn: "Chúng tôi là những người cộng sản nhưng đồng thời còn là những con người thực dụng."

Người cộng sản, nói chung, có theo triết lý thực dụng hay không? Ta nên hiểu lời xác nhận của Võ tiên sinh như thế nào?

Cũng mới đây thôi, nhật báo The Register của quận Cam có đưa tin sơ lược về tác phẩm của bà Mary Pipher viết về văn hóa Mỹ (The Shelter of Each Other) trong đó có những câu: "Our most organized religion is capitalism.... The society kills the family... Parents are trying harder but the culture works against them." (Nền tôn giáo tổ chức quy củ nhất của chúng ta là tư bản giáo.... Xã hội giết chết gia đình.... Cha mẹ cố gắng cùng mình nhưng nền văn hóa lại tác động chống lại họ).

Tại sao triết lý thực dụng, đã đưa Hoa kỳ lên đài vinh quang của một siêu cường quốc, lại bị nhiều người Mỹ ngày nay, học giả cũng như chính trị gia, lên án nặng nề đến thế?

Để trả lời những câu hỏi trên cũng như để giải tỏa những thắc mắc mà các bạn sinh viên quận Cam từng nêu ra với tôi, trước hết, xin tìm hiểu triết lý thực dụng trong tinh lý sâu xa của nó.

Thực dụng thuyết (pragmatism) là cả một nền triết lý tổng quát ứng dụng trong rất nhiều phương diện của cuộc sống. Tư trào sinh sau để muộn này được viên mãn tại Hoa kỳ hồi cuối thế kỷ 19 - đầu thế kỷ 20, từ ban đầu đến nay đã được thi triển rộng rãi ở đó và gặt hái được rất nhiều thành công khiến người ta có thể gọi Hoa kỳ là "quê hương" của chủ nghĩa thực dụng.

Trong các lý thuyết gia cột trụ, người ta kể: J. Dewey, W. James, Ch. Peirce, G. Mead. Các phân tích và bình luận gia đến sau là J.L. Childs, E.E. Bayles.

Về bối cảnh văn hóa, xã hội và chính trị, triết lý thực dụng ra đời vào lúc mà, từ Âu qua Mỹ, người ta chứng kiến sự tiến hóa vượt bậc của các ngành khoa học về thiên nhiên nhờ vào phương pháp thực nghiệm (méthode expérimentale). Sự thành công rực rỡ của các ngành khoa học thực nghiệm đó đã giáng một đòn nặng nề vào các ngành khoa học nhân

văn truyền thống. Đầu đầu, người ta cũng hồ hào chống đế quốc thực dân, đòi hỏi độc lập, tự do, dân chủ, ước mong chinh phục môi sinh và kiến quốc theo gương của Hoa kỳ.

Về nội dung, triết lý thực dụng chấp nhận quan điểm của ba lý thuyết đặc biệt của thời đại từ ba lãnh vực kiến thức đưa tới là:

- Thuyết tiến hóa (évolutionisme) của Darwin trong khoa Sinh vật học theo đó các giống giống sinh vật luôn luôn tiến hóa không ngừng theo môi trường sinh sống và theo luật đào thải tự nhiên (loi de la sélection naturelle).

- Thuyết tương đối (relativisme) của Einstein trong các khoa Vật lý và Toán học cất nghĩa vũ trụ bằng ý niệm về năng lượng và vận tốc của ánh sáng.

- Quan điểm thực dụng (point de vue pragmatique) của Bergson trong khoa Tâm lý học theo đó các chức năng tâm lý, cách cấu tạo các cơ quan, bộ phận trong cơ thể đều nhằm vào mục đích thực tiễn của cuộc sống.

Từ đó, triết lý thực dụng đưa ra một vũ trụ quan và nhân sinh quan giản lược và phối hợp mà những nét chính là:

- Thế giới là thế giới hình tượng (configuration, représentation).

- Bản chất của con người là sử dụng những chức năng tâm lý của mình để hình tượng hóa vũ trụ và xã hội.

- Chân lý là điều con người phát biểu lên nhưng cần phải được thử thách trong môi trường sinh sống.

- Việc học là việc trau dồi các khả năng khéo léo của mình và quảng bá những kỹ năng đó cho chung quanh bằng cách sử dụng chúng.

Như vậy, triết lý thực dụng chỉ chấp nhận có một cái "tri" - le savoir: Biết là biết làm, biết cách sử dụng - savoir faire, savoir s'en servir. Người ta nối kết tư tưởng với hành động để nhận định rằng một tư tưởng chỉ có ý nghĩa hay giá trị nếu nó là tinh lý của một chương trình hành động. Những tư tưởng đó, nói theo ngôn từ phổ thông là "những tư tưởng có chất lượng" (consistency).

Ứng dụng vào trong cuộc đời, phối hợp suy tư với hành động, triết lý thực dụng đưa ra hai nguyên tắc hành sử căn bản coi như là hai định đề (postulats) nếu không muốn nói là giáo điều (dogmes):

1 Một tư tưởng khoa học trong

2 một nếp sinh hoạt dân chủ

Nối kết con người lại với nhau, triết lý thực dụng đề ra mục đích thiết thực cho sinh hoạt tập thể: mọi người phải dồn nỗ lực thường xuyên vào việc giải quyết những vấn đề cấp bách của xã hội, những mối quan tâm của đa số trong cộng đồng. Đó cũng là nền đạo đức phổ thông trong quốc dân và là mục đích của nền giáo dục thực dụng. Như vậy, triết lý thực dụng quả là mang một sắc thái "xã hội chủ nghĩa" ôn hòa, chừng mực và khôn ngoan.

Đi sâu hơn vào nguyên tắc sinh hoạt dân chủ, tôi thấy ta cần phải nêu thêm một nguyên tắc thứ ba trong triết lý thực dụng Mỹ quốc. Đó là nguyên tắc tự do - libéralisme - một hệ luận tất yếu của nguyên tắc dân chủ. Thật thế, nói tới dân chủ là nói tới tự do, bởi lẽ, nếu không có tự do, người dân làm sao nói lên được những điều sở nguyện và tham gia vào các công việc chung của quốc gia? Tự do vốn là điều mà con người đã phải tranh thủ bằng máu bằng xương từ những thời xa xưa của lịch sử. Tự do đã là mục phiêu minh thị tuyên nhận trong các bản tuyên ngôn của hơn một quốc gia vào thời đại mới: "Tất cả mọi người sinh ra là tự do và bình đẳng về mọi quyền lợi - Tous les hommes naissent libres et égaux en droits" (Mỹ-Pháp-Liên hiệp quốc).

Đặc biệt, trong lịch sử ngắn ngủi của mình, Hiệp chúng Hoa kỳ đã phải trả giá cho những lý tưởng trên bằng hai cuộc chiến tranh khốc liệt, chiến tranh giành độc lập từ đế quốc Anh, chiến tranh nội bộ để giải phóng dân tộc da màu. Và thực tế xã hội Mỹ ngày nay cho thấy một xã hội tự do và cởi mở ở một mức cao. Do đó, nếu như người ta quen nói "Anh quốc là quê hương của dân chủ" thì người ta cũng quen gọi "Mỹ là quê hương của tự do."

"Khoa học - Dân chủ - Tự do" chính là ba điều tóm tắt triết lý thực dụng vậy!

Ta vừa kiểm điểm tổng quát những yếu tố căn bản của triết lý thực dụng ngõ hầu tìm câu trả lời cho những câu hỏi, giải quyết những thắc mắc nêu ra từ lúc đầu.

1. Trước hết là vấn đề triết lý thực dụng đối với những người cộng sản. Một điều hiển nhiên, ai cũng hay biết: Triết lý cơ bản độc tôn, mà người cộng sản nêu lên hàng "triết

học" quán thông, bao trùm là triết lý Marx-Engels. Đối với họ, đó là chuyện bất di bất dịch; chuyện đấu tranh của họ là "chiến đấu không ngừng, đấu tranh không khoan nhượng," nếu phải là lùi một bước là để tiến lên hai bước. Như vậy, triết lý thực dụng đối với họ chỉ là một thái độ làm việc, một thứ tinh thần "business" của tư bản chuyển sang tay họ, một chiến thuật đấu tranh, tóm lại, một phương tiện dùng đến khi cần để phục vụ một cứu cánh định sẵn. Sỡ dĩ người cộng sản hôm nay nói tới "con người thực dụng" ở nơi họ cũng chỉ là do tình thế: cần hòa hoãn để tránh một hiểm họa, để mưu cầu một đồng minh ad hoc... Bởi chủ trương trước cũng như sau của họ là "Tất cả mọi phương tiện đều tốt" trong một nền đạo đức xã hội chủ nghĩa "Cứu cánh biện minh cho phương tiện".

Tuy nhiên, trên phương diện lý thuyết, ta cũng có thể tìm được một vài điểm kéo người cộng sản lại gần với triết lý thực dụng: đầu óc thực tế, lòng ham giá trị vật chất và thái độ tôn sùng khoa học. Xưa kia Marx chỉ biết tới nền khoa học thiên nhiên của thế kỷ 19. Ngày nay, khoa học đã bỏ quá xa nền khoa học đó, cho nên thất thế về đường khoa học phục vụ chiến tranh và khoa học phục vụ nhân sinh, cách đây không lâu, cộng sản đã phải nêu ra cái mà họ gọi là "cách mạng văn hóa" trong đó "cách mạng khoa học và kỹ thuật là căn bản."

2. Chuyển qua những lời công kích triết lý thực dụng của một số các thức giả và chính trị gia Mỹ quốc hiện thời. Căn cứ vào thực trạng của xã hội ngày nay, các vị đó không phải là không có lý. Ta hãy xét lại ba "giáo lý" cơ bản của triết lý thực dụng đã trình bày ở trên kia: tư tưởng khoa học, sinh hoạt dân chủ và quy chế tự do.

Trên bình diện tổng quát mang nguyên tắc tính, không ai có thể phủ nhận giá trị tốt lành của các mục phiêu theo đuổi nói trên, trừ những ai quá bi quan đã mất hết niềm tin vào nhân loại. Lịch sử cho thấy đã mấy ngàn năm rồi con người ở khắp nơi đã tranh đấu một mất một còn cho lý tưởng tự do dân chủ và cho một nền kiến thức xác thực, vững vàng về mọi điều trong vũ trụ, nhân sinh. Và tương lai còn hứa hẹn cho con người những gian lao và mất mát khác cho chính những mục phiêu đó.

Như vậy, những sở đoản, những tranh luận, những ngờ vực về triết lý thực dụng cốt yếu nằm trong vấn đề phương cách thực hiện, đường lối sử dụng và giới hạn cần có. Ta lần lượt biện luận về ba nguyên tắc của triết lý thực dụng:

a) Tư tưởng khoa học. Tư tưởng khoa học mà các nhà thực dụng đòi hỏi ở đây là tư tưởng và đường lối suy tư theo khoa học thực nghiệm (sciences expérimentales), đòi hỏi suy luận phải có phương pháp và những bằng chứng cụ thể do thí nghiệm thực sự cung cấp. Ta thấy ngay cái hạn hẹp của loại tư tưởng này. Bên cạnh khoa học về thiên nhiên (hay tạo vật) còn có các ngành khoa học về con người (hay nhân văn) vốn đã có phương pháp riêng từ trước khi khoa học về thiên nhiên lên ngôi. Đem các phương pháp thực nghiệm của khoa học về tạo vật để nghiên cứu con người để đưa tới những kết luận nếu chẳng lạc hướng thì cũng nghèo nàn. Làm sao khoa học có thể cắt nghĩa được những giá trị tâm linh, những giá trị siêu hình: linh hồn, đời sống vị lai, niềm tin tôn giáo, lý tưởng đạo đức, tình yêu đôi lứa? Và bao nghịch lý hay phi lý khác trong cuộc đời? Vả chăng, cũng nên nhớ rằng tinh thần khoa học cũng có nét tiến hóa riêng

của nó. Tinh thần khoa học của ngày hôm nay không còn là tinh thần khoa học cách đây năm mươi năm về trước, đôi chỗ còn trái ngược với những đòi hỏi cũ.

Tất nhiên, sự phát triển của khoa học và kỹ thuật là một điều kiện cần cho sự phát triển của những đất nước còn kém mở mang, như trường hợp nước nhà. Nhưng không phải là điều kiện đủ. Hạnh phúc và vinh quang của một quốc gia còn trông cậy vào những giá trị khác ngoài giá trị vật chất. Một nền văn hóa thành công là nền văn hóa thực hiện được sự quân bình các giá trị khả dĩ đem lại niềm vui sống và kiêu hãnh dân tộc cho mọi người trong cộng đồng.

b) Sinh hoạt dân chủ. Sinh hoạt dân chủ là kiểu mẫu tổng quát trong sinh hoạt chính trị hiện thời rất phổ thông trên thế giới. Nó là kết quả của một cuộc tranh đấu đã kéo dài từ nhiều thế kỷ qua như đã nói ở trên kia.

Nói về dân chủ, ta nên phân biệt hai khía cạnh của vấn đề: tinh thần dân chủ và cơ chế dân chủ. Người ta thường nhận định một cách tổng quát rằng các dân tộc Đông phương xưa không thiếu tinh thần dân chủ, nhưng các nhà lãnh đạo xưa vốn nặng đầu óc tổng hợp và tinh thần nhân trị nên không có đầu óc tinh tường của khoa học, đầu óc pháp luật để thiết lập nên những cơ chế chính xác mà thể hiện cái tinh thần dân chủ của mình. Do đó, quốc dân vẫn đắm chìm trong cảnh thiếu pháp luật, tùy cơ ứng biến, có khi là mệnh được yếu thua không ai bảo vệ.

Nền dân chủ của Tây phương tương đối rõ ràng, chặt chẽ, tỉ mỉ và hiệu nghiệm hơn. Nay đã đến lúc Đông phương phải rút tỉa kinh nghiệm của Tây phương vì ta không thể nào trông chờ vào một nền đạo đức vị ý hướng (morale intentionnelle) mà phải theo đuổi một nền đạo đức hiệu nghiệm (morale effective). Biết rằng nền dân chủ Tây có những sở đoản và không thích hợp, ta vẫn không thể nào gạt bỏ dân chủ trong những luật tắc thiết yếu của nó như: quyền tối thượng thuộc quốc dân;

nguyên tắc phân quyền, nguyên tắc bầu cử và ứng cử vào các cơ quan của quốc gia, các chức vụ của chính quyền; quyền đối lập; quyền truất phế; các quyền tự do căn bản, nhân quyền, dân quyền... Biết rằng quy tắc "đa số thắng thiểu số" chỉ có một giá trị tương đối, đôi khi còn vô lý nữa, ta vẫn chưa có thể thay thế nó bằng một quy tắc khác hợp lý và công bằng hơn trong sinh hoạt dân chủ.

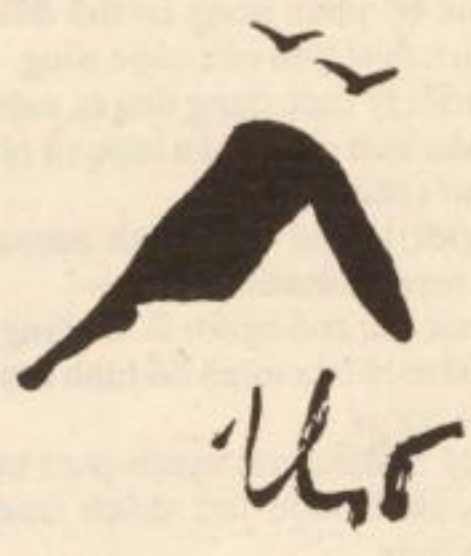
Liên hệ chính trị với văn hóa, đặt vấn đề giá trị (problème de valeurs), ít lâu nay ở nhiều nơi, nhiều thức giả và chính trị gia, - điển hình ông Lý Quang Diệu của Tân Gia Ba, - có soi xét, nêu lên và đề cao các giá trị văn hóa đặc thù của từng miền địa lý. Đó là một việc làm chính đáng được dư luận khắp nơi ủng hộ. Lợi dụng điều đó, người cộng sản lại giơ cao một khẩu hiệu mà họ đưa ra trước đó để biện minh cho thể chế chuyên chính của họ và khước từ việc thực hiện những điều kiện cơ bản nhất của bất luận một nền dân chủ nào, thậm chí khước từ quyền ứng cử và quyền đối lập. Đó là khẩu hiệu: "Một thể chế cộng sản mang đặc tính của..."

c) Lý tưởng tự do. Nguyên tắc tự do cũng như nguyên tắc dân chủ nói trên là điều ai cũng hằng mong ước. Lý do đã trình bày trên kia.

Nhưng ai cũng nhận thấy lý tưởng tự do cũng có cái giới hạn và rủi ro của nó. Lý tưởng tự do phải là một toàn bộ có hệ thống những quyền tự do căn cứ vào điều kiện văn hóa dân tộc từng nơi, lo toan tới những hậu quả và tác động qua lại của các quyền đó.

Sỡ dĩ nhiều thức giả và chính trị gia Hoa kỳ phải lên tiếng chỉ trích triết lý thực dụng là vì nó đã cho thực thi một quy chế tự do quá mức, thiếu tính toán, không ràng buộc, không đối trọng để dẫn dắt tới những hậu quả đáng buồn trên thực tế. Làm như thế, các vị đó cũng chỉ căn cứ vào "nguyên lý thực tại" của lý trí theo đó người ta lấy kết quả của ứng dụng để phê bình lý thuyết. Và cũng là theo chính tinh thần phê phán của triết lý thực dụng như bình luận gia J.L. Childs viết trong cuốn American Pragmatism and Education, năm 1956: "We are convicted that pragmatism negates its own basic principles whenever it takes the form of a completed, closed system and that it will fail to enjoy the support it deserves if it refuses to take account of demonstrated inadequacies in its own patterns of thought and education." (Chúng tôi tin chắc rằng triết lý thực dụng sẽ phủ nhận ngay chính những nguyên tắc căn bản của nó mỗi khi nó mang hình thức của một hệ thống đầy đủ và đóng kín, và rằng nó sẽ không còn được hưởng sự ủng hộ của người đời mà nó xứng đáng được hưởng nếu nó khước từ không lo toan tới những bất thuận hợp mà người ta chứng minh cho nó thấy, những bất thuận hợp nằm ngay trong những tiêu chuẩn của nó về tư duy và giáo dục). Những bất thuận hợp đó là gì, thiết tưởng bốn mươi năm qua, thực tại xã hội Hoa kỳ đã cho ta thấy rõ: sự lấn lướt của tiền tài và bạo lực, sự suy vi của các giá trị gia đình, học đường và xã hội.

Đi sâu vào các vấn đề hơn, người ta thấy cái hại của sự lạm phát và lạm dụng tự do thì nhiều vô kể. Xin hãy dẫn chứng bằng những hậu quả tổng quát và những sự kiện nổi bật: Tâm lý phổ thông là ai cũng thích vui, thích nhàn, thích vợ của cải và quyền hành vào trong tay mình mà ít khi nghĩ tới những quyền lợi của kẻ khác. Nhiều tự do để đưa con người tới thái độ ích kỷ, tới chủ nghĩa cá nhân. Kinh nghiệm cho hay tự do, cũng như lạc thú,



SONG HỒ
NGHE CHIM HÓT

Buổi sáng nghe chim hót
Tưởng mình trên núi cao

Buổi tối nghe chim hót
Ngỡ mình giữa rừng sâu

Buổi trưa nghe chim hót
Thấy mình ở Mỹ Châu

Bỗng dưng nghe chim hót
Bỗng vui rồi bỗng sầu

hưởng thụ triển miên thì không còn là tự do và lạc thú nữa. Lúc đó, cá nhân dễ đi tới chỗ chán chường, không gắn bó, thiếu định hướng.

Trong gia đình, dành nhiều quyền tự do cho con em quá thường làm cho chúng hư thân, mất nết và phụ huynh cũng mất hết uy quyền để dạy dỗ chúng, cuối cùng gia đình cũng không còn ý nghĩa nữa. Một sự kiện nổi bật trong phạm vi này là: do được tự do trai gái ăn ở với nhau (cảnh bạn trai, bạn gái không gì khác hơn là lấy nhau không cưới xin) khiến nhiều thanh thiếu niên không còn nghĩ tới việc thành lập một tiểu gia đình đúng đắn, nghiêm túc có quy chế hẳn hoi, quyền lợi và bổn phận rõ ràng.

Nơi học đường, dành nhiều quyền tự do cho học trò quá thường làm cho chúng lười biếng, trễ nải, đàn đúm vui chơi, có khi kết thành băng đảng hăm hại lẫn nhau và tác hại xã hội. Trong khi đó, ban giám đốc và các thầy cô chỉ còn biết khoanh tay đứng nhìn, bởi đã mất hết cả uy quyền để giáo dục hậu sinh.

Ngoài xã hội, quyền có súng ống trong tay đưa đến cảnh giết người bừa bãi, tự do kinh tế đưa đến cảnh buôn lậu ma túy và các môn phạm pháp khác; tự do cạnh tranh tuy xóa bỏ độc quyền nhưng lại là cơ hội để người ta cạnh tranh bất chính; tự do ngôn ngữ khiến cho chuyện trò, giao thiệp, xưng hô mất cả phong cách văn hóa; tự do đi lại, tập hợp, biểu tình, chống đối... để mào đầu cho những hỗn loạn xã hội. Đành rằng khuynh hướng lý tưởng của con người là tự do, công lý, nhưng còn khuynh hướng tìm ổn định nữa!

Có một sự kiện nổi bật cần phải lưu ý đó là những va chạm và đổ vỡ cực kỳ đau thương do xung khắc văn hoá đã gây ra cho gia đình của *bao người dân tị nạn nơi quê người*.

Vậy ta cần phải xét lại quan niệm về tự do. Chỉ xin ghi nhận vài điều vì vấn đề đã vượt quá phạm vi của đề tài bài viết. Cần phải đặt quyền tự do trong khuôn khổ văn hóa, như là một giá trị văn hóa. Cổ thời Hy Lạp, triết gia Platon đã nối kết ý niệm về tự do với ý niệm về công lý. Việc ông đặt tự do trong khuôn viên công lý cũng là xác đáng: tự do miên không tạo bất công. Các nhà tôn giáo và đạo đức gắn bó tự do với khoan dung. Các nhà làm luật chủ trương phân quyền, lấy quyền giới hạn quyền, kiến tạo một hệ thống quyền để ràng buộc và điều hòa lẫn nhau. Đó là những kinh nghiệm quý giá mà các nhà thực dụng cần xét tới.

Xin kết luận. Triết lý thực dụng đã có một vai trò rất tích cực, thúc đẩy sự phát triển xã hội đưa văn minh vật chất lên một mức khá cao. Với những đề dặt nào đó, hai định đề căn bản của nó là Khoa học và Dân chủ quả là đích đáng. Riêng việc thực hiện cái hệ luận của nguyên tắc dân chủ là quy tắc tự do thì các nhà thực dụng đã gặp phải nhiều vấp vấp.

Trong một quan điểm về cứu cánh đa phương, triết lý thực dụng sẽ tốt đẹp hơn khi cho hội nhập những giá trị nhân bản đã được thử thách. Đó cũng là niềm tin ở sự tiến hóa của chính các nhà thực dụng vậy.

Với Việt Nam đang trên đà thoát khỏi nạn độc tài khủng khiếp của chế độ cộng sản, để phục hưng và phát triển, điều cần thiết trước nhất là dân chủ và tự do hơn là khoa học. Bởi lẽ đặt khoa học và kỹ thuật vào trong tay những người vô lương tâm là nối giáo cho giặc.

(Garden Grove 22-9-96)



TRẦN HỒNG CHÂU

THƯỢNG ĐẾ ẨN MẬT

Thơ? Thơ?

Ta về đâu?

Ngày mai? Ngày mai?

Sạn đạo vòng chìm thu sương về Bạch đế thành

Đỏ Phủ vàng cúc hen cổ chu nhất hệ cổ viên tâm

Âm, dương đạo về lòng núi lửa lửa lò nguyên sinh

Giọt lệ Empedocles lăn lóc bên bờ thời gian khói phủ

Mất nham thạch kỷ hà sắc cạnh đỏ rừng rừng

Ngày đều đặn thừa úp thừa

Trên ngày, dưới ngày

Đều đặn...

Hạt cát xây điệp trùng núi đồi trần trở

Ta vẫn lội ngược dòng về tử cung đất mẹ nguyên sơ

Vẫn leo dốc lên choáng váng ngọn đỉnh Công trời

Vẫn vật lộn với góc đại thụ toàn thân bi thiết

Với đá Thái Sơn ngực khóc ngàn cân

Với âm ảnh em ân ái an bình

Sợi tóc buộc chặt những Thái dương hệ ngọt ngào xanh

Với từng xâu chữ - người, ký hiệu

Từng xâu người - chữ, thần chú

Đề nát linh hồn nhỏ

Thú đau sáng tạo

Trong mắt bão địa động ngày tận thế

Cũ mòn trái đất

Mệt là

Cây cỏ vẫn cỏ cây xưa

Cảm nghĩ già

Già như muôn tầng địa kỷ

Không tiếng vang

Dấu hỏi vẫn y nguyên

Chung quanh đây vô giác bờ lau sậy

Chẳng thiên thu réo gọi

Tiếng huyền giải mã

Cắm nang đâu vẫn chẳng Vũ hầu!

Cùng đường

Ta trở về Hoàng - thiên - đấng - cứu - thế - trong - ta rừng rậm hoang vu

Từng giọt thơ

Pha lê

Long lanh cỏ biếc

Tiếng vỗ về...

Tiếng chặt xiềng

Cần khôn rung chuyển

Âm vang từ trong ta

Sâu thăm

Từ trong ta hoang động

Thượng đế ẩn mật!

LÊ NGỌC CHẤN RA LỆNH GIẾT NHƯỢNG TỔNG

NGUYỄN TÀ CÚC

Trung tuần tháng chín, nhà văn Nguyễn Thạch Kiên cho ra mắt tập ký sự đầu tiên trong bộ bốn tập, "Về Những Kỷ Niệm Quê Hương". Tập một "Trộn Vẹn về Những Bài Thơ Hai Sắc Hoa Ty- Gôn và Sự Thực Huyền Thoại Nàng TTKh." viết về những kỷ niệm Hà Nội từ đầu thập niên 30 đến khoảng 1945. Tuy tự nhận không phải là người chép sử, nhưng vì tác giả cũng là một đảng viên kỳ cựu của Việt Nam Quốc Dân Đảng nên những kỷ niệm này không chỉ riêng về các nhà văn, nhà thơ... tác giả đã có dịp quen biết qua sáu mươi năm viết văn làm báo mà còn chú trọng rất nhiều đến những hoạt động cùng thời của VNQDD.

AI ĐÃ RA LỆNH ÁM SÁT HỌC GIẢ NHƯỢNG TỔNG?

Chìm lắng trong gần 250 trang viết về huyền thoại TTKh. với sự xác nhận nhà thơ Văn Nương không phải là TTKh., đã có một tin chưa đầy hai trang làm người đọc sửng sốt. Cựu Tổng Trấn Bắc Phần Nghiêm Xuân Thiện (thời 1948 - 1949) đã cho tác giả biết chính ông Lê Ngọc Chấn (chồng nhà thơ Văn Nương) bí danh Chấn Quang Minh, lãnh đạo Chi Bộ Hà Nội lúc bấy giờ ra lệnh ám sát học giả Nhượng Tống:

"...Trong khi hàn huyên, nhắc nhở đến học giả Nhượng Tống, thốt nhiên ông Nghiêm Xuân Thiện bảo tôi: "Ở Anh Quốc, được tin ông Nhượng Tống bị ám sát chết, tôi biết ngay chính Chấn Quang Minh ra lệnh!"

Tim tôi thót đau. Tôi cười buồn lặng lẽ. Trong óc tôi quay cuồng về cái cảnh ông Nhượng Tống, một lãnh tụ sáng lập ra VNQDD, bị gài trước bàn thờ khói hương nghi ngút, điện nến sáng trưng trước di ảnh cổ Đảng Trưởng VNQDD Nguyễn Thái Học, tại nhà cụ Ngô Thúc Dịch, Bí Thư Trưởng cùng với một số chiến hữu của Thị Bộ Hà Nội đứng quay quanh bàn thờ. Và thi sỹ học giả Nhượng Tống thốt lời

nguyên thủy: "Kể từ nay sẽ không cộng tác với bất cứ thế lực nào mà Đảng xét thấy bất lợi cho lý tưởng của VNQDD. Nhất là phải chấm dứt vai trò làm cố vấn chính trị cho ông Nghiêm Xuân Thiện, đương kim Tổng Trấn Bắc Phần..." (trang 104-105, Nguyễn Thạch Kiên, sdd)

Sự tiết lộ này từ một đảng viên kỳ cựu rõ ràng làm độc giả phải suy nghĩ. Hiện nay có ba tác phẩm chính viết về hoạt động của VNQDD do các đảng viên là tác giả.

Đầy đủ và chi tiết, tương đối chính xác nhất, vì được sự góp ý, bổ sung của nhiều đảng viên khác, là quyển của cụ Hoàng Văn Đào "Việt Nam Quốc Dân Đảng- Lịch Sử Đấu Tranh Cận Đại 1927 - 1954" (tái bản lần thứ hai, 1970, Sài Gòn). Cụ Hoàng Văn Đào, sáng lập Chi bộ Thanh Hóa, vào đảng năm 1927, ngay từ thời đảng còn phôi thai.

Kế là quyển "Việt Nam Những Ngày Lịch Sử - Hồi Ức Về Giai Đoạn Lịch Sử 1916-1949" (Canada, 1982) của Bác Sỹ Nguyễn Tường Bách. Quyển này cô đọng về những hoạt động cách mạng, một số nhân sự của đảng như nhà văn Nhất Linh Nguyễn Tường Tam, Hoàng Đạo Nguyễn Tường Long... Năm 1946, Hoàng Đạo lánh sang Trung Hoa rồi từ trần đột ngột trên xe lửa. Có sự nghi ngờ là bị đầu độc nhưng chứng cứ cho thấy nhiều hơn là ông bị chấn não. Không thấy tác giả nhắc đến cái chết của Nhượng Tống.

Và mới đây nhất là tác phẩm đã dẫn của nhà văn Nguyễn Thạch Kiên. Ông gia nhập đảng khoảng năm 1944. Đây là thế hệ, đảng thứ hai tiếp nối công trình thành lập và cuộc cách mạng chống Pháp của thế hệ thứ nhất như Nhượng Tống, Phạm Tuấn Tài, Phạm Tuấn Lâm, Nguyễn Thái Học, Phó Đức Chính, Ký Con, Đoàn (Đặng) Trần Nghiệp...

HOẠT ĐỘNG CHÍNH TRỊ TRONG VÀ NGOÀI ĐẢNG CỦA NHƯỢNG TỔNG

Nhượng Tống tên thật là Hoàng Phạm Trân, sinh năm 1897 tại làng Phú Khê, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định. Làm thơ rất nhiều nhưng chưa xuất bản tập nào, còn lấy bút hiệu khác là Hoàng Kiếm Thu.

Xuất hiện lần đầu dưới bút hiệu Nhượng Tống khi vào làm trợ bút cho "Thực Nghiệp Dân Báo" (do Mai Du Lâm làm Chủ Nhiệm, Mai Đăng Đệ làm Chủ Bút, tòa soạn ở phố Hàng Gai, Hà Nội).

Về văn, đã xuất bản hai tập: "Lan Hưu" (truyện dài, 1940) và "Nguyễn Thái Học" (1946). Nhưng nổi tiếng hơn cả là bản dịch những áng văn chương cầu kỳ, trác tuyệt nhất của Trung Quốc như: Ly Tao, Hồng Lôu Mộng, Tây Sương Ký, Sử Ký Tư Mã Thiên, Nam Hoa Kinh, Đạo Đức Kinh... Nhượng Tống còn là một nhà cách mạng, cùng hai anh em nhà giáo Phạm Tuấn Tài, Phạm Tuấn Lâm sáng lập Nam Đồng Thư Xã năm 1926 (số 6, đường 96, khu Nam Đồng, trước Hồ Trúc Bạch, Hà Nội) chuyên về dịch thuật và xuất bản các sách về lòng ái quốc, chủ thuyết cách mạng như "Chủ Nghĩa Tam Dân..."

Nam Đồng Thư Xã là nơi quy tụ các sinh viên, các nhà trí thức trẻ tuổi, vừa có hoạt động xã hội lẫn chính trị. Ông cũng là rường cột của các báo Nam Thanh, Hồn Cách Mạng...

Chi Bộ Nam Đồng Thư Xã là chi bộ đầu tiên của VNQDD với Nguyễn Thái Học làm Chi Bộ Trưởng (10.1927). Sau này có sự tham gia của (học giả) Nghiêm Toàn. Sau đó, Nhượng Tống lần lượt giữ các chức như Tiểu Ban Dự Thảo Chương Trình và Điều Lệ rồi sau đó là Trưởng Ủy Ban Tuyên Truyền trong cuộc họp đầu tiên của đảng (12.1927).

Tháng 7 năm 1929, Nhượng Tống bị kết án mười năm tù lưu đày ra Côn Đảo cùng với 47 đảng viên vì một đảng viên khác đã ám sát trùm mua bán phu mỏ Bazin ngày 9.2.1929. Cuối năm 1936, được ân xá nhưng vẫn phải chịu năm năm quản thúc. Ông làm nghề thầy lang, bán thuốc Bắc tại chợ Thành Cách, huyện Thanh Liêm, Hà Nam. Sau khi hết án năm năm, ông trở lại Hà Nội, tiếp tục hoạt động cho đảng.

Tài liệu trong quyển Thi Nhân Việt Nam Hiện Đại (Hoài Thanh) ghi lại là ông bị đày đi Côn Đảo vào năm 1931 và thả về năm 1939 nhưng có lẽ không chính xác bằng tài liệu của cụ Hoàng Văn Đào vì căn cứ trên ngày Bazin bị giết và phiên tòa Hội Đồng Đê Hình kể đó.

Khi thế chiến thứ hai bùng nổ, Nhượng Tống cùng một số đảng viên như Ngô Thúc Dịch, Nguyễn Thế Nghiệp... công



NHUỘNG TỐNG

khai ra mặt với "Tân Việt Nam Quốc Dân Đảng" trụ sở tại số 61, phố Trường Thi, Hà Nội. Đầu năm 1944, Tân Việt Nam Quốc Dân Đảng hợp cùng với Đại Việt Quốc Dân Đảng, Đại Việt Quốc Xã Đảng (Nguyễn Xuân Tiếu, 1936) và Đại Việt Dân Chính Đảng (Nhất Linh Nguyễn Tường Tam, 1939) thành lập mặt trận Đại Việt Quốc Gia Liên Minh. Khởi thủy, Ban Chấp Hành Trung Ương gồm có: Nhượng Tống, Nguyễn Tường Long, Trương Tử Anh, Nguyễn Xuân Tiếu...

Thời gian quan trọng nhất liên quan trực tiếp đến cái chết của Nhượng Tống

đánh dấu mốc bởi ngày 19.12.1946, là thời kỳ tái liên lạc và xây dựng lại cơ sở đảng.

Đây cũng chính là lúc có nhiều điểm khác biệt giữa lời kể của cụ Hoàng Văn Đào và nhà văn Nguyễn Thạch Kiên

Cụ Hoàng Văn Đào thuật lại: "...nhóm họ Nghiêm (Nghiêm Xuân Thiện), họ Trần, họ Đào được cao uỷ Pháp giao cho ra tờ báo Thời Sự để thay thế cho tờ Trật Tự là cơ quan Thông Tin do Chính Trị Vụ Cao Uỷ Phủ phụ trách. Mục đích của nhóm họ Nghiêm lúc đó là muốn dùng tờ Thời Sự làm cơ quan và đội lốt VNQDD... Vì vậy họ Nghiêm mới xin với Pháp xung công nhà in và là trụ sở của tòa báo "Việt Nam" cũ ở số 80 đường Quan Thánh làm tòa báo Thời Sự. Nhưng sự mưu toan của họ Nghiêm không được các đồng chí VNQDD tán thành... (trang 483) vì "...bốn phần là đảng viên VNQDD không ai được phép làm hoen ố lịch sử và làm sai lạc lập trường tranh đấu của đảng..." (trang 484, Hoàng Văn Đào, sdd)

Ngược lại, theo nhà văn Nguyễn Thạch Kiên, tờ Thời Sự cũng như các tờ nhật báo Tia Sáng (chủ nhiệm là ông Ngô Văn), tuần báo Cải Tạo (chủ bút Đào Trinh Nhất), tờ Thanh Niên (nhóm Đại Việt QDD) chỉ là một phương tiện để những nhà trí thức Hà Nội ý thức được vấn đề Quốc - Cộng sử dụng mà "thông tin, tuyên truyền, ổn định đời sống cho toàn thể..." (trang 98, NTK, sdd) Thời Sự là hậu thân của tờ Trật Tự, bản tiếng Việt, phát hành song song với bản tiếng Pháp "Actualités", do Nghiêm Xuân Thiện và nhóm đồng chí của Nhượng Tống chủ trương. Họ đã "nhặt nhạnh trong đám gạch ngói tường đổ" số chữ của nhà in Ngày Nay - cũng là tòa soạn hai tờ báo của VNQDD là Việt Nam và Chính Nghĩa - sau khi hồi cư để làm báo riêng cho họ.

Cuối năm 1947, Bắc Bộ Khu VNQDD thành lập, Lê Ngọc Chấn vẫn lãnh đạo Thị Bộ Hà Nội. Trước đó, nhóm đồng chí của Nhượng Tống bỏ Thời Sự, sang làm báo Tự Do do Vũ Ngọc Các làm chủ nhiệm và chủ bút.

Bắc Bộ Khu và Thị Bộ Hà Nội có thái độ ra sao với Tổng Trần Bắc Phần Nghiêm Xuân Thiện?

"...Một số cán bộ được ở lại cộng tác với họ Nghiêm. Số cán bộ này có nhiệm vụ ngăn đón, tránh cho những đồng chí mới hồi cư khỏi lâm lạc sa vào tổ chức của họ Nghiêm..." (trang 484, HVD, sdd)

Một trong những cán bộ này là Nhượng Tống. Cố Vấn Chính Trị cho Nghiêm Xuân Thiện. Ông Nghiêm Xuân Thiện chỉ là cảm tình viên của VNQDD và có lập trường khác hẳn là tham chính để "an dân, đổi lại thế cờ" (trang 98, NTK, sdd)

Theo cụ Hoàng Văn Đào, sau đó Bắc Bộ Khu quyết nghị "dụng kế khai trừ" Nhượng Tống để đánh lừa thực

dân Pháp. Nghĩa là Nhượng Tống đóng khổ nhục kế, vừa cố vấn cho Tổng Trần Bắc Phần, vừa "chống đỡ cho đảng về mặt chính trị, duy trì sự liên lạc và giữ vững tinh thần các đồng chí đã tham chính" (trang 465, HVD, sdd). Hoàn toàn trái ngược với sự kiện này, nhà văn Nguyễn Thạch Kiên thuật lại cảnh Nhượng Tống thề sẽ không hợp tác với Nghiêm Xuân Thiện nữa như đã dẫn.

NGHI ÁN VỀ CÁI CHẾT CỦA NHƯỢNG TỐNG

Nhượng Tống vẫn sống bằng nghề thầy lang và có cửa hiệu thuốc Bắc tại số 128, phố Chợ Hòm, Hà Nội.

Ngày 20.8.1949, khoảng 8 giờ sáng, Nhượng Tống vừa chơi tổ tôm về, đã định đi nghỉ thì có một đứa trẻ đến xin thăm bệnh cho người bố. Ông cùng đứa trẻ đi bộ chỉ mới cách nhà hơn 300 thước thì có một người cỡi xe đạp lại gần, bắn qua gây chết. Cũng theo lời nhà văn Nguyễn Thạch Kiên, Nhượng Tống được đem an táng ở khu đất thí, gần Cao Học Xá, Ngã Tư Bạch Mai, Ô Cầu Dền. Vào đầu thập niên 50, gia đình thi sỹ mới cải táng về Hà Nam vì Nhượng Tống cũng là con nuôi của ông Phạm Bùi Cầm, phủ Lý Nhân, thuộc tỉnh Hà Nam.

Cụ Hoàng Văn Đào cho rằng thủ phạm là Nguyễn Văn Kịch người làng Mai Động, Quỳnh Lôi, ngoại thành Hà Nội, biệt động nội thành Cộng sản, nhưng không trưng được bằng cứ chắc chắn nào.

Nhà văn Nguyễn Thạch Kiên, bằng vào lời thề của Nhượng Tống, cố gắng đi tìm sự thật:

"...Gặp một đồng chí khá thân mà tôi biết là một thành viên trong Ban Kỷ Luật và Ám Sát của đảng, tôi hỏi: "Ai ra lệnh giết anh Nhượng Tống, anh có thể kể cho tôi nghe rõ không?" Người bạn ấy trả lời: "Anh không nên biết! Anh

Nhượng Tống chết, ai cũng đau lòng, anh nên quên chuyện ấy đi..." (trang 105, NTK, sdd)

So sánh hai sự kiện trên, cái chết của Nhượng Tống lại càng có nhiều bí ẩn hơn.

Quyết nghị dụng kế khai trừ mà cụ Hoàng Văn Đào nhắc đến không thể giải thích được, nếu không nói là mâu thuẫn với sự kính mến mà các đảng viên dành cho Nhượng Tống:

"Tuy chịu hy sinh cho khổ nhục kế, nhưng với tấm lòng nhiệt thành yêu đảng, yêu Tổ Quốc, quý mến đồng chí của Nhượng Tống; sự khai trừ đó không làm giảm sút sự kính mến của các đồng chí với Nhượng Tống...Sau khi Nhượng Tống chết rồi, sự mâu thuẫn giữa Lê Ngọc Chấn và các lãnh tụ vẫn ngấm ngấm và trở nên quyết liệt khi Vũ Hồng Khanh và các đồng chí hải ngoại trở về nước lần thứ hai vào tháng giêng năm 1950..." (trang 465-466, HVD, sdd)

LÊ TRỌNG PHƯƠNG

NHƯ

Khi áo em đơm đóm màu thiếu phụ
Khi núi rừng ngát gió buổi tam nương
Khi hôm nao vọng ngày qua thác lũ
Thì anh về đầu thú với yêu thương

TÌM

Kịch bản thôi vật vờ ký ức
Vọng hoài theo tan tác lăm chiều
Hao hao một chút quên và nhớ
Lừa dối yêu lâu đổ giấc yêu

Lả trùng dương dựa vào tê tái
Xưa nay ai đi hết mộng mơ
Cho câu dài nhất đêm dài nhất
Vỡ trường tình vai chính vào chưa ?

GIỌT MƯA & CÁI KIẾN

Đôi khi tôi đủ tôi rồi
Đôi khi tôi triết hết lời người xưa
Và đôi khi ngẫm giọt mưa
Đôi khi tôi thấy thiên sứ mỉm cười
Một hôm cái kiến cũng cười
Với tôi, chớm hỏi con người đủ chưa...

HUY TRÂM CHÂN PHƯƠNG

Một đời em cơm vàng, bát ngọc
Sao nay lại giả khổ- than nghèo?
Hỡi cô em! Cô hàng phố thân yêu!
Em chớ nghĩ nhân gian không có mắt
Nơi ấy quê hương, bao người lầy lắt
Trong đau thương không rên rỉ một lời
Lầm lũi cho qua - trước những tường đời
Biết cả đấy! mà có bao giờ nói?
Thà cứ chân phương hơn giấu đầu hở cuối
Đời ly hương - em có thấy gì chưa?
Nói thật xem sao! Đừng giả bộ ngây thơ
Lầm sự thật - mỹ từ không dây nối
Tôi nói chơi thôi - Em đừng hờn dỗi
Em còn xuân! Đừng lạm nhận mình già
Xin lỗi! Thời gian làm trí nhớ phôi pha
Có phải trước, em mê bài vọng cổ
Cổ tiếng ngân nga - chuông hồi chiều mộ
Chiều sương rơi - sầu cổ quận dâng đầy
Mời uống thêm ly - bia nhẹ không say



Lưu Huy Kh.

Một thứ khổ nhục kế như thế, nếu có thật và nếu muốn cho có hiệu quả như mong muốn, là chuyện tối mật và không thể để mọi đảng viên đều biết. Bởi thế, một đảng viên đã bị khai trừ vì đi ngược lại đường lối của đảng như Nhượng Tống không thể được tiếp tục "kính mến". Quan trọng hơn nữa là chưa có tài liệu, bài viết nào nhắc đến chuyện Nhượng Tống bị khai trừ khỏi VNQDD, cả ngoài cụ Hoàng Văn Đào.

Như thế cũng dẫn đến một suy luận khác là nếu quyết nghị dụng kế khai trừ ấy có thực, bao nhiêu cán bộ lãnh đạo VNQDD - chứ chưa nói đến đảng viên- thời bấy giờ biết rõ thực hư để bảo vệ Nhượng Tống?

Và sự "mâu thuẫn ngầm ngầm" mà cụ Hoàng Văn Đào nhắc đến giữa ông Lê Ngọc Chấn (Chấn Quang Minh) và các lãnh tụ của Việt Nam Quốc Dân Đảng có ảnh hưởng trực tiếp gì đến cái chết của Nhượng Tống hay không?

Sau nữa, tại sao Bắc Bộ Khu Việt Nam Quốc Dân Đảng, Thị Bộ Hà Nội lại để cho một sáng lập viên, đảng viên kỳ cựu, được sự kính nể của đồng bào và các đảng phái chính trị khác, lại nổi tiếng là một học giả như thi sỹ Nhượng Tống đưa ra an táng ở một khu đất thí? Nhất là khi cái chết của ông là một cái chết vì "bị kẻ thù ám hại" (HVD, sdd)? Đây là một hình thức cảnh cáo khéo léo những đảng viên tham chính dù có hay không có sự đồng ý của đảng? Hay chỉ là một sự

tình cờ ngẫu nhiên? Hay là một sự cố ý chưa được giải thích?

Phần nhà văn Nguyễn Thạch Kiên, ông nhắc đến hai người - trong những người - biết rõ thì hai người này đều đã qua đời. Một là nhà báo Vũ Ngọc Các, chủ nhiệm tờ Tự Do (đã nhắc trên và tờ Dân Chủ cùng nhà in Dân Chủ)

KHÓC NGUYỄN THÁI HỌC

*Nhục mấy trùng cao, ách mấy trùng
Thương đời không lẽ dừng mà trông
Quyết quăng nghiên bút xoay gươm súng
Đầu chịu râu mày then núi sông
Người đầu chết đi lòng vẫn sống
Việc dù bồng nũa, tội là công
Nhớ anh nhớ lúc khi lâm biệt
Cười khóc canh khuya chén rượu nồng*

NHƯỢNG TỐNG

..., chết ở Phủ Lý trong thời gian bị Cộng Sản giam cầm sau 1975. Người kia là ông Lê Ngọc Chấn, chết trong khi chờ đợi ra ngoại quốc đoàn tụ với thân nhân sau nhiều năm lao tù như Vũ Ngọc Các. Ông Lê Ngọc Chấn là Bộ Trưởng Quốc Phòng đầu tiên của Chính Phủ Ngô Đình Diệm, sau đó từng là Đại Sứ Việt Nam Cộng Hòa tại Anh Quốc.

Nhưng độc giả không thể gạt bỏ tin tức nhà văn Nguyễn Thạch Kiên đưa ra là Nhượng Tống đã bị chính ông Lê Ngọc Chấn ra lệnh ám sát vì hai yếu tố quan trọng sau đây: Nhượng Tống đã thề không tiếp tục làm Cố Vấn cho Tổng Trấn Nghiêm Xuân Thiện, người đang bị coi là hợp tác với thực dân Pháp, chống lại đường lối đảng; và chính ông Nghiêm Xuân Thiện (hiện cư ngụ tại Đức quốc) cũng có kết luận tương tự.

Hy vọng trong các tập kế, nhà văn Nguyễn Thạch Kiên sẽ viết rõ ràng, đích xác hơn về hoàn cảnh cũng như những người đã thực sự dính líu đến nghi án này. Đó là điều độc giả chờ đợi cũng như đang chờ đợi các đảng viên kỳ cựu của VNQDD góp thêm tài liệu, cho thêm ý kiến xác thực để lịch sử được sáng tỏ.

Những hồi ký như của nhà văn Nguyễn Hiến Lê (chỉ trích thậm tệ chế độ CS tại Miền Nam sau 1975) hay của nhà văn Nguyễn Thạch Kiên... là những hồi ký rất quý báu, quan trọng vì giúp phần soi sáng lịch sử. Rất nhiều người cầm bút như Khái Hưng, Nguyễn Triệu Luật đã bị Cộng sản thủ tiêu hay ám hại... nhưng cho đến nay vẫn chưa biết rõ họ chết trong trường hợp nào, ra sao... Càng có nhiều nhà văn hay những người có trách nhiệm viết ra, những thế hệ đi sau càng có nhiều tài liệu để xét đoán, để những khoảng trống lịch sử này sẽ không còn là khoảng trống nữa ./.

CÁC CỔ NHẠC SĨ VẪN SÁNG TÁC



TỪ THẾ GIỚI BÊN KIA

Tôi hiểu..." - bà nói với Franz Liszt - "hai nhịp đó ở chỗ này, không, tôi hiểu rồi, tôi xin lỗi. Khoan, ông đọc nhanh quá đối với tôi. Ông đọc lại được không..."

Trong hơn 6 năm, hàng ngày, trong nhiều giờ, các cổ đại nhạc sư đã hiện ra, đọc và nhiều khi phải cầm tay, cho một góa phụ nghèo, không biết chút gì về âm nhạc, trong nhà từ nhỏ tới lớn không có nổi một cây đàn, chép trên 400 tác phẩm, có bài dài trên 40, 50 trang.

Các cổ đại nhạc sư, bắt đầu là Liszt, Chopin, Schubert..., kế đó là Beethoven, Mozart, Bach, Brahms, Schuman, Debussy, Grieg, Berlioz... và gần đây Rachmaninov, Monteverdi, Stravinsky... Đặc biệt Beethoven với hai Sonata và hai hòa tấu khúc số 10 và 11... đã gạt bỏ những ty hiểm lúc sinh thời hợp thành một nhóm, cùng gửi đến nhân loại một thông điệp hân hoan này: "Có đời sống sau cái chết" hay đúng hơn Đời Sống Vĩnh Hằng mà sống - chết chỉ là những hình thái khác nhau. Sống để thử thách, thực hành và chết là nghỉ ngơi, ôn tập.

Và bằng chứng - là khối lượng khổng lồ những tác phẩm siêu thoát mà không một người phạm trần nào sáng tác được, kể cả những nhạc sĩ tài hoa nhất, nói chỉ đến một góa phụ nghèo, dốt nhạc.

Và đó là lý do khiến bà Rosemary Brown được chọn, từ trước khi ra đời, làm người thư ký quên, khiêm tốn đó. Từ hơn hai mươi năm nay bà Brown đã trở thành đối tượng của nhiều viện nghiên cứu tâm linh, mục tiêu của nhiều dư luận độc ác, thiên cận, nạn nhân của những sự kết án nặng nề, thô bạo nhất - "tôi tớ của Sa tăng"... Bà là người, qua cuốn Thác Còn Vương Tơ (Unfinished Symphonies), đã kể lại chuyện các hồn ma nghệ sĩ lớn trở về, tiếp xúc với bà, qua tay bà, tiếp tục sáng tác.

Ta không xét tới thị phi. Thử xem những nhà phê bình chững chạc, các nhạc sĩ, nhạc trưởng chuyên môn phán xét thế nào về Thác Còn Vương Tơ.

Ý KIẾN CỦA CÁC NHÀ PHÊ BÌNH

Nói chung thì dĩ nhiên là các nhà phê bình tự cho họ cái quyền rất to lớn là đánh giá tính chất nghệ thuật của những bản ghi chép của bà Brown và dĩ nhiên là những ý kiến này rất khác biệt nhau. Tuy nhiên, hầu hết đều đồng ý là nhạc phong của những sáng tác "từ cõi bên kia" này đều mang những nét tương đồng

lớn với những tác phẩm lúc còn tại thế của các đại nhạc sư. Đó là lý do chính khiến các đại nhạc sư mới chỉ đọc những nhạc phẩm mà người đời có thể nhận ra. Bước kế tiếp là những sáng tạo mới và công việc vẫn tiếp tục.

Nhận định thứ hai là tuy giả mạo và bất chước là điều thường xảy ra trong quá khứ, nhưng việc ngụy tạo đó đòi hỏi một kiến thức rất đáng kể về nhạc lý, đặc tính của các nhạc cụ và nghệ thuật phối âm. Những kiến thức này bà Rosemary Brown không có. Đến một cái radio quên trong nhà cũng không có, cả đời mới chỉ được đi nghe nhạc thánh phòng một đôi lần. Không một người nào, dù bằng cách gì, khám phá thấy một ý đồ lường gạt nào nơi bà Brown cả. Tất cả những người, dù ác cảm đến đâu, cũng gạt bỏ ý nghĩ đen tối chỉ sau khi gặp bà mấy phút.

Tính chất trung thực, trong trắng và khiêm tốn của bà khiến nhiều nhà phê bình có ác ý phải hổ thẹn, sứt sùi sa lẹ, xin lỗi.

Các nhà phê bình còn quên một điều là động cơ thúc đẩy lao động vất vả này là gì? Bà Brown không được hưởng lợi gì và danh vọng ư? Vốn là người khiêm cung bà chỉ muốn sống lặng lẽ, có thì giờ để kiếm thêm nuôi con. Bà đã làm công việc ghi chép này vì bị ép buộc, và trong nhiều năm không cho ai biết gì mãi cho đến khi vài người thân cận tò mò, thúc đẩy bà mới hé lộ ra. Và việc tự nó vỡ lẽ, chẳng phải chủ ý bà Brown muốn công bố.

NHỮNG GIẢI THÍCH "KHOA HỌC" KHÁC

Một số, không tin hiện tượng tâm linh, đưa ra những giải thích "khoa học" nhưng lại rất giả tưởng rằng bà đã đọc được những nốt



Rosemary Brown đang viết nhạc do Schubert đọc từ dưới mồ. Các khung nhạc phía sau là đoạn Shubert đọc hôm 21 tháng 3, 1968.



Viên Đông

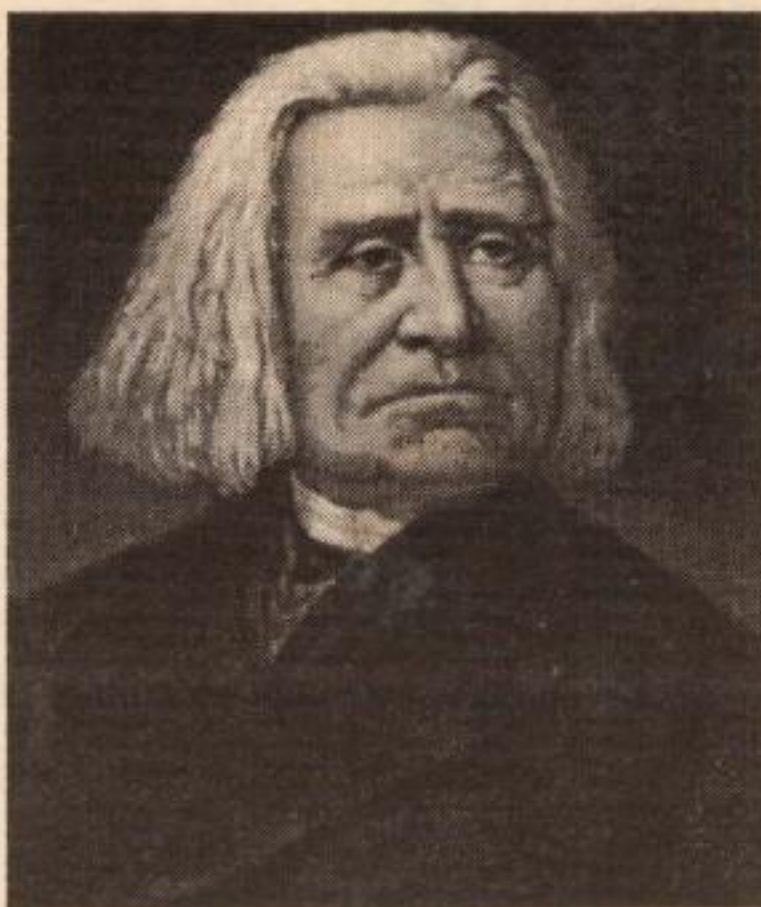
thuần túy món Bắc



Ăn Chơi
Ngon Hơn
Ăn Thiệt

VIÊN ĐÔNG I

9684 Westminster
Garden Grove, CA 92644
(714) 539 4614
Giờ mở cửa: 9AM - 9PM
Nghỉ ngày thứ Ba



Franz Liszt, người đại diện nhóm đại nhạc sư

nhạc này trong đầu óc những người quanh bà bằng thần giao cách cảm. Ngoài sự tự mâu thuẫn, một mặt nằng nặc chỉ chấp nhận những gì khoa học thực nghiệm có thể kiểm chứng được, mặt khác họ lại viện tới thần giao cách cảm (telepathy) mà không hiểu và không chịu thừa nhận rằng thần giao cách cảm cũng là một hiện tượng tâm linh, không phải đối tượng của khoa học thực nghiệm mà họ tôn thờ. Ngoài ra, họ không giải được vấn nạn này: Tại sao nếu những người xung quanh bà Brown giỏi nhạc đến độ nghĩ được trong đầu những bản hòa tấu dài mấy chục trang, khúc chiết, mãnh liệt đến độ người bên cạnh có thể đọc thấy tại sao không có ai viết ra một cách hoàn chỉnh và trình bày khi những bản nhạc họ đang nung nấu bị bà Brown công bố và gán cho những đại nhạc sư - nghĩa là cướp công trình của họ. Chưa kể bà Brown nghèo hèn và bận rộn không lui tới các nhạc viện cũng chẳng giao du với bất cứ một nhạc sĩ nào.

Giải thích "khoa học" thứ hai là các đại nhạc sư đã để lại những sáng tác này ở đâu đó mà bà Brown chỉ vô tình, may mắn phát hiện "qua thần giao cách cảm". Lại thần giao cách cảm! Vấn nạn: Các ông ngu bỏ cha! Số lượng trên 400 hòa tấu, sonate, concerto nghĩa là trên vài ngàn trang giấy cất dấu ở đâu mà cất kỹ mấy trăm năm nay vậy? Và nếu có đi chẳng nữa thì người phát hiện phải là những chuyên viên nhạc học, những học giả, học viên, nhạc công, nhạc sĩ tối ngày vùi đầu trong các nhạc viện, thư khố chứ tại sao lại là một bà nội trợ nghèo, cả đời chưa ra khỏi tỉnh, cả ngày hai buổi chỉ lăm lăm đi đến cafeteria nhà trường, lúc về tất tả tạt vội qua chợ rồi hối hả về nấu nướng, giặt giũ cho con? Và nếu quả bà Rosemary Brown phát hiện được kho tàng này thì quả là một người tối dạ lắm, cả chú bác bà cũng vậy, không biết gõ cửa một tờ báo, đài truyền thanh, truyền hình nào đó nhờ công bố "Phát Giác Của Thế Kỷ" này?

Láo toét! Chỉ có các nhạc sĩ, nhạc trưởng vô tư mới có thẩm quyền nhận định về nhạc.

Ý KIẾN CỦA CÁC NHẠC SĨ

Hephzibah Manuhin, nhạc sĩ dương cầm, chị của Yehudi Nanuhin, một vĩ cầm thủ nổi danh quốc tế, khẳng định: "Không còn nghi ngờ gì nữa rằng bà là một người đàn bà vô cùng chân thực. Nhạc (mà bà chép) tuyệt đối nằm trong nhạc phong của các nhạc sư".

Nhà soạn nhạc Anh Richard Rodney Bennett giải thích: "Tôi tin chắc bà là người có

khả năng tâm linh. Bà nói với tôi những sự việc về tôi mà chắc chắn là bà không thể biết được. Tôi gặp khó khăn với một nhạc phẩm (của Debussy) và bà đã chuyển cho tôi những lời khuyên bảo của Debussy - thành công... Nhiều người có thể ứng tác nhưng ta chẳng thể ngẫu tạo nhạc như thế mà không phải qua nhiều năm tập luyện. Chính bản thân tôi chẳng thể ngẫu tạo nổi dăm ba bản của Beethoven.

Cũng có người tài giỏi hơn hay liễu lĩnh hơn nhận rằng họ có thể làm giả được, nhưng bất quá chỉ dôi ba dòng.

Chính tôi cũng không dịch cuốn sách này để giới thiệu với độc giả nếu trường hợp Rosemary Brown chỉ là một hiện tượng đặc thù, kích động, chỉ xảy ra có một lần.

Trước đó và sau đó đã có nhiều trường hợp giáng bút hạ kỳ như trường hợp Patience Worth và "Chics" Xavier (trong các kỳ tới).

Sau cuộc "đả thông" đáng ghi nhớ, ngoài việc ghi chép những sáng tác mới của các đại nhạc sư, thỉnh thoảng bà Rosemary Brown còn được linh hồn của các cố nghệ sĩ, thi sĩ, kịch tác gia, triết và khoa học gia tiếp xúc.

Như họa sĩ Vincent van Gogh (1853-1890) vẽ bằng chì than trên qua tay vung về của bà Brown.

Như Bertrand Russell, triết gia Anh xét lại thuyết vô thần của ông và bầy tỏ niềm hy vọng vào đời sống vĩnh cửu.

Như Albert Einstein giải thích những thuật ngữ và khái niệm phức tạp của ông.

Tờ TIME viết về trường hợp Rosemary Brown như sau: "Ai cũng yêu sự huyền bí. Dù người ta đứng ở phía nào trong vấn đề giao cảm với người chết đi nữa thì Rosemary cũng vẫn hiển nhiên là một bí ẩn âm nhạc."

Kể từ số sau, Khởi Hành sẽ khởi đăng nguyên văn bản dịch Chết Còn Vương Tơ của Rosemary Brown, thuật lại chi tiết những cuộc tiếp xúc với hồn ma những danh tài âm nhạc hoàn vũ.



Beethoven bắt đầu tiếp xúc với Rosemary Brown từ 1964. Nhạc sư cho biết không còn bị điếc nữa và tiếp tục thưởng thức được nhạc như xưa. Ông đã đọc cho bà Brown chép 2 sonata và 2 hòa tấu khúc số 10 và 11.

"...There are top class hotels around the world that
don't do such great job as Seafood World in Westminster."
THE ORANGE COUNTY
Register

ĐỆ NHẤT NHÀ HÀNG TIỆC CƯỚI

SEAFOOD WORLD

15351 BROOKHURST, WESTMINSTER, CA 92683
714-775-8828 ■ 1-888-TIEC CUOI ■ FAX 775-2317



*SEAFOOD DIM SAM KHÔNG NGẬY MỠ
CƠM PHẦN NGON MIỆNG GIÁ BÌNH DÂN*

Nhà hàng được Thống Đốc Tiểu Bang California, các hội đoàn Việt Mỹ, các cơ quan truyền thông, báo chí nhiệt liệt khen ngợi.

Báo chí Việt ngữ tặng cho danh hiệu:
ĐỆ NHẤT NHÀ HÀNG TIỆC CƯỚI.

Được các trường đại học UCI, Marriotte Hotel mời cộng tác catering.

Nhận đặt tiệc cưới tại Marriotte Hotel Anaheim.

Nơi lý tưởng để tổ chức Tiệc Cưới

1-888-TIEC CUOI or 778-8828

TRUNG TÂM BĂNG NHẠC BÍCH THU VÂN

9200 BOLSA AVE. # 137-138 WESTMINSTER, CA. 92683 . TEL: (714) 897-4519

Một Sắc Thái Chon Nhạc Phong Phú
Những Sản Phẩm Âm Nhạc Xuất Sắc



HOÀI CẢM là chủ đề cuốn CD này, với những nhạc phẩm danh tiếng của các nhạc sĩ danh tiếng: Phạm Duy, Cung Tiến, Trịnh Công Sơn, Ngô Thụy Miên, Đức Huy, Lê Uyên Phương, Phạm Đình Chương. Thái Hiền với giọng cao sang truyền cảm và chứa giọng nam nào qua nỗi Tuấn Ngọc. Hoà âm Duy Cường, phối khí John Tomlinson là hai bảo đảm.



BIẾT YÊU LẦN ĐẦU là một lời nhạc của Khúc Lan. Mười lời nhạc Khúc Lan trong cuốn CD này, với tiếng hát Ngọc Bích, một tâm sự chuyên chở những đổi thay từ Đêm Mưa Giã Từ tới Vòng Tay Bơ Vơ. Từ Alegria nồng nhiệt tới Romance d' Amour hoà tấu tràn đầy. Đêm nay Dạ Vũ Phượng, mai Hạnh Phúc Bay Xa. Quốc Thắng hoà âm.



RỪNG THU làm nổi bật tiếng hát Ngọc Hương, trẻ, khoẻ, tươi mát xối xả trong những tình khúc thời thanh xuân quyến luyến đam mê những thời khắc hạnh phúc hiện tại trộn lẫn những xao xuyến lo âu ngày mai. Nếu bạn bắt đầu nghe cuốn CD này, bạn sẽ nghe từ bài đầu cho tới bài cuối cùng. Mười ca khúc của Khúc Lan.

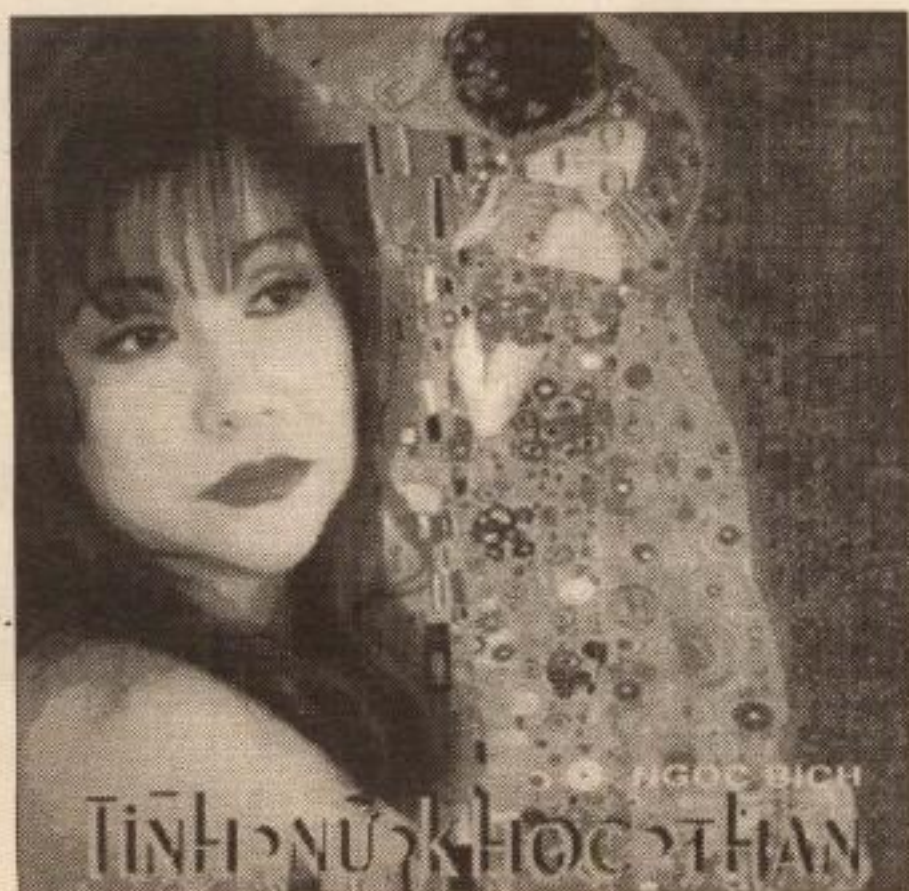


THIÊN ĐƯỜNG MANG TÊN ANH với hai giọng ca Ngọc Bích và Việt Dũng trong những bản nhạc do Bích Thu Vân chọn lọc. Kể từ ngày khai trương, qua thời gian tồn tại phát triển lớn mạnh, Trung Tâm Băng Nhạc Bích Thu Vân nổi bật trong sắc thái chọn lọc phong phú và thực hiện những sản phẩm âm nhạc xuất sắc.

BĂNG NHẠC DO BÍCH THU VÂN
SẢN XUẤT NHƯ MỘT ĐÁP ỨNG CẦN
THIỆT CHO KHỐI NGƯỜI NGHE NGÀY
CÀNG TÌNH TẾ, ĐANG MUỐN TÌM
NHỮNG ÂM THANH MỚI, GIỌNG CA
MỚI, TÌNH ĐIỀU MỚI
ĐẾN TỪ TÂM TÌNH TUỔI TRẺ THỜI ĐẠI
VÀ NHỮNG SÁNG TÁC MUÔN VẼ
TÂN KỲ
ĐẾN TỪ TÂM HỒN
VÀ ĐẤT NƯỚC NGƯỜI.



TÌNH VẤN THIẾT THA với Ý Lan, Tuấn Ngọc, Thái Hiền, Ngọc Hương, là một chọn lọc phối hợp giữa những danh phẩm Việt Nam và ngoại quốc. Với nhạc Phạm Đình Chương, Ngô Thụy Miên, Trịnh Công Sơn một mặt, mặt kia là những sưu tầm từ thế giới âm thanh nước người, do Khúc Lan chuyển qua lời Việt.



TÌNH NỮ KHỐC THAN là một điển hình phối hợp sự tinh tế trong việc chọn nhạc ngoại quốc của Bích Thu Vân và sự chuyển lời từ những bản nhạc ấy qua giọng Việt của Khúc Lan. Ngay khi phát hành, nhiều bản nhạc trong cuốn CD này đã được nhiều ca sĩ khác trình bày. Người sành nghe nhạc tin tưởng ở nhãn hiệu Bích Thu Vân.

Khởi Hành

TẠP CHÍ SÁNG TÁC SINH HOẠT VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

Chủ Nhiệm Kiểm Chủ Bút Sáng Lập
Anh Việt TRẦN VĂN TRỌNG

Tổng Thư Ký Toà Soạn
VIÊN LINH

Toà Soạn
9306 Bolsa Ave, Westminster, CA 92683
Điện thoại: (714) 897-2599 / 894-4950
FAX: (714) 894-7333
E-mail address: KhoiHanh@aol.com

Bài gửi cho báo khác xin miễn gửi cho Khởi Hành. Bài viết một mặt giấy, hay gửi trong đĩa, e-mail. Tòa soạn không trả lại bản thảo. Những bài được đăng không nhất thiết phản ánh chủ trương của Khởi Hành. Khởi Hành dành quyền cắt bỏ nếu cần. Muốn trích đăng bài vở trên Khởi Hành phải có thoả thuận trước với toà soạn và phải ghi rõ xuất xứ và số báo.

GIÁ BÁO

Mỗi số 3.50 mỹ kim.
Mua dài hạn 24 mỹ kim một năm trong nội địa Hoa Kỳ.
Ngoài Hoa Kỳ thêm 1 mỹ kim cước phí mỗi số.

ĐẠI DIỆN TẠI CÁC ĐỊA PHƯƠNG

LÊ TRỌNG PHƯƠNG, Bonn, Đức
THẾ DŨNG, Berlin, Đức
HỒ TRƯỜNG AN, Troys, Pháp
VŨ LAN PHƯƠNG, Ba Lê, Pháp
LÊ TÀI ĐIỂN, Ba Lê, Pháp
SƯƠNG MAI, San Jose, HK
TRẦN BÁT NHẢ, Louisiana, HK
NGUYỄN ĐƯỜNG BÉ, Atlanta, HK
NGUYỄN HỮU HIỆU, Virginia, HK
TRẦN ĐÌNH THỌ, Victoria, Úc
ĐẶNG VĂN NHÂM, Copenhagen, Đan Mạch



TẠP CHÍ SÁNG TÁC SINH HOẠT VĂN HỌC
NGHỆ THUẬT
XUẤT BẢN HÀNG THÁNG

Thư từ bài vở liên lạc gửi cho

VIÊN LINH
P.O. Box 3156
SANTA ANA, CA. 92703, USA.

NĂM THỨ SÁU-SỐ 157 / BỘ MỚI, SỐ 1, THÁNG 11-1996



Ánh Hồng

7 Courses of Beef Restaurant

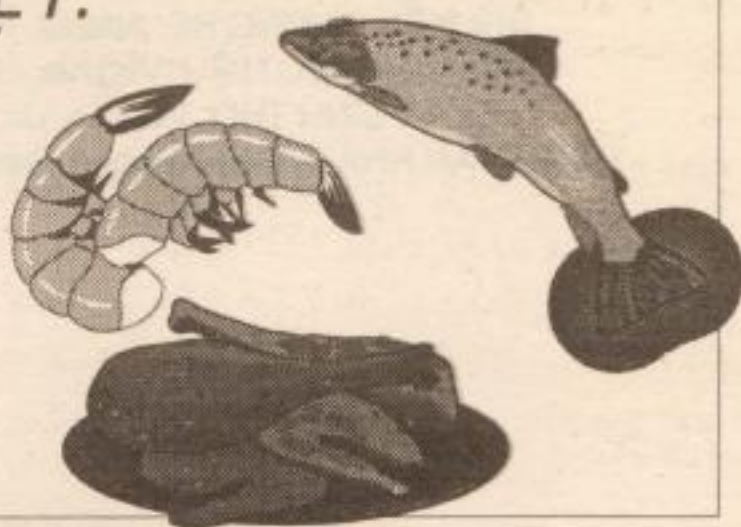
10195 WESTMINSTER AVE. GARDEN GROVE, CA. 92643
Điện thoại: (714) 537-5230

CHÁNH GỐC CỒNG XE LỬA SỐ 8 PHÚ NHUẬN
SÁNG LẬP TỪ NĂM 1954

Chuyên môn thức ăn thuần túy Việt Nam
do chính chủ nhân Bà **Lê Văn Khá** trực tiếp điều khiển

ĐẶC BIỆT:

- * TÔM
- * GÀ
- * CÁ
- * MỰC



BEER & WINE



GIỜ MỞ CỬA:

7 NGÀY TRONG TUẦN

THỨ HAI ĐẾN THỨ NĂM: 3:00PM-9:30PM

THỨ SÁU & THỨ BẢY: 11:00AM-10:30PM

CHỦ NHẬT: 11:00AM-9:30PM

Gia Đình ÁNH HỒNG kính mời

SAN JOSE

1818 Tully Road # 150
San Jose, CA. 95122
(408) 270-1096

ORANGE COUNTY

10195 Westminster Ave.
Garden Grove, CA. 92643
(714) 537-5230

SAN FRANCISCO

808 Geary Ave
San Francisco, CA. 94109
(415) 885-5180

LOS ANGELES

8748 E. Valley Blvd. # A
Rosemead, CA 91770
(818) 572-9805